

I THÁNG 3 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười một

ĐOÀN NHẬT TẤN *giáo dục và văn-đề lý-tưởng cho*
thanh thiếu niên * TÌ TRÌ Nam Dương từ Sukarno đến
Suharto * NGUYỄN HIẾN LÊ Walt Disney; thi sĩ của
màn ảnh * VÕ PHIẾN *không cười* * NGUYỄN NGU Í
nhớ và nghĩ về bài quốc ca Việt * TRẦN TRIỆU
LUẬT *Nguyễn văn Trung sau 10 năm cầm bút* * LINH
BẢO *nét đẹp quê hương* * NGỌC VÂN ý nghĩa
của chuyến đi cuối cùng * VU ĐOÀI *nguồn nước*
cạn * MỘNG TRUNG *hôn nhân dị chủng* * LÊ
TẤT ĐIỀU *vỡ đường*. * **SINH HOẠT** giới thiệu
« hai mươi năm qua » *
Hội nghị tôn giáo hoàn
cầu * *chân dung tình yêu*

244



le laboratoire français des stéroïdes

1952 CORTISONE ROUSSEL

1953 HYDROCORTISONE ROUSSEL

1955 CORTANCYL

1957 HYDROCORTANCYL

1959

DECTANCYL

21-acétate de 16 α -méthyl, 9 α -fluoro-deltahydrocortisone

Toutes les indications de la
CORTICOTHÉRAPIE

- Boîte aluminium de 100 comprimés, avec barre de cassure, dosés à 0,55 mg d'acétate de dexaméthasone correspondant à 0,5 mg de dexaméthasone-base, présentés sous emballage individuel pour vente au détail en pharmacies.

Tableau A.

Distributeur : UFFARMA CONG-TY
20A, BEN BACH-DANG SAIGON



BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

Số 244 ngày 1 - 3 - 1967

ĐOÀN NHẬT TẤN <i>giáo dục và vấn đề lý tưởng cho thanh thiếu niên</i>	3
TỪ TRÌ <i>Nam Dương từ Sukarno đến Suharto</i>	11
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>Walt Disney, thi sĩ của màn ảnh</i>	19
VÕ PHIẾN <i>không cười</i>	27
NGUYỄN NGU Í <i>nhớ và nghĩ về bài quốc ca Việt</i>	33
TRẦN TRIỆU LUẬT <i>Nguyễn văn Trung sau mười năm cầm bút</i>	
	(phỏng vấn) 41
LINH BẢO <i>nét đẹp quê hương</i>	47
NGỌC VÂN <i>ý nghĩa của chuyến đi cuối cùng (nhân vụ tử nạn của ba</i>	
	phi hành gia Hoa-kỳ) 51
VU ĐOAI <i>nguồn nước cạn (truyện ngắn)</i>	57
MỘNG TRUNG <i>hôn nhân dị chủng</i>	69
LÊ TẮT ĐIỀU <i>vỡ đường (truyện ngắn)</i>	76
SINH HOẠT	
LÃNG NHÂN <i>giới thiệu « Hai mươi năm qua » của Đoàn Thêm</i>	83
NGUYỄN NGU Í <i>hội nghị tôn giáo hoàn cầu</i>	85
<i>chân dung tình yêu</i>	87

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
 160 Phan Đình Phùng Saigon
 Đ.T. 25.539
 H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
 133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 20\$ - Công sở : Giá gấp đôi
 Cao Nguyên và Miền Trung :
 thêm cước phí máy bay

SÁCH MỚI

— **Gương chiến đấu** của Nguyễn Hiến-Lê do Nguyễn-Hiến-Lê xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 220 trang gồm tiểu-sử của Dostoievsky, Jack London, Voltaire Mustapha Kémal, Ibn Séoud, Byron. Giá 70đ.

— **Những bước lang thang trên hè phố** của Bình Nguyên Lộc, do Thịnh-ký xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang, in trên giấy đặc biệt, giá 90đ.

— **Hương cỏ may** truyện dài của Tuấn Huy, do An Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 320 trang, giá 90đ

— **Vòng tay học trò** truyện dài của Nguyễn-thị-Hoàng, do Kim-Anh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 410 trang, bản đặc biệt, không đề giá.

— **Nước mắt nụ cười** tập truyện của Quốc Dân, do Độc lập xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 74 trang gồm 7 truyện ngắn, giá 32đ.

Nói về tuổi hai mươi của Nhất

Hạnh do Lá bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 170 trang in lần thứ hai, giá 65đ.

— **Mộng ngàn sơn** tập thơ của Quách Tấn do Hoa nãi xuất bản và tác giả gửi tặng sách dày trên 140 trang, gồm 135 bài thơ theo thể ngũ ngôn tuyệt cú rất đặc sắc, trình bày trang nhã. Bản đặc biệt không đề giá

— **Vực thẳm và hy vọng** tập thơ của Trần-quang-Long, do trình bày xuất bản và gửi tặng. Sách dày ngót 70 trang in ronéo 2 mặt, khổ 21x27, gồm gần 30 bài thơ; không đề giá bán.

— **Nghiên cứu việt-Nam** số 3, số mùa thu 1965, do Lê văn Hảo chủ trương biên tập, nhà xuất bản Trình bày ấn hành và gửi tặng Báo in ronéo 2 mặt, khổ 21x27, dày 84 trang gồm những bài nghiên cứu giá trị của Trần văn Khê, Nguyễn hữu Ba; Phạm Thuý Hoan, Nguyễn Bạt Tụy, Lê từ Thành, Thuần Phong, Toan Ánh, Lê văn Hảo và Trần kim Thạch.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

**NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.**

Giáo-dục và

vấn-đề lý-tưởng cho thanh-thiếu-niên

Xưa nay nhà giáo-dục hay đạo-đức nào muốn đưa ra một lý-thuyết để xây dựng con người cũng thường có những tiêu-chuẩn rất cụ-thể. Rousseau viết quyển Emile chính là để đưa ra một mẫu người lý tưởng và nói cách đào-tạo như thế nào. Các triết-gia và đạo-đức-gia mà tư-tưởng kết thành hệ-thống cũng thường vạch ra một con người kiểu mẫu để làm biểu-tượng cho cái mục-đích của mình. Một chế-độ chính-trị muốn tác-thành cho dân-chúng một nếp sống, nếp nghĩ thống nhất trong quốc-gia cũng làm như vậy. Vì thế mà đã có một người «quân-tử», một người «hiệp sĩ», một «người hùng», một đảng-viên gương-mẫu,... hay một nhân-vật tiêu-thuyết để kẻ khác nao nức noi theo.

Tác-dụng tâm-lý của các thần-tượng ấy thường rất kiến-hiệu. Ngày nay người ta thấy cần đặt cho người thanh-niên trong thế-hệ đang lên một con người mẫu-mực lý-tưởng; ở nước ta nhiều bậc thức-giả đã nói tới và những người nhiều ưu-tư với thời-đại loạn-ly hiện-tại ai cũng cảm thấy chúng ta thiếu một lợi-khí về loại này để kết-tập nhân-chí, huy-

động nhân-tâm trong thời buổi tồ-quốc, dân-tộc lâm nguy.

Nhưng chúng ta thử xem việc đặt ra một mẫu người lý tưởng hay một thần tượng có thích hợp với quan điểm của con người tự-do ngày nay không ?

Lý tưởng và thời gian

Con người là một thực-thể linh-động xã-hội loài người ngày nay biến-chuyển mau lẹ không ngừng. Mọi thần tượng, mẫu người bất-biến đều không thể, đứng vững. Nhất là ở học-đường, một thần-tượng mà ngày nay ta xây dựng cho trẻ em dù hợp-lý đến đâu cũng không còn hợp thời hợp cảnh nữa khi trẻ sẽ trưởng-thành rời khỏi nhà trường để sống trong xã-hội sau này.

Ở nước ta, người trí-thức hăng say trong việc đặt lý-tưởng cho con người thời tiền-chiến, không ai bằng Hoàng-Đạo. Đó là điều Tâm-niệm thứ 3 trong «Mười điều Tâm-niệm» của ông : Ông đã quan-niệm lý-tưởng là một cái gì re cụ-thể vì nó chỉ thích-hợp riêng cho từng người nên ông đã khuyên mỗi người hãy chọn một lý-tưởng và theo

ông, «lý tưởng không phải chỉ có một» cho mọi người.

Chưa nói đến việc mỗi người một lý-tưởng thì cái sinh-lực của tập-đoàn trong quốc-gia dân-tộc sẽ kém sút đi, ta hãy xét ngay cái lý-tưởng mà chính Hoàng-Đạo đã đề ra cho mình : Lý-tưởng ấy được ghi rõ trong Mười điều Tâm-niệm. Có những điều rất đại-cương có khi thiếu cả chiều-hướng như : *Theo mới không chút do dự* (điều 1) *rèn-luyện tính khí* (điều 5), *luyện óc khoa - học* (điều 7) *luyện thân - thể cường tráng* (điều 9) (đề làm gì ?). Có những điều quá chi-tiết : *Cần sự nghiệp không cần công-danh* (điều 8), *cần có trí xếp-dặt* (điều 10). Mà điều nào, trong nội dung, cũng dựa trên cái phản-ứng mà người thanh-niên cần phải có đối với chế độ xã-hội đương-thời (1936 — 1937) : người thanh-niên thời ấy đang sống trong cái thể kiểm-cấp cuối mùa của chế độ phong-kiến thực-dân. Ngày nay thể-cuộc đã đổi thay dù là mới độ 13 thế kỷ (một em 13 tuổi vào Trung học bảy giờ thì nay được 43 tuổi). Ngày nay, nhất là trong xã-hội hiện tại mà khuyên người thanh niên «theo mới không chút do dự» thì không phải là chuyện lý-tưởng nữa rồi. Ở các điều tâm-niệm khác thì cái ý-nghĩa mà tác giả đã gán cho nó ngày xưa, nay cũng không đứng vững nữa.

Cho nên việc truyền-đạt cho thế-hệ thanh thiếu niên một kiểu người mẫu-mực không phải là chuyện hợp-lý. Nó còn phản ảnh ít nhiều cái tinh-thần độc-đoán của lớp người lớn chúng ta đối với lớp trẻ đang lên, vì một mẫu người như thế, dù hay, tốt đến đâu, cũng chỉ được nặn ra từ đầu óc của con người hiện-tại, chỉ hợp với hoàn cảnh một thời. Nếu ta lợi-dụng tất cả phương - tiện giáo-dục

mà người lớn chúng ta đang độc quyền nắm giữ đối với họ để mà nhồi nhét cho họ tin theo cái lý-tưởng do chúng ta đặt ra, bắt chấp rồi đây xã-hội có thể biến-chuyển như thế nào, tâm-tư họ sẽ diễn-tiến ra làm sao, thì quả là một thái - độ bảo-thủ không thể chấp-nhận được. Chúng ta không có quyền cầm chân cả một lớp người trên con đường tiến-hóa, theo quan-điểm của thời-đại chúng ta.

Lý tưởng và quyền sống :

Đó là chưa kể cái sai lầm của những chế-độ đưa ra thần-tượng để rồi quên mất con người mà chỉ thấy có thần-tượng. Với một lý-tưởng xa vời, với ít nhiều đường nét hấp-dẫn, có nhiều chế-độ đã chà đạp thậm-tệ lên nhân-cách, coi con người hiện tại như công-cụ vô-tri, như thú vật phục-dịch. Chúng ta chưa cần nói đến những lý-tưởng mà các chế độ chính-trị đã đưa ra, nhiều khi phải trả giá bằng cuộc sống của cả một đời người hay nửa-mai hơn nữa, bằng quyền sống của cả một thế-hệ mà chưa đi đến đâu. Chúng ta chỉ kiểm-điểm lại đây một vài hình-thức lý-tưởng trong giáo-dục :

Thời trước, các nhà Nho đã treo lên cho đám sĩ-tử hình-ảnh lý-tưởng của một tân-khoa :

*Bảng vàng rực rỡ thì đề tên anh,
Bổ công cha mẹ sắm sanh...
..Nghỉ-vệ đứng hai bên đường,
Võng anh đi trước, võng nàng đi sau...*

Kề ra hì khoa-cử chọn cho đủ g nhân tài để giúp nước thì cũng là đáng trọng vọng chứ có sao ; mỗi thời có nghi-lễ của nó. Khoa cử vốn là một phát-kiến rất hay của các nhà chính-trị ngày xưa ;

hiển-pháp Tôn-văn vẫn còn coi quyền khảo-thí là đệ-ngũ-quyền trong nhà nước. Nhưng từ ngày cái thần-tượng hấp-dẫn của một tân-khoa được đề ra, xã-hội thời xưa đã chôn vùi biết bao nhiêu là nhân-tài tuần-tú. *Giai-thoại Làng-Nho* (Lăng-Nhân — Kim-Lai ấn-quán) kể chuyện Bùi-Ấn-Niên làm quan trải ba triều, tuổi gần xuống lỗ mà vẫn còn mang nặng cái thắc-mắc tại sao trong kỳ thi năm xưa, quan-trưởng đã không chấm mình đồ được phó-bảng; Đoàn-tử-Quang, người Hà-Tĩnh, đến 82 tuổi mới được toại-nguyện nhờ thi đỗ cử-nhân gần cuối bảng. Tâm-tư đã như thế thì suốt đời còn làm được việc gì? Nếu không đạt được lý-tưởng thì đành bỏ một đời:

«*Một cuộc văn-chương thôi cũng nhảm*
«*Trăm năm thân thể có ra gì?*»

Trần tế-Xương

Ghê gớm thay thần-tượng đã hủy-hoại cả cái ý-thức của con người về cuộc đời mà chính nạn-nhân, cũng không hay biết! Lý-tưởng càng hấp-dẫn thì con người càng dễ chấp nhận để có kẻ lấy mục đích mà biện minh cho phương-tiện chà đạp con người.

Ngày nay tuy quan-niệm đã đổi thay, hình ảnh con người gương-mẫu, với tất cả cái «danh-dự» mà người ta gán cho nó, chưa phải đã hết tác-hại trong học đường chúng ta.

Nếu quả con người đã thực-sự say-mê khoái-trá về cái thần-tượng của họ thì cũng đành cho họ thả mỗi bắt bóng miến là họ hưởng-thụ được ở bóng tất cả hương vị của mỗi. Nhưng khốn thay, về phương diện tâm-lý, nhiều khi lại không được như vậy: Con người, trên con đường tiến tới một lý-tưởng quá cụ-thể, trong cái tâm-tư chạy theo một gương-

mẫu, lại chỉ có *nơm-nớp lo-âu*. Họ sợ mất cái danh-vị làm gương-mẫu hơn là được thoải-mái làm gương-mẫu. Những con người «thắng không kiêu, bại không nản» ấy quả có một tâm-trạng bi-đát: đứng trước thần-tượng họ thường có *mặc cảm tội lỗi* hơn là có hào-hứng và trách-nhiệm. Họ bị gò bó trong nếp sống cứng-nhắc của mẫu-mực, họ được thêm-thường nghĩa là bị theo dõi; họ chỉ có xác mà không còn hồn, vì không tự mình thay đổi được nếp sống của mình nữa, họ chỉ còn sống cho cái chế-độ đã nặn ra mình. Ta cứ xem *những em* được gọi là học-sinh *gương-mẫu* ở các trường học thì rõ: tháng nào họ cũng được bảng danh-dự, cũng đứng đầu lớp: Trông họ rất đạo-mạo gần như già nua, đến lớp rất đúng giờ, trong lớp thì yên lặng, ra chơi thì ít khi cười dõn nghịch-ngợm, họ không bao giờ dám thoát ra khỏi cái khuôn mẫu mà thầy bạn đã gán cho mình, không bao giờ họ dám có sáng-kiến «liều một chút» trong cuộc sống. Trái ngược hẳn với đám bạn trẻ-trung, nghịch ngợm, ranh-mãnh, vô-tư, nhiều khi bị quở phạt hơn là khen-thưởng, không có tham-vọng nào làm *gương mẫu* cho ai.

Có thể mai sau ra đời, những người học sinh lý-tưởng, gương-mẫu này vẫn còn là những công-dân lý-tưởng, gương mẫu trong xã hội, nhưng mấy khi họ dám làm được cái gì khác đời đề đầy mạnh cái nếp sống của riêng họ hay của xã-hội tiến lên.

Lý tưởng mạnh

Trên kia chúng tôi đã mượn cái lý-tưởng của Hoàng-Đạo đề mà bàn-luận. Có điều đáng chú ý là Hoàng-Đạo không phải là một chính-trị-gia hay đạo-đức

gia, cũng không phải là một nhà tôn-giáo, nên lý-tưởng của ông không có màu sắc rõ-rệt của một ý-thức-hệ nào. Chính vì thế mà lý-tưởng nêu ra không có chiều sâu, không có hệ-thống và chỉ đặt nền-nếp cho một nếp sống thông thường mà thôi. Ngày nay ở một thời buổi mà con người mang nhiều xao-xuyến trong tâm-tư, cần một liều thuốc an-thần quyết liệt hơn thì nếu ai có ý đề ra một lý-tưởng cụ-thể, một thần-tượng cho con người thế-hệ, chắc phải đi sâu hơn nữa.

Thế nhưng ở nước Việt-Nam này mà đưa ra một ý-thức-hệ quá ư cụ-thể thì không làm sao đoàn-kết được cả mọi người: lịch-sử đã đặt nước Việt ta ở một ngã ba đường của nhiều luồng văn-minh kim-cồ, dân-tộc ta đã đón nhận 3,4 trào-lưu văn-hóa. Dân-tộc tuy thuần nhất mà tư-tưởng văn-minh rất là phức-tạp. Chỉ một thành-phố Sài-gòn trên một triệu dân mà bao nhiêu là nơi thờ phụng tín ngưỡng khác nhau, bao nhiêu là đảng phái chính-trị, Việt-Nam mới chỉ có 5,3 trường Đại-học mà mỗi trường đã có một căn-bản tư-tưởng khác nhau ngay từ trong quan-điểm của những người sáng-lập. Cùng là người Việt-Nam mà kẻ khi chết thì chôn, người khi chết thì đốt. Nay nếu trong học-đường mà đặt người thanh-thiếu-niên theo một *khuôn-khò* lý-tưởng thì sau ra đời họ sẽ sống với ai? Làm sao có một sự hòa-đồng để tạo một sức mạnh cần-thiết cho cộng-đồng xã-hội trên đất nước hiện giờ? Cho nên mọi thần-tượng cụ-thể, mọi mẫu người khuôn thước đều không thích-hợp với tình-trạng dân tộc ta. (2)

Gần đây có người nóng lòng trước nguy-cơ còn mất của quốc-gia, của nhân loại, đã đem hỏi các nhà triết-học xem họ có một ý-thức-hệ nào «thật cao đẹp» để đủ mạnh chống nổi lại chủ-nghĩa độc tài xâm-lược hiện đang mưu-toan bá-chủ hoàn-cầu (1). Ta hãy phân-tích xem một ý-thức-hệ mà lôi cuốn được mọi người

để tạo một bạo-lực được như vậy, thực-chất nó là cái gì? Ai đã biết về các chế-độ độc-tài hung-hãn trên thế-giới lâu nay, đều rõ rằng cái sức mạnh của họ không phải ở trong ý-thức-hệ hay trong cái lý-tưởng mà họ đã theo, mà chính là ở trong cái phương-pháp bá-đạo mà họ đã dùng để tuyên-truyền, nhồi nhét nó trong lòng quần-chúng nhân-dân. Cho nên cái cường-lực của một chủ-nghĩa độc-tài phần lớn là do đường lối chính-trị chứ không phải do cái căn-bản triết-lý của ý-thức-hệ: Chủ-nghĩa Phát-xít, Đức-quốc-xã hay lý-tưởng Mác-xít nếu không có cái «tài» chính-trị của Mussolini, Goebbels, Hitler, Lénine, Staline thì cũng chỉ là sách vở, hoặc nếu có hiệu-lực nào thì cũng như các triết-học của Kant, Sartre...hay các giáo-thuyết của Khổng-tử, Thích-ca...mà thôi. Do đó mà đòi hỏi một tư-tưởng mạnh để chống độc-tài quốc-tế thì chỉ là một *đòi hỏi chính-trị*, một *vấn-đề quyền-mưu* ra ngoài phạm-vi triết-lý và giáo-dục. Nói một cách khác, không phải vì chủ-nghĩa Cộng-sản cao đẹp hơn mà nó mạnh hơn. Nó mạnh hơn là do ở cái thủ-đoạn tuyên-truyền của nhà chính-trị đã khéo lợi dụng nó: Một anh nông dân ở nước ta sống trong vùng cộng sản có phục-vụ đặc-lực cho Đảng thì cũng không phải vì anh thông suốt được tất cả cái thâm-thúy của chủ-nghĩa Mác-Lê mà chỉ vì anh nghe lọt tai được lời tuyên-truyền ngon ngọt của người cán bộ Cộng-sản và chính người này cũng có phải là kẻ đã thấu hiểu được Tư-bản-luận của Mác đâu?

Qua lịch-sử hưng vong của các chế-độ độc tài, người ta thấy họ có những

(1) Xem Bách Khoa Thời-Đại số 175 ngày 15-4-64 trang 83.

(2) Xem «Một nền Giáo dục Nhân bản và Dân tộc» Đoàn Nhật Tấn 1966 trang 11.

thủ đoạn chính-trị hoàn-toàn giống nhau từ cách cồ-động tuyên-truyền quần-chúng cho đến cách tiêu-diệt đối-lập, thanh-lọc nội-bộ, độc quyền báo chí, lãnh đạo văn nghệ, giáo.dục,.. mặc dầu chủ-thuyết triết-lý của họ hoàn-toàn khác nhau.

Cho nên một thần-tượng mà tác-động xa, một lý-tưởng mà có hiệu-lực mạnh, trong một thời, nhiều khi không phải là tự cái thần-tượng hay lý-tưởng ấy mà được như thế.

Chiều-hướng nhân-bản

Vậy nên, nếu đứng ở lĩnh vực giáo-dục và đạo-đức, thì đã đến lúc cần phải đặt lại vấn-đề lý-tưởng và phải xác định một hướng đi cho thanh-thiếu-niên ta ngày nay.

Chúng ta phải tránh đòi hỏi nơi con người một kiểu-mẫu cố-định, một lý-tưởng cứng-nhắc và chỉ giữ con người linh-động trong một chiều-hướng mà thôi. «Nền Giáo-dục chúng ta không uốn nắn con người theo một mẫu mực mà chỉ đặt con người trong một trường có định-hướng (champ orienté)» (1). Định-hướng đây là hướng nhân-bản, hướng tiến-hóa của con Người so với muôn vật, nghĩa là hướng tiến tới ý-thức và tự-do hơn nữa (1).

Được hướng-dẫn như thế trong cuộc sống, con người sẽ không lệ-thuộc vào một mục tiêu cố-định nào, họ không có cảm giác vất vả chạy theo một hình ảnh lý-tưởng với bao nỗi lo âu, họ không cảm thấy mình chỉ đáng sống khi đạt được lý tưởng, mà trái lại trên con đường tiến lên của họ, mỗi giờ, mỗi phút, họ đã và phải có quyền sống rồi. Không còn ai có thể hứa hẹn hảo-huyền để chiếm đoạt sự

sống của kẻ khác nữa. Con người chỉ cần đi đúng đường là làm tròn sứ mạng của họ, họ không cần phải ngày đêm mong đợi một trạm cuối cùng nào. Xưa nay con người đã bị lừa gạt quá nhiều rồi. Ngày nay họ đã phản ứng: Một hiện-tượng đang lan tràn khắp năm châu là cái tâm-trạng chống-đối của lứa tuổi thanh-thiếu-niên, cái cuồng nhiệt ham sống của họ phát lộ trong tư-tưởng, nếp sống và các tệ-hại xã-hội bây giờ.

Các nhà tâm-lý và xã-hội thường sánh đôi cá-thể tiến-hóa (ontogénèse) của mỗi chúng ta với cái tập-thể tiến-hóa (phylogénèse) của cả nhân loại, cho nên ta có thể coi hiện-tượng trên kia không phải là một căn bệnh của thời-đại mà chính là một phản ứng của cả nhân loại lâu nay đã bị lừa gạt đè nén quá nhiều.

Thật vậy, ta cần đặt lại con người vào nhân-loại, đặt nhân loại vào thế-gian (muôn loài) và đặt thế-gian vào vũ-trụ với kích-thước của nó là thời gian vô cùng và không-gian vô-tận trong đó con người mới ý-thức được đúng cương-vị và vai-trò của mình. Như thế họ mới thoát khỏi cái mặc cảm kinh-niên, mới sâu vạm-cổ tự coi mình như một hạt bụi cô đơn, bất lực với một cuộc đời hữu-hình hữu-hạn quá mong manh. Khi được biết cái tầm-thước vô-cùng vô-tận ấy cũng là của chính mình, con người không còn hoang mang kinh ngạc trước cái vô cùng vô tận như Pascal đã mô tả nữa. Các bậc Thánh mà Alexis Carrel (2)

(1) «Một nền Giáo-dục Nhân-bản và Dân-tộc». Đoàn-Nhật-Tấn, trang 31,32.

(2) L'homme, cet inconnu (Plon) trang 358

đã tả như những «người có cánh tay dài vươn đến khắp thế gian», là những con người «bất ưu, bất cự».

Nhân-bản và dân-tộc :

Chính vì những lẽ trên mà người thanh-thiếu-niên chúng ta phải được nuôi dưỡng gắn liền với môi-trường xã-hội và cái xã-hội gần họ nhất là gia-đình và dân-tộc. Có đặt họ trong gia-đình dân-tộc, ta mới thực sự gắn con người vào nhân-loại để họ sống trong đó với tất cả ý-thức về sứ mệnh trọng đại của mình. Trong cuộc chiến-đấu cho tự-do, khi họ cần hy sinh thân xác, họ cũng không cảm thấy là mình đã chết, vì chết không phải là hết, mà còn dân-tộc, giống nòi, còn cái tự-do của Con Người còn cái mục đích mà mình đã đạt được trong sự chết ấy. Có gắn con người vào nhân-loại mới giúp được cho con người một giải-pháp để khỏi bị giày vò trong hoang-mang trước cái chết : những ai đã sống nhiều cho gia đình, dân-tộc, nhân loại đều ung-dung khi tắt thở như cảm thấy mình không chết, vì cái chí-hướng của đời mình đã thành tựu, vẫn theo nhân-loại mà trường-tồn. Đó là đúng với *luật tiến-hóa* của muôn loài : con thú mẹ chết mòn vì đẻ và nuôi con, cái lá rụng mùa thu là để cho cành vươn lên cao nữa. Chỉ có khác là con người ý-thức được và nhận lãnh sứ mạng tự làm việc ấy do ý-chí của mình để loài người tiến mạnh hơn mau hơn và không lệ thuộc vào đâu cả. Ai đi con đường ấy với ý-thức tự chủ là Người, ai buộc phải đi con đường ấy mà không ý-thức tự-chủ là cỏ cây thú-vật chịu sự chi-phối khốc-liệt của tự-nhiên.

Con người đã là tự-do thì gia-đình,

dân-tộc không thể là những định-chế có khuôn-khò bất-biến (1) nó chỉ là *phương tiện* để con người nhờ đó mà vươn đến ý-thức và tự do hơn nữa. Cho nên khi nói *giáo dục dân-tộc*, ta không nên nghĩ rằng phải có một mẫu người với tính-tình như thế nọ, phong-tục như thế kia để lấy đó làm lý-tưởng muôn đời cho thanh-thiếu-niên ta được. Chúng ta có gìn giữ những giá trị cồ-truyền của dân-tộc thì cũng chỉ vì nó thích-hợp cho ta hơn để dựa vào đó mà vươn lên, chứ ngưng trệ ở đó là chuyện sai lầm. Cũng như các tay đua thường dùng xe quen thuộc, thợ rừng thường đi những đường mòn là để tiến được mau hơn chứ không phải vì họ nuôi tiếc vắn-vơ những cái cũ. Người ta phỉ-báng những kẻ «mất gốc» bởi lẽ mất gốc là dại, là điên-rồ, vì không biết dựa vào đâu mà vươn lên được nữa, mà sống cho ra người ; hoặc là họ không ý-thức được cái chiều tiến tới của con người, hoặc là rồi họ sẽ phí cả một đời để dằng-co rầy-rụa trong những nếp sống lạ với tâm-tư cốt cách của mình, không còn sức đâu mà vươn lên được nữa.

Vì vậy mà những đạo-đức dân-tộc chỉ được tôn-trọng với một tinh-thần nhân-bản mà thôi, tự nó không phải là cứu-cánh cho ta được. Có những lý-do khiến ta có thể ngờ rằng chính những đức-tính dân-tộc vì thiếu một chiều-hướng nhân-bản, đã giam hãm chúng ta trong tình trạng chậm tiến ngày nay. Thanh-niên ta hiếu-học mà thiếu ý-thức nhân-bản thì chỉ cố công vì cơm gạo và hư-danh. Tình yêu quê hương cũng vì đó mà khiến người nông dân ta quẩn-

(1) Xem «Một nền Giáo dục Nhân bản và Dân tộc» của Đoàn-Nhật-Tấn trang 73 và tiếp.

luyện với «bụi tre đầu làng», với «con đường khúc khuỷu» mà bỏ hoang bao nhiêu đất-đai màu mỡ ở Cao nguyên, bờ biển ta trũng điệp mà dân ta rất kém khả-năng hàng-hải. Bà con ta «trọng nghĩa khinh tài thực-thà chất-phác» dễ mà dễ bị mê-hoặc, bóc lột, phỉnh lừa.

Cho nên dân-tộc không thể là cái tiêu-chuẩn tối-cao để tạo một nếp sống cho ta được mà chính *nhân-bản* mới là cái tiêu-chuẩn để chọn lọc, điều luyện nếp sống của dân-tộc.

Có hiểu như trên và đánh giá đúng mức vai trò của dân-tộc như vậy trong cái chí-hướng mà ta muốn trao gửi lại cho lớp người đang lên thì họ mới có thể cảm thấy mình phải nhờ dân-tộc mới sống nhiều hơn mà không bị ràng buộc hạn hẹp trong tư-tưởng, tín-ngưỡng hay tài-năng của mình. Có hiểu như thế thì ý-niệm dân-tộc mới vượt lên để bao trùm đoàn-kết được tất cả các mối dị-biệt về tôn-giáo, chính-kiến, đảng-phái, giai cấp, địa-phương để cùng cộng-đồng phát-triển trong xã-hội.

Mặt khác, chỉ khi nào dân-tộc được quan-niệm như một *giá-trị nhân-bản*, chúng ta mới có quyền đưa các cổ-tích, các di-tích lịch-sử, các đức-tính và phong-tục truyền-thống vào nội-dung giáo-dục ở nhà trường mà không đụng chạm đến tín-ngưỡng hay nếp sống của gia-đình hiện tại và ta mới giữ được trọn vẹn cảm tình, tin tưởng đối với tổ-tiên trong tâm-hồn của đám sĩ-tử, những tâm-hồn mà chúng ta tự-hào đào-tạo cho ngày mai chứ không phải cho quá-khứ hay hiện-tại.

Đề trở lại vấn đề, ta thấy dù có tôn-trọng cái gốc rễ con người trong dân-tộc

giống nòi, người ta cũng không thể lấy một mẫu người với một số đức-tính hay tập-tục mà hình-dung cho nó để làm mục-tiêu giáo-dục.

Xưa nay, trong lịch-sử nhân-loại, các thần-tượng, các hình người lý-tưởng bao giờ cũng chỉ là những ảo-ảnh không thoát khỏi một thân-phận phù-du thường tan vỡ theo cái số kiếp của những người đã lợi dụng nó. Chúng ta không thể đem thần-tượng vào học-đường vì có hại hơn là có lợi, mà cũng chỉ là chuyện hoài-công vì khi thầy giáo mới đầu-thai cho nó trong nhà trường thì người ta đã làm đám tang cho nó ngoài xã-hội. Một quan-niệm đúng về gương-mẫu sẽ giúp cho chúng ta có một thái-độ khoáng-đạt hơn trong việc xây-dựng, phê phán hạnh-kiểm của học-sinh.

Kiểm điểm các giá-trị

Đề xét cho cùng và kết-luận cho rõ, chúng ta hãy bàn đến cái thân-phận của mẫu người «quân-tử» trong đạo Nho.

Bình-sinh, người sinh ra nó là Không tử đã mang hoài-bảo mình đi khắp trong thiên-hạ, có lẽ nhờ đó mà Ngài đã góp nhặt được nhiều kinh-nghiem về con người, ngài đã tham-cứu nhiều sách vở, nên cái mẫu người mà ngài vạch ra có nhiều yếu-tính hợp với con Người vượt lên trên địa-phương và thời-đại chẳng? Nói thế chưa được, vì thực ra thì cái quan-niệm người quân-tử đã thay đổi rất nhiều qua các thời đại về sau. Ngay ở các nho-gia tôn sùng Không-giáo rất mực như Chu, Trình, Mạnh-tử, người ta, đã thấy những điều chưa có ở Không-tử. Không-tử còn dự-tính rất xa nên đã trang-bị cho người quân-tử cái «tùy thời chi đại-nghĩa» với thái-độ «nhật-

nhật tân». Nói cho đúng thì ngoài cái nguyên-lý siêu-hình nhất quán là *Nhân* ra thì giáo-lý đạo Khổng không có gì là xác-định cả. Bị vấn nạn, bậc Trầy đã có lần lắc đầu: «Vô khả, vô bất khả», một thái-độ phủ-định làm rung-chuyển cả cái hình-nhị-hạ của đạo Nho, thái-độ mà sau này Mạnh-tử rất tán-đồng vì đã hơn một lần giải-thích: «Nên làm quan thì làm quan, nên thôi thì thôi, nên mau thì mau, nên lâu thì lâu» hoặc: «Có khi nên lấy, có khi không nên lấy... Có khi nên cho, có khi không nên cho... có khi nên chết, có khi không nên chết...» Chính cái thái độ uyển-chuyển ấy đã là cái bí quyết «trường-sinh» của người Quân-tử.

Ta không hiểu nếu Đức Khổng xuất-hiện vào thời-đại vệ-tinh nguyên-tử này thì cái cơ-sở lập-giao của Ngài có khác đi không. Chứ đối với chúng ta, ở một thời-đại mà lý-trí và tâm-linh con người được quân-bình hơn thuở trước, lối suy-luận có khác xưa, nhưng chúng ta vẫn còn chấp-nhận tất cả những gì là nhân-bản trong đạo Nho. Cái quan-niệm «Nhân năng hoằng-đạo, phi đạo hoằng nhân» phải được ứng-dụng trước tiên như vậy cho đạo Khổng. : dù Đức Khổng, Thầy Mạnh có nặn ra người «quân-tử» ngày xưa như thế nào thì ngày nay chúng ta cũng chỉ còn nhắc đến người «quân tử» với những đức-tính nhân-bản mà thôi. Đó là quan-diểm nhất-quán của chúng ta đối với các giá trị tinh-thần. Theo chúng ta, những danh-từ «tinh-thần» và «vật-chất» không đương nhiên có một giá-trị nào. Cái gì làm phương tiện cho con người vươn lên ý-thức và tự chủ là có giá-trị, dù đó là vật-chất hay tinh-thần, và chúng ta cũng không phân-biệt như thế để làm gì nữa.

Chúng ta tin chắc là chúng ta đã đi

đúng đường vì, nhìn lại quá khứ, thời-gian đã thực-sự ủng-hộ quan-diểm của chúng ta. Thời-gian đã theo chiều-hướng của chúng ta mà gạt lọc đạo-lý, thời-gian cũng đã gạt lọc như thế cả chính-trị, văn-chương... Không phải vô-tình mà quốc sử ta đã ghi danh cả Bùi-thị-Xuân và Võ-Tánh, hai hào-kiệt chính kiến đối-địch nhau, chỉ xứng đáng như nhau trên một bình-diện khí-tiết hoàn-toàn nhân-bản. Nàng Kiều sống không gương-mẫu bằng Thúy-Vân vợ hiền con thảo, nhưng Nàng được người đời nhắc nhở tới nhiều hơn vì trong cái «Chữ Trinh kia cũng có ba bảy đường» nàng đã có nhiều sắc thái của con người sống tự-chủ, con người muôn thuở, vượt lên trên thời-đại.

Tóm lại, con người chỉ cần đi theo hướng Người. Thanh-thiếu-niên ta chỉ cần chọn hướng đi ấy, Tất cả còn lại chỉ là phương-tiện, mà phương tiện thì «vô khả, vô bất khả».

ĐOÀN-NHẤT-TÂN

SÁCH MỚI

— Dân tộc Chăm lược sử của Dohamide và Dorohiem do các tác giả xuất bản và gởi tặng. Dohamide là tác giả những bài về dân tộc Chăm, về Hồi Giáo đã đăng trên Bách Khoa trong những năm 1962 và 1964. Sách dày 170 trang, gồm 7 chương và phần Phụ lục cùng nhiều hình ảnh. Giá 100đ.

Tuổi ngọc Giai phẩm Xuân 1967 của học sinh Trung học Nguyễn Hoàng. Quảng trị. Báo in ronéo 2 mặt, khổ 21x27 dày 50 trang.

NAM - DƯƠNG

từ Sukarno đến Suharto

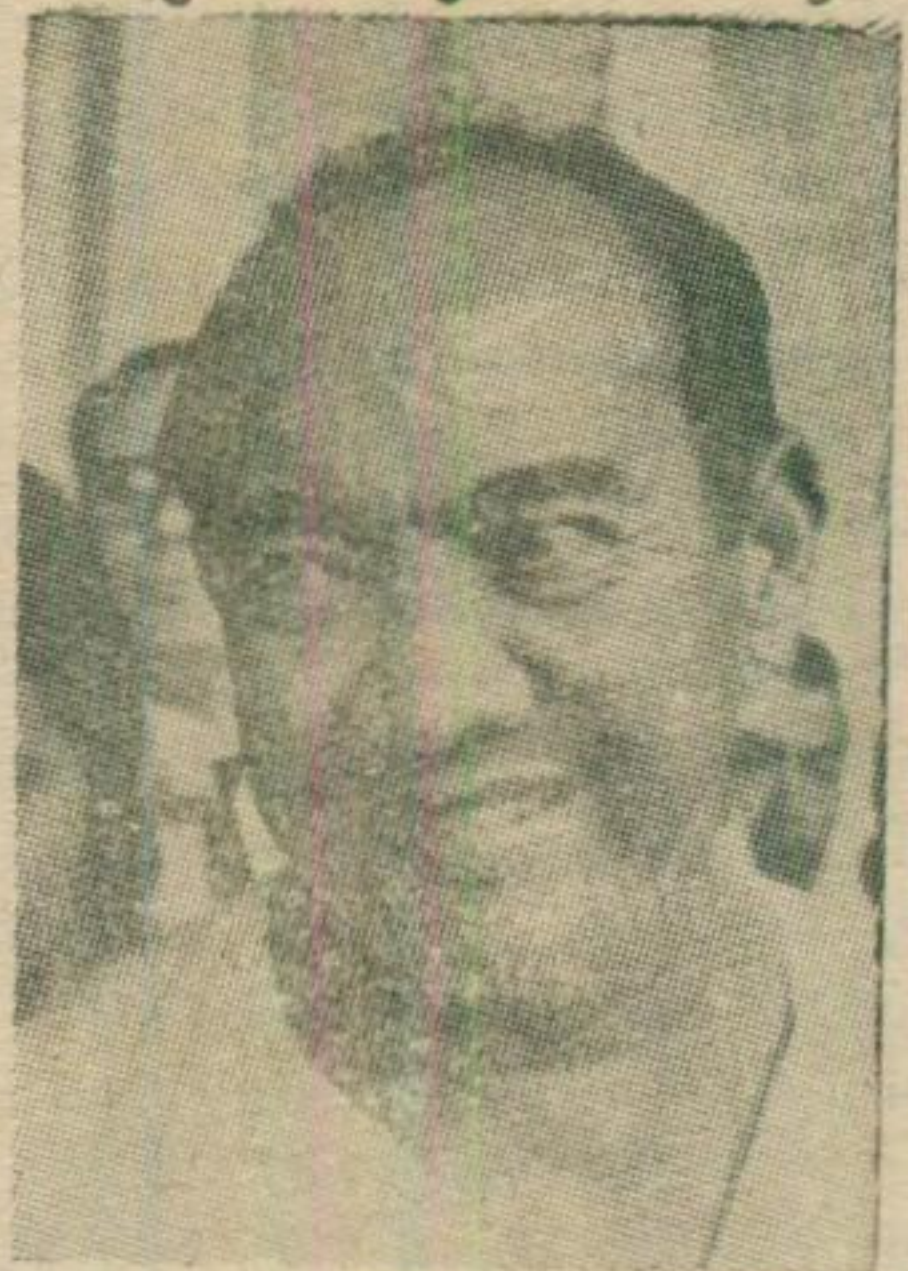
● TỪ - TRÌ

Từ tháng 9 năm 1955 tới nay Cộng Hòa Nam Dương đang bước qua một thời kỳ hết sức khó khăn. Tổng thống Sukarno cầm quyền từ năm 1945 tới nay dần dần đã mất quyền hành. Một chính phủ gồm những nhân vật mới xuất hiện đang cố tìm cách để đưa quần đảo Nam Dương tới một tình trạng ổn định hơn.

Từ khi độc lập, nhất là từ hội nghị Á-Phi Bandung tới nay, Nam-Dương được coi như bậc anh cả của các nước mới thu hồi được chủ quyền : chính sách đối ngoại và đối nội của Sukarno đã tạo cho Nam Dương một hình ảnh rục rờ. Uy tín của Nam Dương dưới thời Sukarno tuy rất lớn nhưng giả tạo như những dự án chính trị kinh tế, như những dinh thự đồ sộ ở thủ đô Djakarta. Những thành công của Sukarno có chiều rộng mà thiếu chiều sâu chỉ để che dấu một thực-trạng vô cùng bi đát của một quốc gia rộng mênh mông mà thiếu khai khẩn. Với một bề ngoài tô điểm đẹp đẽ, nhưng bề trong rạn nứt, chính thể Sukarno sớm muộn tất đi tới sụp đổ, tan vỡ.

Thiên-mạng của Sukarno

Sukarno sinh năm 1901, người đảo Java, con của một giáo viên tầm thường, sau bao năm tranh đấu chống Hòa-Lan



Sukarno, những ngày xuống dốc...

đã đưa Nam-Dương quần-đảo tới độc-lập tự-do. Ở một xứ mà người ta còn tin những phù thủy, tin ma thuật, thì Sukarno người anh hùng quốc gia, nhà giải phóng dân tộc phải được thần-thánh-hóa ; ở Java ông được coi là hiện-thân của một vị Tề-tướng vào thế kỷ thứ 14 đã xây dựng một quốc-gia vĩ-dại, ở Bali ông được coi là ông thần tạo nên những cơn mưa. Chính ông Sukarno cũng tự coi là có thiên mạng để dẫn dắt dân chúng Nam-Dương tới hạnh phúc.

Sau khi dành được độc lập, Sukarno lên làm Tổng thống phải đối phó với tất cả những vấn đề khó khăn của bất cứ một quốc gia nào mới thâu lại được chủ quyền.

Vấn đề đầu tiên mà Sukarno phải giải quyết là làm sao cai trị một cách hữu hiệu một lãnh thổ gồm ba nghìn đảo rải rác từ Mã-lai-Á đến Úc-châu với một diện tích là 1.900.000 cây số vuông. Ông quyết định hủy chế độ liên bang, loại bỏ mọi sự tự trị địa phương vì trong khi nhân dân Nam Dương tranh đấu đòi lại độc lập thì người Hòa-lan, với chính sách chia để trị, đã xúi dục những đảo nhỏ, các chính quyền địa phương, chống lại chính phủ trung ương Djakarta. Ngoài ra Sukarno lại tập trung hết quyền hành vào chính phủ trung ương. Mọi việc dính líu tới đảo nào dù xa xôi cũng phải đợi Djakarta quyết định. Chính sách này đã đưa tới sự độc quyền chính trị của người đảo Java. Đảo Java chỉ chiếm có 7% lãnh thổ quốc gia nhưng là nơi trú ngụ của 2/3 dân số. Vì vậy mà khi nhìn vào Nam-dương người ta chỉ thấy bao nhiêu tinh-hoa đều kết tụ tại Java nhất là tại thủ đô Djakarta với 3 triệu dân (trên 100 triệu người Nam-Dương) với những nạn kẹt xe vì Djakarta tập trung tới 1/3 số xe hơi cá nhân, với những cung điện nguy nga, với một cuộc sống huy hoàng của nền văn minh vật chất Tây-phương, trong khi ở những phần còn lại của quần đảo người dân vẫn tiếp tục sống như nếp sống từ bao thế kỷ trước.

Lịch sử chính trị của Nam-Dương từ khi độc lập được coi là một cuộc thanh trừng trường kỳ những người không phải là thổ dân Java. Vì vậy mà những nhà lãnh đạo tài ba như Sjahrir, như Hatta, dần dần bị loại vì họ là người đảo Sumatra.

Dân chủ chỉ huy

Sukarno và những người Java cầm quyền một cách độc-tài từ năm 1955 khi Sukarno quyết định giải tán quốc-hội và các đảng phái.

Về mặt đối nội, Sukarno bắt quốc hội bầu làm Tổng thống suốt đời. Ông đặt ra một «nền dân chủ chỉ huy» mà người chỉ huy nền dân chủ Nam Dương lại là Sukarno. Theo chính sách «dân chủ chỉ huy» thì giữa dân chúng và Sukarno không bao giờ có sự đối lập vì vậy Sukarno có quyền quyết định thay cho dân. Để thực thi một nền «dân chủ chỉ huy» như vậy, Sukarno giải tán hết các chính đảng trừ đảng Cộng sản (P.K.I.) lập một «Hội đồng quốc gia» do chính ông chỉ định với nhiệm vụ hoàn toàn tư vấn.

Về mặt kinh tế, «Hội đồng kế hoạch Quốc-gia» được giao cho Muhamad Yamin, một nhà thi sĩ nổi tiếng vì những bài thơ ca ngợi quá khứ vinh quang của dân tộc Nam Dương. Năm 1961 một kế hoạch tám năm được long trọng công bố. Đời sống quốc-gia được hoàn toàn hoạch - định, vì kế-hoạch này bao gồm tất cả các khu vực kỹ-nghệ, canh nông, văn hóa, hầm mỏ....

Với một chính sách đối nội độc tài, với những dự án kinh-tế vĩ đại, người ta có cảm tưởng rằng Nam dương là một quốc gia mạnh mẽ. Thêm vào đó, nhờ có chính sách đối ngoại của Sukarno mà Nam-Dương nghiêm nhiên trở nên một nước lãnh đạo các phong trào giải phóng dân tộc trong cuộc tranh đấu chống đế-quốc thực dân. Từ năm 1955, khi hội nghị Bandung được triệu tập dưới quyền chỉ huy của Sukarno, khối Á-Phi đã trở nên hết sức hùng hậu trên bình

diện quốc-tế. Từ đó, Sukarno đi hết từ thắng lợi ngoại giao này tới thắng lợi ngoại giao khác. Trong các hội nghị quốc tế những bài diễn văn của Sukarno luôn luôn ám ảnh các quốc-gia hội-viên. Tại Liên-Hiệp-Quốc tài hùng biện của Sukarno làm bao người thán phục. Sukarno đi chu du rất nhiều nước trên thế giới, đâu đâu cũng được các vị nguyên thủ quốc gia o bế, cùng với Ai Cập và Ấn độ, Nam Dương của Sukarno chủ trương và lãnh đạo chánh sách «không liên kết» và cũng là «chính sách trung lập có lợi» (Neutralisme positif). Sukarno không liên kết với một khối nào trên thế giới tự do cũng như cộng sản. Vì vậy mà dễ lấy lòng ông, cả hai khối đều viện trợ cho nước ông rất nhiều. Uy tín Sukarno lại tăng thêm, vì với sự xuất hiện của nhiều quốc-gia cựu thuộc địa mới độc lập, người ta gia nhập hàng ngũ phe «không liên kết» càng ngày càng đông.

Trong nước, ông sống một cuộc đời xa hoa với những dinh thự tráng lệ, với tam cung lục viện, với những dự-án xây cất khổng lồ khiến du khách phải loá mắt trước hình ảnh một nước Nam Dương trù phú. Theo ông, cuộc sống của ông càng sang trọng bao nhiêu thì dân tộc ông càng đẹp mặt bấy nhiêu.

Tay nhung bọc sắt

Nhưng mặt trái của Nam-Dương không được đẹp như mặt phải. Với bề ngoài tỏ diễm bằng một nước sơn huy hoàng, chính thể Sukarno từ lúc đầu đã có nhiều rạn nứt, chính phủ của ông gặp nhiều khó khăn và chính ông đã thoát khỏi ít nhất năm vụ ám sát hoặc bằng bích kích pháo hoặc bằng phi cơ oanh tạc dinh ông.

Nhà độc tài Sukarno thực ra chỉ trị nước bằng bàn tay nhung bọc sắt. Ông là một nhà hoà giải hơn là một vị lãnh đạo cương quyết. Khi mà nhiều lực lượng đụng độ với nhau, ông có biệt tài là thương thuyết để đưa ra những giải pháp mà phe nào cũng có cảm tưởng rằng mình thắng lợi, nhưng rút cục thắng lợi chỉ về phần Sukarno mà thôi.

Chính phủ Sukarno, sở dĩ sống được hơn 20 năm là nhờ thế quân bình giữa quân đội và Đảng Cộng-sản Nam-Dương. Hai lực-lượng này tuy thù nghịch, nhưng bỏ túc cho nhau để duy trì quyền hành của Sukarno. Đảng Cộng sản Nam Dương là đảng cộng-sản lớn nhất trong các đảng cộng sản tại những quốc gia chưa nhuộm đỏ. Đảng này, sau thất bại trong vụ âm mưu lật đổ Sukarno năm 1948, đã xuống nhiều, nhưng rồi nhờ Dipa Nusantara Aidit, đảng đã được chấn chỉnh tổ chức và tới năm 1965 đã có tới 3 triệu đảng viên, không kể các tổ chức nghiệp-đoàn phụ thuộc. Đảng Cộng sản rút kinh nghiệm sau vụ thất bại 1948, biết rằng ngày nào mà Sukarno còn sống thì đảng khó lòng cướp được chính quyền, vì Sukarno đã được thần thánh hoá nên luôn luôn có hậu thuẫn của nhân dân. Vì vậy mà đảng Cộng sản đã hết sức môn trớn Sukarno. Từ năm 1956 đảng cộng sản tuyên bố tán đồng chương trình 5 điểm của Sukarno kể cả điểm tin Thượng-đế.

Quân đội là điểm tựa thứ hai của chính quyền Sukarno. Được trang bị một cách hết sức tân tiến, được võ trang hùng hậu, quân đội Nam-Dương đông đảo đã dùng gần hết tài nguyên trong nước. Nhưng quân đội lại là một tổ chức duy nhất để bảo vệ trật tự cho một nước

rộng bao la như Nam-Dương. Nếu ở đảo Java, Sukarno có được hậu thuẫn của dân chúng thì ở các đảo khác phải nhờ quân đội quyền hành của Sukarno mới duy trì được. Quân đội quản trị các xí nghiệp quốc-hữu-hóa, chỉ-huy nền kinh-tế và hành chánh trong nước. Tuy quân đội và đảng cộng sản thù nghịch nhau nhưng lại nhờ có bên này mà bên kia được hưởng lợi. Nhờ cộng sản xui dục Sukarno tranh đấu đòi Irian của Hòa Lan, đòi Bắc Bornéo của Mã-lai-Á mà quân đội đã tăng cường được ảnh-hưởng của mình trên bình diện chính trị. Mặt khác, quân đội mạnh thì những mục tiêu chính trị của cộng sản lại có thể thực-hiện được dễ dàng. Thật vậy, mục đích của Aidit là bành trướng ảnh hưởng cộng-sản khắp Nam-Dương và dần dần khắp Đông-Nam-Á, để Trung-Cộng có thể thôn tính dễ dàng vùng này. Aidit muốn dựa vào quân đội để Nam-Dương chiếm dần dần các lãnh thổ khác như miền Tây Tân-Guinée của Hòa-Lan, Timor của Bồ-Đào-Nha, Đông Tân-Guinée của Úc... Như vậy chính phủ Bắc-Kinh sẽ có đủ điều kiện đặt một vòng đai cộng sản vòng quanh Á-Châu.

Tinh thần được chú trọng hơn vật chất

Về mặt chính trị, Sukarno đã gặp khó khăn, về mặt kinh tế những sự khó khăn lại còn lớn hơn nữa. Với một guồng máy chính trị và hành chánh hữu hiệu như ở Nam-Dương, đáng lẽ nước này phải tiến bộ nhiều trong lãnh vực kinh tế. Trái lại, từ khi thâu hồi độc lập tới nay tình hình kinh tế Nam-Dương càng ngày càng suy sụp. Tình-trạng trầm trọng của nền kinh-tế Nam-Dương là do chính sách của Sukarno gây nên.

Trước hết quân đội Nam Dương hùng hậu, cần thiết cho sự thực hiện những mục tiêu chính trị đối ngoại, thì lại luôn luôn chiếm tới 80% ngân sách quốc gia, còn lại 20% thì được dùng để tổ chức Á-vận hội, xây cất dinh thự, đền đài... để làm đẹp mặt quốc gia. Hơn nữa khi Sukarno đoạn giao với Hòa Lan để đòi vùng Tây Tân Guinée, các công ty, các xí nghiệp Hòa Lan bị tịch thu hay quốc-hữu-hóa, thêm vào đó các xí nghiệp ngoại quốc như Trung hoa cũng đều bị tịch thu và giao cho quân đội quản trị; mọi sản-xuất vì vậy mà bị ngưng trệ. Ngoài ra Sukarno không quan niệm được sự quan trọng của vấn đề kinh tế. Theo đúng truyền thống Nam Dương, ông chú trọng tới tinh thần hơn là tới vật chất. Theo ông, đời sống một quốc gia tùy thuộc ở tinh thần quốc gia, tinh thần cách mạng, chứ mức phát triển kỹ thuật, những nhà máy, những chiếc phi cơ, những xe hơi đều là những điều không đáng kể.

Với một quan niệm như vậy, nền kinh tế Nam Dương đã hoàn toàn tan rã dưới quyền chỉ huy của Sukarno. Trước kia, Nam Dương xuất cảng lúa gạo thì về sau đã phải nhập cảng mễ-cốc này. Kế-hoạch tám năm trù định kiểm soát hết mọi hoạt động trong nước, như rút cuộc chẳng kiểm soát được gì. Kế hoạch này thực ra chưa bao giờ được thi hành. Năm 1965 nạn lạm phát đã làm phá giá đồng rouble Nam-Dương. Theo hối-xuất chính thức, một Mỹ Kim ăn 45 roubles, nhưng trên thị-trường tự do đồng Mỹ kim trị giá tới 15.000 roubles, Nam dương không còn một chút ngoại tệ nào vì trong khi tranh chấp với Mã-Lai-Á, sự giao thương với Mã-Lai-Á và với Liên-Hiệp-Anh đã chấm dứt. Giá sinh

hoạt tăng gấp 4 lần trong 11 năm từ 1953 tới 1964. Do tình trạng đó mà Sukarno phải làm cho dân chúng hoa mắt trước những thắng lợi ngoại giao để quên đi những khủng hoảng ở trong nước. Vai trò lãnh đạo khối Á - Phi của Nam Dương, sự nhượng bộ của Hoà lan tại vùng Tây Tân Guinée, làm cho những phe đối lập không có cơ để phản đối chính phủ nữa. Đến tận năm 1964, Hoa-Kỳ cố hết sức giúp đỡ Sukarno bằng cách luôn luôn viện trợ cho Nam Dương. Liên-Hiệp-Anh, qua trung gian của kế hoạch Colombo, cũng hết sức giúp Sukarno vì dù sao ông cũng là một yếu tố của sự ổn định vùng Đông-Nam-Á. Nga sợ Nam-Dương ngã hẳn về Bắc-Kinh nên đã giúp cho Nam-dương tới 16 tỷ Mỹ kim.

Quân binh tan vỡ

Nhưng chính thể Sukarno dựa trên thể quân binh của quân đội và đảng cộng sản thì một khi thể quân binh này rạn nứt là Sukarno không đứng vững được nữa. Ngày 30 tháng 9 năm 1965 Đại-tá Untung chỉ-huy vệ-binh của Tổng Thống Sukarno đã đảo chính, cầm giữ Sukarno, nói là để «bảo vệ ông trước đe dọa đảo chính của quân đội có sự trợ giúp của CIA» Untung thành lập một chính phủ mới và một «Hội đồng cách mạng» với sự tham gia của 12 cán bộ lãnh đạo cộng sản. Các tướng lĩnh bị sát hại. Tổng trưởng Quốc Phòng Nasution trốn thoát, và con gái ông lên 6 tuổi bị giết. Tờ báo cộng sản Harian Rakjat lên tiếng hưởng ứng cuộc đảo chính này. Người ta không hiểu tại sao đảng cộng sản lại muốn cướp chính quyền vào lúc đó, vì sau lần thất bại năm 1948 đảng này đã nhận được một bài học thấm thía rồi. Có lẽ vì đảng cộng sản thấy mình đã mạnh và đã tổ chức được rất nhiều đảng viên cộng sản trong hàng ngũ quân đội. Nhưng đảng cộng

sản Nam-dương lại sai lầm lần nữa vì tướng Nasution dẹp ngay được cuộc đảo chính này với sự ủng hộ của tướng Suharto,

Sau đó một cuộc tàn sát đẫm máu vĩ đại đã diễn ra trên quần đảo Nam Dương. Người ta đưa nhau đi tìm cộng sản để chém giết, bên đầu trước cửa nhà. Trong có tám tháng trời mà 400.000 đảng viên cộng sản bị sát hại, trong đó có lãnh tụ cộng sản Aidit. Cuộc tiêu diệt cộng sản này diễn ra như một cuộc «Thánh chiến». Ông Hoàng Hadji Makrus Ali ở Keridi tuyên bố rằng «tội cộng sản xứng đáng với số phận của chúng vì giết cộng sản tức là phục vụ quốc gia và Hồi giáo».

Uống nước tắm thừa

Trong khi các cuộc tàn sát đang diễn ra trên toàn lãnh thổ Nam dương thì ở thủ đô Djakarta quân đội bắt đầu nắm lấy chính quyền. Quyền lãnh đạo đáng lẽ thuộc về tướng Nasution. Nhưng Nasution là người không cương quyết, ông muốn cứu vớt Nam-Dương nhưng tới khi cần ra tay thì ông lại rút rè, hơn nữa ông đang hết sức đau buồn về vụ con gái nhỏ của ông bị sát hại. Nasution ngoài ra còn cho rằng loại bỏ Sukarno là một điều thất sách, vì chính Sukarno là người dìm dặt Nam-Dương tới độc lập, Sukarno đã làm rạng danh Nam Dương bằng những thắng lợi ngoại giao, bằng những sự ăn xài hoang phí, bằng những thể thiếp của ông. Sukarno vẫn được dân chúng tôn sùng như bậc thần thánh. Khi ông tắm xong, người hầu thường lấy nước thừa đem đóng chai để bán cho dân. Uống nước tắm thừa của Sukarno, người ta tin rằng sẽ được hưởng «phép lạ» của ông. Dân chúng do đó không bao giờ chấp nhận sự lật đổ Sukarno.

Tháng 2-1966 Sukarno làm một việc

hết sức sai lầm là cách chức Tổng trưởng Quốc-phòng của Nasution và đem cộng sản lên thay thế. Sinh viên và học sinh nổi dậy rồi quân đội đưa tướng Suharto lên thay Nasution.

Suharto là con thứ hai của gia đình một thương gia Hồi giáo có 11 con. Sinh tại Sedaju-Godean (Java), sau khi học hết trung học, Ông giúp cha bán hàng, sau đó làm thư ký cho một ngân hàng. Năm 1940, hồi 23 tuổi, ông gia nhập hàng ngũ quân đội thuộc địa Hòa-Lan. Khi Nhật chiếm Nam - Dương ông được đưa sang Nhật huấn luyện. Ông âm mưu khôi phục độc lập cho Nam-Dương. Khi Nhật bại trận ông lãnh đạo du - kích quân tấn công Jogjakarta, đuổi Nhật ra khỏi tỉnh trong 4 tiếng đồng hồ. Nam-Dương độc lập, ông được cử làm Phó Tổng tham mưu trưởng đề "giải phóng" miền Tây Tân Guinée. Năm 1964 Suharto được làm Tổng tư lệnh quân đội.

Suharto là người Đảo Java nên có nhiều tế-nhị đề am hiểu thời-cuộc. Ông hiểu tính nết Sukarno. Cũng như Sukarno, ông được dân chúng coi là một anh hùng của lịch sử, là hiện thân của thần Wre-kudara, người đã thích đi bộ ra trận hơn là ngồi trên xe.

Vì hiểu Sukarno nên không bao giờ Suharto công khai chỉ trích Sukarno. Trái lại lúc nào ông cũng tuyên bố rằng Sukarno là vị lãnh-đạo duy nhất của cách-mạng. Một cộng sự viên thân cận của ông đã nói, khi muốn Sukarno quyết định điều gì Suharto nói: «Thưa Tổng-thống, ngài nhận vấn-đề này rất đúng, vì vậy ngài nên làm như thế này». «Làm như thế này» tức là làm theo ý của Suharto và thường là điều mà Sukarno không muốn làm. Nếu nói như vậy mà Sukarno vẫn không chịu, thì có cách là vào nói với bà Dewi,

người vợ Nhật sủng ái của ông, là chắc chắn ông phải theo.

Chạy quên cả giày

Suharto lại dựa vào hai tổ chức sinh viên (K. A. M. I) và học sinh (K. A. P. P. I) chống cộng để làm áp lực đối với Sukarno. Tháng 3-1966, nửa triệu thanh thiếu niên gồm sinh viên, học sinh «xuống đường» kéo tới Djakarta, vây dinh Tổng-thống trong khi Sukarno đang họp hội-đồng Tổng-trưởng. Được tin, Sukarno chạy vội lên trực-thăng trốn sang điện Bogor, Tổng trưởng Ngoại-giao thân cộng Subandrio tất tưởi chạy theo quên cả giày ở dưới gầm bàn.

Suharto gửi ba ông tướng đến buộc Sukarno phải ký giao trọn quyền hành cho Suharto. Rồi «nhân danh Tổng T. Sukarno» quyết tướng Suharto định cấm đảng cộng sản hoạt động, giải tán vệ binh của Sukarno, buộc Sukarno mỗi khi đọc diễn-văn trước công chúng phải được quân đội đồng ý... Tuy nhiên Suharto luôn luôn bác bỏ đề nghị lật đổ Sukarno do sinh viên, học sinh đưa ra. Tháng 6/1966 Suharto triệu tập một «Hội-đồng Quốc-gia Tư-vấn lâm-thời» để hủy bỏ chức vụ Tổng-thống suốt đời của Sukarno và tổ chức bầu cử vào năm 1967.

Suharto tuy đã ổn định lần lần được tình hình chính trị nhưng vẫn còn nhiều khó khăn chưa giải quyết được.

Trước hết là vấn đề địa-phương. Các đảo luôn luôn chống lại độc quyền chính trị của người đảo Java. Trong 21 năm độc-lập, chính phủ Djakarta đã phải dẹp tới 6 vụ nổi dậy đòi ly khai.

Vấn đề kinh tế cũng không kém nguy nan, với 2, 4 tỷ mỹ-kim Nam-Dương nợ ngoại quốc, với nạn lạm phát mỗi ngày một thêm trầm trọng. Tuy ở thôn

quê dân chúng vẫn tiếp tục sống cuộc đời thanh thản, bình dị, vui vầy cùng gió mát trăng thanh như trong những cuốn tiểu-thuyết về thổ-dân Bali, dân ở thành thị sống hết sức lăm than. Lương hàng tháng của một người chỉ đủ để uống một tuần rượu tại « Khách sạn Nam Dương ». Công chức chỉ đến sở để ký công văn, rồi sau đó đi làm tài xế taxi. Lính chặn đường lấy tiền mãi lộ. Tại các thương cảng, cảnh sát công khai tháo những bộ phận cốt yếu của các máy móc nhập cảng dầu đi rồi mới giao hàng cho sở-hữu-chủ.

Một thanh bảo kiếm

Suharto quyết cứu vãn tình hình kinh tế suy sụp này. Ông lập chính phủ mới với ông Adam Malik ở chức vụ Phó Thủ tướng Tổng trưởng ngoại giao và ông hoàng Hamengku Buwono trong chức vụ Phó thủ tướng Tổng trưởng Kinh-tế. Hai nhân vật này đều có nhiều uy tín trước quốc dân.

Ông hoàng Hamengku Buwono, ngoài uy tín riêng, lại được dân Nam-Dương kính nể, vì họ tin rằng ông được gia đình truyền lại những phép lạ tượng trưng bằng một thanh bảo kiếm. Ông lại là giòng dõi ông Hoàng Diponegoro, người đã anh dũng nổi dậy chống Hòa Lan. Đã từng du học tại Hòa Lan, và có thành tích kháng chiến chống Hòa Lan, Hamengku Buwono có đủ điều kiện để làm việc. Ông đã gấp rút sang Nhật để vay 30 triệu Mỹ-kim.

Trong khi đó ông Malik đi du thuyết Đông Tây để xin viện trợ. Malik là một nhà ngoại giao có tài, ông đã từng làm



Suharto, người đang lên

Tổng trưởng Thương mại nên lại càng thấu đáo tình hình nước ông. Ngoài ra ông còn giải quyết xong « cuộc đụng độ » với Mã Lai Á. Cuộc đụng độ này bắt đầu từ năm 1963 khi Mã Lai Á được thành lập. Trước những khó khăn nội bộ, Sukarno muốn đánh lạc dư luận về phía quốc ngoại, nên đã tìm cách gây sự với Anh quốc. Hơn nữa Miền Bắc Bornéo thuộc Mã Lai Á được phát triển mạnh mẽ, trong khi phần còn lại của đảo này thuộc Nam-Dương vẫn nghèo khổ. Một sự khác biệt như vậy có hại cho uy tín của Sukarno. Nhưng « cuộc đụng độ » với Mã Lai Á lại là nguồn gốc chính của sự thâm thủng ngân sách, của khó khăn kinh tế, vì quân đội phải thường trực được huy động và vũ trang. Để giải quyết « cuộc đụng độ » này, ông Malik đã gặp Phó thủ tướng Mã-Lai-Á Razak ở Vọng Các, kết quả là tình trạng chiến tranh giữa hai nước đã chấm dứt. Ông lại quyết định Nam-Dương gia nhập trở lại tổ chức Liên-Hiệp-Quốc.

Từ vài tuần nay tình hình chính trị tại Nam Dương lại sôi động trở lại : sinh viên đe dọa xuống đường lật đổ Tổng thống Sukarno, Quốc hội đã nhóm họp và đêm hôm 19-2 vừa qua, tiểu ban tranh đấu (action comittee) đã quyết định triệu tập phiên khoáng đại hội-ng nghị vào ngày 1-3 này để truất phế Tổng thống Sukarno và đưa ông này ra tòa vì tội phản bội trong khi đó thì tướng Suharto vẫn kêu gọi Tổng thống Sukarno nên tự động từ chức để tránh đổ máu. Mặc dầu đã cầm cự được với những áp lực chống đối trong một thời gian khá lâu, nhưng tới lúc này có lẽ vì Tổng thống Sukarno nhận thấy những phần tử còn trung thành với mình, trong quân đội cũng như trong quần

chúng, đã mòn mỏi rất nhiều mà thiếu số còn lại cũng không có phép màu gì để lật ngược thế cờ, nên sau cùng, đêm thứ tư 20-2-1967 vừa qua ông đành phải tuyên bố chính thức trao lại trọn vẹn quyền hành cho tướng Suharto.

Nếu trong những ngày tới đây mà chính tình Nam-Dương được ổn-định trở lại thì phải chăng một trong những yếu tố đã giúp cho việc ổn định này chính là sự chấm hết dứt khoát triều-đại Sukarno, triều đại của một người đã gây được một huyền-thoại ngự trị trên mấy ngàn đảo Nam-Dương trong hàng mấy chục năm liên-tiếp.

TÙ - TRÌ

thân hữu tìm đọc tạp san phổ biến hạn chế

THÁI ĐỘ SỐ 4

Chủ đề : Quân đội và Cách Mạng

Chủ biên : Thế Uyên

- Quân đội còn làm được gì cho chiến tranh, cách mạng và hòa bình.
- TT. Trí Quang, TT. Thiện Minh, LM. Cao văn Luận, LM. Hoàng Trung, LM. Trần Du, LM. Trần quý Thiện nói về Cách Mạng Xã hội.

đón đọc tác phẩm đầu xuân của nhà xuất bản

Nhân-Chứng :

HIỆN THÂN

thơ Phổ Đức

Bìa của họa sỹ Duy Thanh

Lời Bạt của thi sỹ Đình Hùng

Phụ bản của nữ sỹ Hoàng-Hương-Trang — Trương-thị-Kim-Trinh và Duy Thanh

WALT DISNEY thi sĩ của màn ảnh (1901-1966)

(Xin xem BK. TĐ. từ số 243)

Phim Walt Disney ấp ủ từ lâu là phim *Nàng Bạch Tuyết và Bảy chú Lùn*, nội dung rút trong một truyện trẻ em bất hủ của anh em Grimim.

Ông muốn rằng phim đó phải là phim hoạt hoạ đúng sự thật nhất, đẹp nhất và dài nhất nữa. Ngay phim *Ba con heo con* cũng chỉ chiếu được có tám phút. Ông định phim *Nàng Bạch Tuyết* phải chiếu được tám mươi phút, mười lần dài hơn. Nghe dự định đó, ông Roy nhăn mặt. Tiền đâu? Tính sơ sơ cũng mất đến nửa triệu Mỹ kim. Rồi có thu đủ vốn không đây?

Ông không nghe lời can của anh, nhất định thực hiện cho được. *Nàng Bạch Tuyết* phải đẹp tuyệt trần. Mỗi chú lùn phải có cá tính riêng. Phải có tiếng chim hót, tiếng gió thổi, tiếng suối róc rách.. Những cái đó đều dễ cả. Ông kiếm được một thiếu nữ mười bảy tuổi, thân hình mảnh mai, nét mặt thanh tú cử động mềm mại, uyển chuyển, vì nàng biết múa (phụ thân nàng làm giám đốc một trường dạy vũ). Các hoạ công của ông phân tích kỹ những nét mặt cùng

cử động của nàng rồi thêm bớt, châm chước, vẽ thành *nàng Bạch-Tuyết*.

Khó nhất là kiếm một giọng nói hợp với nàng tiên đó. Ông buộc rằng giọng của *Bạch Tuyết* phải cho thính giả cảm giác như từ tiên giới bay xuống. Có giọng tốt lại phải biết hát nữa thì mới đủ điều kiện.

Ông phái người tìm cho ông "kỳ quan" đó. Để cho khỏi bị ảnh hưởng vì vẻ mặt của các thí sinh, ông ngồi trong phòng giấy, bắt máy vi âm để nghe họ nói và hát trong một phòng bên.

Một hôm người ta giới thiệu ông một em mười bốn tuổi giọng rất tốt. Ông nghe xong, lắc đầu: giọng trong thật nhưng có vẻ như giọng một người ba chục tuổi. Phải tìm một giọng trẻ trung kia. Rồi cuộc thí sinh được tuyển là *nàng Deanna Durbin*, sau này nổi tiếng trên màn ảnh. Nàng sinh trong một gia đình ca sĩ, tiếng như tiếng chim.

Phim mới quay được nửa chừng thì số tiền vay ở ngân hàng Bank of America

đã hết nhẫn. Muốn vay thêm thì phải cho người đại diện ngân hàng coi những cảnh đã quay rồi xem công việc ra sao. Ông miễn cưỡng phải chiếu cho viên Phó chủ tịch ngân hàng tên là Joe Rosenberg xem vài cảnh.

Trong khi chiếu, Rosenberg chỉ nhún vai, thỉnh thoảng thốt một tiếng «A». Chiếu xong, ông ta đi ra, vuôn vai, ngó chung quanh rồi nói những chuyện băng quơ, không phê bình một lời nào cả.

Disney toát mồ hôi nghi bưng: «Nguy rồi».

Mãi đến khi lên xe hơi về, Rosenberg mới thản nhiên bảo:

— Ông sẽ tha hồ mà hốt bạc.

Disney mừng như người sắp chết đuối mà được vớt.

Rất cuộc, khi phim hoàn thành, tính sổ, tổn hết thấy là 1.700.000 Mỹ kim. (1) Roy trước kia chỉ dự tính có 500.000 Mỹ kim. Thời đó chưa hề có phim nào tốn kém như vậy. Mất trọn hai năm. Cuối năm 1937, phim ra mắt khán giả, chiếm kỷ lục về số thu. Liên tiếp luôn năm tuần, rạp hát bóng lớn nhất ở New York đầy nghẹt người coi. Chỉ trong những rạp chiếu độc quyền phim đó, số thu cũng đã được tám triệu Mỹ kim. Ta nên nhớ hồi đó, giá mỗi vé rẻ lắm. Sau này phim *Autant en emporte le vent* thu được từ hai chục tới ba chục triệu Mỹ kim, nhưng mỗi vé đắt gấp năm vé phim *Bạch Tuyết*. Tới 1960, số thu của phim *Bạch Tuyết* được vào khoảng mười lăm triệu Mỹ kim.

Sau phim đó tới phim *Pinocchio* cũng rất tốn kém (hai triệu rưỡi Mỹ kim), và cũng lời nhiều. Hai anh em Disney

trả hết nợ nần, còn dư được hai triệu Mỹ kim dùng để cắt những phim trường tối tân ở Burbank (Californie).

Trong khi xây cất, thân phụ ông hỏi ông:

— Này, Walter, xây cất của nợ này rồi dùng vào việc gì được?

— Thừa ba, để quay phim.

— Con không hiểu ý ba rồi.. Nếu làm ău mà không khá thì dùng nó vào việc gì được?

— Dạ... dùng làm đường đường được lắm.

Sau vụ Trân Châu Cảng, Mỹ lâm chiến. Ông Roy bảo ông:

— Tình hình tài chánh của mình nguy kịch rồi đấy. Thiếu ngân hàng bốn triệu rưỡi Mỹ kim. Vừa xây cất phim trường Burbank, vừa quay những phim *Pinocchio*, *Bambi*, *Fantasia*, mà lúc này cả thị trường châu Âu mất rồi.

Nghe vậy, ông bật cười. Ông Roy bực mình:

— Vui lắm ư, mà cười?

— Không, tôi nhớ lại hồi anh em mình thiếu một ngàn Mỹ kim mà không ai cho vay. Nay ngân hàng chịu cho mình thiếu bốn triệu rưỡi mỹ kim. Đâu có nguy như hồi trước, anh?

Con người đó không bao giờ quan tâm tới tiền bạc cả. Không phải là ông không biết giá trị của tiền bạc. Thiếu ai tiền, ông lo trả cho hết thì mới yên tâm. Nhưng ông chỉ coi tiền bạc như một phương tiện để làm việc thôi. Không

(1) Sau này phim *Nàng Công chúa ngủ trong rừng* tốn trên 5 triệu Mỹ kim.

muốn sức tích để hưởng thụ. Ông không có lấy một chiếc dư thuyền nữa.

Hai anh em Disney đành phải kêu cò phần là bốn triệu Mỹ kim, một phần năm cò phần dành cho nhân viên. Khi gặp Henri Ford, ông kể lại chuyện đó; ông vua xe hơi khuyên ông:

— Nếu có phải bán một cò phần cho ngân hàng thì thà bán hết đi.

Sau này Walt Disney mới thấy lời khuyên đó là từng trải. Hễ để cho các nhà lý tài trong các ngân hàng có cò phần và xen vào công việc làm ăn của mình, thì mình sẽ mất hết độc lập, không thể sáng tạo, sản xuất như mình muốn nữa. Họ không nghĩ tới nghệ thuật, không nghĩ tới kỹ thuật, chỉ biết kiếm lợi cho nhiều thôi.

oOo

Trong thế chiến thứ nhì, công ty Disney gặp nhiều nỗi khó khăn; thị trường thu hẹp chỉ còn không đầy một nửa, tức Châu Mỹ, vì mất hết các châu khác; một số lớn nhân viên nhất là các họa công phải nhập ngũ. Đáng buồn nhất là không còn sự cạnh tranh nữa nên nghệ thuật không tiến được. Khán giả không đòi hỏi những phim hay, có lẽ không có cả cái tâm trạng bình tĩnh để thưởng thức được nghệ thuật. Khi người ta phải lo nghĩ về cả trăm chuyện, từ tính mạng người thân ở mặt trận tới ký đường, hộp sữa, thước vải... thì gặp phim nào người ta cũng coi, miễn giết được thì giờ. Cho nên những phim dở nhất cũng đông khán giả. Mà Disney nhất định không chịu sản xuất những phim dở; còn như sản xuất những phim hay thì thiếu nhân viên, tốn kém quá mà nhất định sẽ lỗ. Cò phần của ông mất

giá, từ 25 Mỹ kim tụt xuống còn 3 Mỹ kim. Ông đau lòng phải thải bớt nhân viên, đau lòng thấy những người cộng tác với mình cả chục năm rồi cũng không tin mình nữa, đem bán rẻ cò phần đi. Ông không trách họ, ông chỉ tự trách mình thôi.

Đúng lúc đó thì chính phủ muốn ông hợp tác, giao cho ông công việc quay những phim tài liệu ở Nam Mỹ, để gây cảm tình với các dân tộc Argentine, Brésil, Pérou, Chili..., để giúp người Huê kỳ hiểu họ và để họ hiểu lẫn nhau.

Sau ông còn quay nhiều phim cho không quân, thủy quân, cả cho bộ Tài chánh nữa để nhắc nhở người ta đóng thuế. Hầu hết đều là những phim hoạt họa. Có một phim hí họa đề giễu Hitler. Ông giúp nước được đặc lực, cho nên Hitler đã mạt sát ông, bảo những phim trường của ông ở Hollywood là những xưởng chế tạo cho chiến tranh.

oOo

Mấy năm chiến tranh đó, công ty Disney chỉ đủ sống lây lất. Hòa bình trở lại, ông hết nhẵn vốn. Các người cộng tác với ông lục tục trở về, nhưng đã mất cái nếp cũ, thiếu tinh thần đồng đội, lòng yêu nghề, ông lại mất công huấn luyện lại.

Rồi vô tuyến truyền hình xuất hiện, cạnh tranh với ngành điện ảnh. Ông một mặt vẫn sản xuất những phim hoạt họa như *Cendrillon*, *Peter Pan* (hai phim này rất thành công, một mặt hướng qua ngành «phim giáo dục» sau đổi tên «phim tài liệu», vì hai tiếng «giáo dục» làm cho khán giả nghi ngờ rằng phim khô khan quá, có tính cách tuyên truyền nữa.

Phim đầu tiên là phim *L'Ile aux phoques* (đảo hải báo) chiếu thử ở Pasadena trong một tuần lễ. Trong khi chiếu ông phân phát năm ngàn tờ giấy hỏi ý kiến và cảm tưởng của khán giả. Đại đa số đều hoan nghênh. Hàn lâm viện Nghệ thuật và khoa học điện ảnh tặng phim đó một giải thưởng, nhưng các nhà phân phối phim, ngu xuẩn, cho là phim khô khan, không hấp dẫn, không chịu thuê. Bực mình ông phải mượn một rạp hát bóng ở Broadway để chiếu lấy. Chiếu liên tiếp ba bốn tháng mà vẫn còn đông khách. Bọn phân phối phim lúc đó mới lại xin lỗi ông và có kẻ còn tiếc rằng phim ngắn quá nữa.

Từ đó loạt phim « *C'est la vie* » mỗi ngày một phát triển, lần át cả loại phim hoạt họa *Mickey*, *Ba con heo con*, gây cho khắp thế giới những phút ngạc nhiên và say sưa. Chúng ta được hưởng tất cả những cảm giác của một nhà thám hiểm, một nhà bác học, lại được hưởng những cảm hứng dào dạt của một thi nhân, của một triết gia, vì trong những phim đó chúng ta thấy được những cái bí mật rùng rợn những cái đẹp dễ, thi vị, cả cái triết lý của đời sống nữa. Chúng ta nhìn những cánh hoa xoè ra lần lần, mềm mại và rực rỡ màu sắc: Còn điệu múa nào đẹp hơn nữa ! Chúng ta theo dõi một con gấu đen đi kiếm mật: nó nặng nề như vậy mà khôn lanh và cũng tham ăn như các em bé vậy. Chúng ta phục tài trí và đức kiên nhẫn, siêng năng của con thắt (castor): nó nhỏ yếu chẳng có một khí cụ nào cả, chỉ dùng răng, chân và đuôi mà xây được những cái đập một cách rất nhanh chóng và vững bền không kém những cái đập của các kỹ sư. Và

chúng ta yêu tất cả vạn vật, từ con chim, con kiến, con bọ hung tới con voi, con báo, con sư tử. Chúng ta yêu tất cả vũ trụ.

Có phải vì Disney gây được cho ta lòng «phẩm ái» đó, mà năm 1966, có người đề nghị ông ứng cử giải Hoà bình Nobel không ? Ký giả Oriana Fallaci lại phỏng vấn ông về tin đó (*Lectures pour tous* số Octobre 1966), ông ngạc nhiên, hỏi lại :

— Để cử tôi ư ? Nhưng tôi có làm gì cho hoà bình đâu ?

Ông tuyệt nhiên không nghĩ tới danh vọng đó, chỉ muốn ghi lại thiên hình vạn trạng của vũ trụ cho chúng ta thôi. Người ta bảo Fabre là thi sĩ của côn trùng. Tôi cho Disney là thi sĩ của vũ trụ. Fabre ghi lại trên giấy. Ông ghi lại trong cuộn phim. Ông bỏ tức công trình Fabre. Cõi phim ông ta thích thú hơn là đọc Fabre. Trẻ đã thích mà càng già lại càng thích.

Ông tốn công biết bao để quay những phim «*C'est la vie*». Ông dặn kỹ các người giúp việc ông :

— Đừng tiếc phim. Không có gì rẻ bằng phim. Cứ quay thật nhiều đi, đừng bỏ một chi tiết nào cả.

Họ thường ngừng quay khi trời xầm tối. Ông bắt họ cứ tiếp tục quay khi không nhìn thấy hình trong ống kính nữa mới thôi. Nhờ vậy mà phim *Thung lũng của loài thắt* (*La vallée des castors*) có những xen chiếu các con thắt làm việc tới tối mịt. Màn ảnh càng tối xuống thì khán giả càng chăm chú hơn theo dõi từng cử động của con vật và càng thấy thích thú.

Đề quay phim *Sa mạc sinh động* (*Le désert vivant*) ông dùng bốn năm nhà sinh vật học giỏi chụp hình, gửi vô sa mạc; phim chỉ chiếu được nửa giờ; Ông thấy ngắn quá, ông bắt họ trở lại sa mạc, quay tiếp. Phí tổn là năm trăm ngàn Mỹ kim, nhưng lời được sáu bảy triệu Mỹ kim.

Phim *Sư tử Phi châu* (*Lion d'Afrique*) tốn hai năm đề quay. Nhân viên phải đậu xe cam nhông ở giữa rừng cả tuần lễ để « săn » hình, nhờ vậy mà chụp được nhiều cảnh lạ, như cảnh một con tê sa lầy, cảnh một con sư tử tấn công mỗi cảnh một bầy chim múa theo một điệu nhạc của Liszt.

Phim *Bí mật của đời sống* (*Les secrets de la vie*) chuyên quay về các loài côn trùng. Chúng ta thử tưởng tượng nỗi khó khăn khi chụp các động tác của con kiến trong ổ của nó. Phải quay làm nhiều lần rồi chấp nối các hình lại. Ta thấy những con kiến nắm bấu lấy nhau để bắc cầu cho bạn từ chiếc lá này qua chiếc khác. Tinh thần đồng đội của chúng thực đáng phục. Thú nhất là khi ta được mục kích những dây leo đưa những vôi ra run rẩy dò dẫm kiếm một chỗ náu, kiếm được rồi thì quấn lấy rồi hướng về phía mặt trời mà tìm ánh sáng và sinh khí. Thì ra cây cỏ cũng thông minh ư? Vạn vật trong vũ trụ đều theo luật đó: gắng sức chiến đấu để tìm ánh sáng và sinh khí, đề tiến lên.

Năm 1960 ông thực hiện một phim về loài ong mà ông dự tính sẽ mất ba năm. Ông còn dự định nhiều phim nữa: phim *Thế giới và nhân loại* (*People and Places*) quay những tài liệu về các dân tộc ở Alaska, ở Thái Lan, ở đảo Samoa... Đã

khám phá trên mặt đất, ông còn muốn khám phá ở đáy biển nữa. Ông muốn bỏ túc công việc của Jules Verne, quay phim *Hai vạn hải lý dưới đáy biển* (20.000 lieues sous les mers). Phim đó hoàn toàn ghi lại sự thực, tuyệt nhiên không dùng một thuật giả tạo nào cả.

Đồng thời ông vẫn tiếp tục sản xuất những phim hoạt họa. Phim *The lady and the tramp* (nhan đề tiếng Pháp là *La belle et le clochard*) chiếu truyện hai con chó: Một con chó cái đẹp dễ có chủ và một con chó đực lang thang, đã được khán giả Sài Gòn hoan nghênh gần bằng phim *Nàng Bạch Tuyết*. Trước khi mất ông còn kịp quay một phim hoạt họa nữa, theo cốt truyện *Le livre de la jungle* của Kipling. Nghe nói trong năm nay phim này sẽ đem chiếu ở Âu, Mỹ. Chỉ coi mấy tấm hình giới thiệu trong tờ *Paris Match* số tháng 12 1966 chúng ta cũng đã mê rồi: một em nhỏ, em Mowgli ngồi vào lòng một con gấu, nói chuyện với một con khỉ, đi chơi với một con báo đen... Tôi đoán phim sẽ tả tất cả những vẻ ngây thơ rất dễ thương của tuổi trẻ, tuổi gần với thiên nhiên và loài vật nhất. Còn gì cảm động bằng cảnh em bé kết bạn với loài vật.

Trước khi mất ông muốn thực hiện thêm nhiều phim hoạt họa để giúp quần chúng hiểu những bí mật của nguyên tử, những thực hiện của khoa học trong cuộc du hành không gian.

oOo

Lần lần tài chính của ông vượng lên. Ông thu vô rất nhiều tiền, nhưng lại dùng hết để thực hiện một mộng vĩ đại nữa: tạo một thế giới huyền ảo

cho trẻ em và người lớn, thế giới Disneyland.

Khi đem ra bàn tính với bạn bè, ai cũng cho ông là khủng. Chính các con ông cũng nghĩ như vậy.

Ông mua một khu đất rộng ba mươi mẫu, trước là một vườn cam bỏ hoang ở phía nam Los Angelès rồi kiếm được bao nhiêu tiền ông dốc cả vào đó, mỗi năm cả chục triệu Mỹ kim, liên tiếp mười năm nay.

Ông đào đò, đào sông, bắc cầu, xây dựng lâu đài — một lâu đài cao 21 thước như trong truyện La Belle au Bois dormant — rồi tạo các trò chơi lành mạnh và mới mẻ cho trẻ em và người lớn. Người ta tính đã có sáu chục triệu người vô coi, trong số đó có hàng chục vị quốc vương và quốc trưởng. Phải mướn 206 công nhân để quét dọn. Nội năm 1966 đã thu được 116 triệu Mỹ kim thực là một vườn chơi vĩ đại nhất thế giới.

Vào đó trẻ em sẽ gặp vua Arthur và các kỵ sĩ của ông, gặp Alice ở xứ đầy những kì quan, gặp Nàng Bạch Tuyết với bảy chú lùn và nàng Công Chúa ngủ trong rừng. Chúng có thể đi tàu trên sông rồi bị cướp đánh; nhưng Peter sẽ tới đúng lúc để cứu. Chúng có thể đánh đu vào cái ngà một con voi, nằm lên lưng một con cá sấu rồi phóng trên dòng nước, cưỡi lên đầu một con tê — nhưng coi chừng nhé, phải bấu cho chắc, kéo khi nó ngáp th nhào xuống sông đấy.

Luôn luôn ông tạo ra những trò chơi mới cho hợp thời. Ngày nay khách vô coi có thể ngồi trong hỏa tiễn mà bay lên cung trăng, chui xuống một tiêm thủy tinh mà «thăm hiểm», ngắm những mòm

san hô, những con cá đủ màu sắc kỳ dị, cảnh hoang tàn của lục địa Atlante, và nghe tiếng hát mê hồn của thần đầu người đuổi cá.

Nếu bạn nhớ nhung thời cổ thì xin mời bạn lên một chiếc xe ngựa rồi du lịch cảnh miền Tây Mỹ hồi xưa, đánh bài với bọn đi tìm vàng (không được cụng li—vì trong Disneyland người ta không bán rượu, sợ bọn Lưu linh say bí tỉ rồi phá phách, văng tục) mua bán với bọn da đỏ, nhìn họ khiêu vũ và nghe họ ca hát những điệu từ hai trăm năm trước.

Bạn sẽ được nghe những bông phong an hát lên những điệu du dương khi ngồi một chiếc xe bánh gỗ do lừa kéo vô một khu rừng. Có những cái hang với thạch nhũ, những cái thác, những đường hầm. Và có cả một bãi sa mạc.

Và bạn sẽ giật mình khi thấy Tổng thống Lincoln ngồi trong một cái ghế bành, mỉm cười với bạn rồi đứng dậy, dang hăng, diễn thuyết cho bạn nghe về dân chủ, về tự do. Có bà sợ quá, hét lên. Có người lại cảm động muốn khóc. Để tạo người máy đó ông đã tốn không biết bao nhiêu tiền, và chỉ nhằm mỗi mục đích là nhắc chúng ta nhớ chính sách dân chủ của Lincoln để duy trì, phát huy nó.

Thế giới kỳ ảo ông tạo ra đó, chính ông lại ít khi dám đặt chân tới, vì ông có cái trang cách nào thì cũng có người nhận ra được, chạy lại cản đường, xin chữ ký và thiên hạ sẽ bu lại làm ông mất cả buổi. Ông đành phải tới ban đêm ngồi trong một phi cơ riêng, bay lượn ở trên không để ngắm những ánh đèn đủ màu từ dưới chiếu lên. Mỗi tháng

Ông tới vài lần như vậy rồi nghỉ đêm lại trong một căn phòng ở trên cái trại của nhân viên cứu hỏa.

Khi hay tin ông mất, Disneyland treo cờ rủ và các họa công của ông ngưng vẽ bản đồ cho một Disneyland thứ nhì. Vì ông định bỏ ra 500 triệu Mỹ kim để tạo một Disneyland ở Floride nữa. Không biết rồi chương trình đó có phải bỏ dở không.

oOo

Ông rất khiêm tốn. Có người đề nghị với ông ra ứng cử Tổng Thống vì ông là người được dân Mỹ mến nhất. Ông cho đó chỉ là một lời nói đùa. Người ta gọi ông là một nghệ sĩ, ông cũng không chịu, chỉ nhận mình làm cái nghề sản xuất phim.

Có lần ông bảo «những ngày chúng ta sống trên trái đất này chỉ như một vệt cực nhỏ lưu lại trên đồng cát của bờ biển Thời gian».

Lời đó làm cho tôi nhớ lời Einstein nói với Gandhi : «Ngài mới là một vị nhân. Tôi chỉ như một em bé chơi trên bờ biển và may mắn tìm được vài cái vỏ ốc đẹp hơn những vỏ ốc khác, thế thôi».

Con gái ông, cô Diane, hồi sáu tuổi vẫn không biết cha mình là một danh nhân, hỏi ông :

— Ba, tại bạn con nó bảo Ba là Walt Disney, phải vậy không Ba ?

— Con biết rồi mà !

— Danh nhân Walt Disney chính là Ba ư ?

Ông gật đầu, mỉm cười.

— Vậy Ba cho con xin chữ ký nhé ?

Trước sau ông nhận được chín trăm giải thưởng, trong số đó có những bằng cấp tiến sĩ danh dự của Đại học đường Harvard và Yale, 31 giải Oscar, 32 huy chương của 32 quốc gia.

Nhiều trường ở Mỹ mang tên ông từ khi ông còn sống.

Khi người ta giới thiệu ông với vua Thái Lan, vị quốc vương này ấp úng :

— Tâu Bệ Hạ, chết, xin lỗi, thưa ông, tôi cảm động quá. Tôi cùng lớn lên với con Mickey của ông đấy.

Ông đáng là một vị Quốc Vương lắm chứ ! Quốc Vương của Điện-ảnh vì từ xưa chưa có nhà quay phim nào được như ông, mà sau này cũng không chắc có người nào theo kịp ông, tạo được một Disneyland như ông. Mà danh ông chắc còn trường tồn trong khi vô số quốc vương chẳng còn được ai nhắc tới.

oOo

Bí quyết thành công của ông ở đâu ? Trong cuộc phỏng vấn, ông nói với Oriana Fallaci :

— Dĩ nhiên, tôi là một người lạc quan mà có đủ óc thực tế để hiểu rằng tiến bộ là hai bước tiến lên rồi một bước thụt lùi, mà bước thụt lùi đó không có nghĩa là sự tiến bộ ngưng hẳn (...) Khi âm thanh xuất hiện trên màn ảnh, không còn ai thích xem phim hoạt họa nữa, nhưng tôi đã áp dụng kỹ thuật âm thanh vào những hoạt họa của tôi và khắp thế giới đã nhiệt liệt hoan nghênh những phim đó. Tôi rầu rĩ khi thấy, sau thế chiến, phim hoạt họa không làm cho khán giả thích nữa và tôi đã trải qua những ngày chán nản, thực là chán nản, nhưng

rồi tôi đã quay những phim về loài vật và thiên hạ đã nhiệt liệt hoan nghênh những phim về loài vật.

Người khác gặp những khó khăn đó chắc đã bỏ cuộc. Ông thắng nỗi nhờ lạc quan, tự tin và nhất là nhờ tinh thần cầu tiến, làm việc hoài. Suốt ngày ông đôn đốc công việc ở phim trường, chú ý tới từng chi tiết một, đi từ bàn này tới bàn khác, không mấy khi ngồi ở bàn giấy. Đêm tối ông suy nghĩ để tìm những ý mới. Tính ra ông làm việc mười bốn giờ một ngày. Một hai tháng trước khi mất ông còn bảo :

— Tôi còn đủ những cơ quan trời cho, trừ hai cái hạch hầu long (amygdale) ; Tôi tin rằng tôi còn sống được lâu. Và ại tôi cần phải sống lâu, rất cần, vì còn nhiều việc phải làm quá. Còn phải xây dựng hai thành phố nữa, tôi đã mua đất ồi. Một thành phố Mùa Đông ở núi Sequoia để trượt tuyết, và một thành phố

Mùa Hè ở Floride. Thành phố này rộng gấp 170 lần Disneyland cũng sẽ mang tên là Disneyland và chia làm hai khu vực : Ngày Nay và Ngày Mai...

Vậy là ông đã làm việc liên tiếp non nửa thế kỷ, cho tới khi chết. Nhưng nếu chỉ có thể thôi, nghĩa là nếu ông chỉ có những đức : lạc quan, thực tế, kiên nhẫn chiến đấu và cặm cùi làm việc thì ông cũng chưa hơn gì nhiều nhà doanh nghiệp khác. Ông hơn họ ở chỗ bao nhiêu tiền kiếm được trút hết vào những mộng của ông để tạo những mộng kỳ ảo cho nhân loại. Ông đã thực hiện được những cái mộng của anh em Grimm, Perrault, Andersen, Fabre, Jules Verne, Mark Twain, Kipling... Ông khiêm tốn không tự nhận là một nghệ sĩ, nhưng trong lịch sử Điện ảnh, ai là người đáng mang danh nghệ sĩ hơn ông ?

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Sàigòn ngày 7-1-76

Trích mục lục **NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI** của Joseph Emile Muller do VŨ ĐÌNH LƯU dịch, THỜI MỚI vừa phát hành.

V. — Hình ảnh con người trong nghệ thuật hiện đại. Sự yếu đuối của cá nhân trong thế giới ngày nay. Sự tôn thờ cái phi lý. Khuynh hướng siêu thực. Khuynh hướng biểu hiện. (trang 46)

VI. — Sự cải biến tạo nên những sinh vật thần thoại và những thần tượng. Nghệ thuật hiện đại không phải chỉ biết có khắc khoải. Nó xây dựng nhiều hơn là phá hoại. (trang 58)

KHÔNG CƯỜI

Đối với những người chỉ tìm hiểu trong sách vở thì chúng ta, và cả người Tàu nữa, là những dân tộc không biết cười.

Văn-học Trung-Hoa từ xưa tới nay phong-phú vô kể: muốn tìm trong đó thơ văn lâm-ly thống-thiết, không thiếu gì; muốn tìm những truyện ly kỳ quái đản, cũng không thiếu gì; thậm chí muốn tìm những cái tục tũ (tức cái phát kiến rất mới mẻ của Âu-Tây) thì tưởng Kim Bình Mai cũng cố hiển được nhiều đoạn không hề thua với các danh phẩm của Lawrence, Miller. Thế nhưng bị yêu cầu xuất trình một tác-phẩm hoạt-kê, trào lộng cho có giá trị, chắc chắn cả ta lẫn Tàu đều lúng túng.

Balzac, Goethe, Hugo v.v... phải nể nang các đối thủ da vàng, nhưng Molière thì có quyền khinh địch. Những nhân vật nổi tiếng của chúng ta — xuất hiện từ trang sách mà ra — dù nghèo, dù giàu, dù khôn, dù dại, dù thiện, dù ác, đều không có gì đáng cười: Lục-Vân-Tiên, Thúy-Kiều, Thôi Oanh Oanh, Tống-Giang v.v... Ai có thể tìm được ở Á-Đông một nhân vật như Don Quichotte như Tartarin, như Harpagon? Ai có thể

tìm được ở Á-Đông những thói tục và tính-nết lỗ-lãng như đã mô tả trong các *Lá thư Ba Tư* của Montesquieu và trong tác-phẩm của La Bruyère?

Chúng ta không tưởng tượng ra những điều lỗ bịch, mà trong khi biện luận cũng không có cái ý biến kẻ đối thoại hay lập luận của họ thành ra lỗ bịch. Hai cái *lười lợi* hại nhất trong lịch sử chính trị Trung Quốc ngày xưa là của Tô-Tần và Trương-Nghị. Đọc *Đông Chu liệt quốc* thấy hai người lý luận ghê gớm thật, nhưng họ không dùng tài ấy để chế giễu ai. Trong *Tam quốc chí*, Khổng-Minh một mình giữa đám quần thần Đông Ngô, biện bác thao thao bất tuyệt, lần lượt hạ hết người này đến người khác: đó là một trận chiến hãn hoi, nhưng từ đầu tới cuối Khổng-Minh thẳng thắn dùng những khí giới hợp-pháp mà không hề giở đến những món ám khí như *mĩa mai*, *nhạo báng*. Vẫn theo sách vở, Trang-Tử bắt bẻ Huệ-Tử, rồi Mạnh-Tử, Tuân-Tử, Mặc-Tử, rồi Vương-an-Thạch, Tô-Đông-Pha v.v... công kích nhau, luận cứ sắc bén, lời lẽ lắt nhắt khi cũng gắt gao, nhưng tuyệt không có cái lối làm cho đối phương đau ngăm vì những châm biếm hiểm hóc,

Các nhà trí thức bên Âu-Tây khác xa. Voltaire có lần bảo miệng lưỡi của Elie Fréron là độc địa ; hãy xem mồm mép của kẻ chỉ trích :

*« L'autre jour, au fond d'un vallon,
Un serpent mordit Jean Fréron.
Que pensez-vous qu'il arriva ?...
Ce fut le serpent qui creva ! »*

*(Hôm họ, ở cuối miền thung lũng,
Một con rắn cắn phải Jean Fréron.
Các bạn có biết rồi chuyện gì xảy ra
không ?...
Thưa : chính con rắn bị (trúng độc)
chết đấy !)*

So với Voltaire, nhà phê-bình đáng thương nọ may ra chỉ đáng là con rắn trong thung lũng. Vô phúc cho ai phải bút chiến với những đối thủ như thế. Mà không riêng gì hai tay kỳ phùng địch thủ này đâu, hình như ai nấy đều vậy cả. Có một văn loại riêng dành cho những ai thích trò tài đay nghiến nhau, gọi là *satire*. Ở Âu Tây, phàm là người trí thức thì ăn nói phải có cái duyên dáng, dí dỏm riêng, gọi là *esprit*, là *humour*. Cái đặc trưng của trí thức ấy làm cho người nghe chuyện thường khi cười mỉm, nhưng lắm lúc bị đau vô tả.

Không hiểu cái nhu cầu muốn chọc cười ở Âu Tây nó mạnh mẽ đến thế nào mà có những trường hợp ta không thể không lấy làm lạ lùng. Thân nhau như Sartre với Camus mà khi có điều trái ý nhau bài trả lời đầu tiên của Sartre đã nhuộm giọng mỉa mai, chế giễu. Ở ta, giữa ông Trần-Trọng-Kim với ông Phan Khôi không nghe nói có mối thân tình nào đặc-biệt. Thế mà ở cuối bộ *Nho giáo*, ông Trần cho in lại mấy bài

trả lời ông Phan, bây giờ có dịp ngồi đọc lại chắc không ai không thán phục cái giọng ôn tồn, hòa nhã, không có chút gì kiêu cách, chứng tỏ một thái độ nghiêm chỉnh và chân-thành trong khi thảo luận, Không biết, so Ông Phan với Ông Trần cái kiến thức về Không giáo của bên nào hơn bên nào; nhưng về chỗ biết tự chủ giữ được hạo thẳng, được lòng giận hờn, giữ được cái thẳng bằng bình thản trong tâm hồn, cái thành tâm đi tìm chân-lý, riêng về những chỗ ấy ông Trần có vẻ xứng đáng là người đứng ra lãnh trách-nhiệm trình bày quan-niệm về lễ nghĩa, nhân ái, thành tín, về trung dung v. v... của Không-tử, trình bày mà dễ được tin cậy hơn ông Tú Phan.

Người viết ở Á Đông không hay châm biếm, mà người vẽ cũng không. Hí họa có mặt trên báo chí Tây-Phương từ lâu lắm. Nhiều bậc vua chúa, nhiều nhân vật chính trị, văn học của họ từ ba bốn thế kỷ trước đã lưu lại đến ngày nay những hình dáng, điệu bộ buồn cười. May phước cho các hôn quân, gian thần ở Á Đông, họ không bị bêu hình để chế giễu. Hình như trước khi quen biết người Tây, chúng ta chưa biết tới môn hí họa, chưa có một nhà hí họa nào danh tiếng.

Chúng ta ít cười như vậy, chúng ta không dùng cái cười làm phương tiện trong phạm-vi tư-tưởng cũng như nghệ-thuật, trong công việc đi tìm chân-lý cũng như đi tìm cái đẹp, cho nên ở Á Đông chúng ta hầu như không có ai quan tâm nghiên cứu đến cái cười. Trong kho sách vở mệnh mông của nước Trung-Hoa, cuốn nào là cuốn chuyên khảo về cái cười ? Các triết-gia lớn, Lão-tử, Không-tử v.v... có câu nào là câu nói đến cái cười ?

Bên Âu Tây thì từ Aristote đến ngày nay, về cái cười không bao giờ ngớt những lời bàn luận, suy cứu, không có nhà triết học nào coi thường nó. Trái lại, còn có kẻ cho rằng :

« *Mieux est de ris que de larmes*
escrire,

Pour ce que rire est le propre de
l'homme.

(Viết về cái cười vẫn hơn viết về
cái khóc)

(Bởi vì cười là đặc điểm của con người)

Khi Bergson cho xuất bản cuốn sách xuất sắc của ông nghiên cứu về hài tính, ông cho rằng không tài nào mà nêu ra và bình luận cho hết những ý kiến của tiền nhân, Ông chỉ giới thiệu một số tác-phẩm chính yếu về vấn-đề này đã in ra trong vòng ba mươi năm vừa qua mà thôi. Danh sách gồm ba mươi một tác-giả và hơn chừng ấy tác-phẩm. Đó là những thứ chính yếu. Như vậy không có năm nào không có một vài công trình nghiên cứu quan trọng về tiếng cười ra đời.

Cuộc thảo luận về tiếng cười ở Âu Tây hào hứng cho đến nỗi nó lôi cuốn cả những nhà thơ mà danh tiếng không có chút gì liên quan đến chuyện pha trò, như Baudelaire và Breton chẳng hạn.

Bên đó người ta đua nhau về cái cười nhiều như vậy mà bên ta không mấy ai viết, có phải ta không biết cái nào hơn cái nào kém đâu. Đó chỉ là cái cười không phải đặc điểm của ta. Câu nói của Rabelais, đáng lẽ nên thêm vào một chữ « ... là đặc điểm của con người Tây-Phương ».

oOo

Di nhiên, Tây-Phương không giữ mãi cái cười làm của riêng cho họ

được, Đông với Tây mỗi ngày mỗi gần nhau. Đầu năm nay, nhờ vô-tuyến truyền hình, người dân ở Đông-kinh đã có thể trông thấy con chim bồ câu đậu trên nóc điện Elysée cùng một lúc với người dân Paris. Ông De Gaulle đọc diễn văn, đọc một tiếng người đôi bên cùng nghe một lượt, nháy mắt một cái đôi bên cùng thấy một lượt. Có tiếp xúc, có gần gũi nhau, là có ảnh hưởng lẫn nhau.

Tiếng cười truyền sang giới văn-học trí-thức Á-Đông đã lâu. Bút chiến với một người như Lỗ-Tấn thì bị thua chắc phải đau, bởi vì ngay đối với những nhân vật mà Ông thương xót như A Q, như Không Ất-Di v.v... Ông còn châm chọc nữa là.

Ở Việt-Nam, người như ông Tú Xương quả là rất nhạy. Về Âu Tây, Ông có biết sâm-banh với sữa bò, có học được tiếng « mét-xi », có trông thấy « bà đầm ngoi đít vịt » v.v..., nhưng còn tư tưởng của họ, văn hóa của họ, Ông đã kịp có thì giờ nghiên cứu đâu, sách vở của họ ông đã đọc đâu được ? Thế mà giọng thơ của Ông bỗng nổi lên trào lộng, khác hẳn giọng lưỡi những Ông tú khác ở đất nước này xưa nay. Cho hay cái cười không phải là cái khó học.

Và lại đây không phải là chuyện kỹ thuật : không phải trước ta không biết cách pha trò, học xong mấy bí-quyết của người Tây, hay đọc sách họ ta bắt chước được mấy phương-pháp, thế là ta pha trò được.

Có lẽ không phải thế. Ta không pha trò là vì theo quan-niệm văn-hóa, trong bầu không khí sinh-hoạt văn-hóa của ta, nụ cười không tiện nở ra, không tự thấy thích hợp. Khi cuộc sống đòi theo một chiều hướng thuận lợi nào đó, tự nhiên

nụ cười có thể nở ra, khỏi cần chờ ta học hỏi.

Trước khi người Âu đến xứ này, có một nhà thơ thường được coi là hay bốn cột : Hồ xuân Hương. Tuy vậy xem kỹ bà đâu có ý định chọc cười ?

« Thân em vừa trắng lại vừa tròn »

Thân em như thế có gì đáng cười ?

« Hòn đá xanh rì lún phún rêu »

hay « Cọc nhờ đi rồi lỗ bỏ không »

đều là những câu tự nó không có giọng hài hước. Chúng ta cười là cười vì cái « khám phá » hay ho của mình.

Và lại Hồ xuân Hương đâu có chế giễu, châm biếm về chuyện gì khác đâu; bà chỉ có mỗi một cái tật hay nói tới « chuyện ấy » mà rồi thiên hạ cười. Nếu cần phải nêu ra một sở trường của bà thì đó là cái sở trường nói tục nửa úp nửa mở, chứ không phải là sở trường trào phúng. Người có óc trào lộng gặp chuyện gì cũng đùa giỡn được ; ít ra thì suốt đời cũng tìm được hơn một đề tài để cười.

oOo

Trong trường hợp của Hồ-Xuân-Hương còn có điều đáng lưu ý nữa. Đó là không ai nghi bà có thể có ý góp những bài thơ *Đánh đu, Đánh cờ người* v.v... của bà vào một tác phẩm, như *Ức-trai-thi-tập* của Nguyễn-Trãi, *Bạch-vân-am thi-tập* của Nguyễn-Bình-Khiêm chẳng hạn. Một ý tưởng như vậy vào thời bấy giờ có lẽ là quá lỗ. Trong khi viết dăm ba câu tục tĩu chắc chắn bà không nghĩ rằng mình làm văn-học. Bất quá là nghịch một tí chơi rồi bỏ qua.

Ngay cả đến thơ hài hước của Tú Xương sau này cũng thế, lúc sinh thời

tác giả không hề gom góp vào một tập nào cả.

Chuyện ma chuyện quái, chuyện huyền hoặc, bùa phép, chuyện hồ ly, chuyện yêu tinh : có thể cho vào sách được, đặt cho nó nhan - đề được, lắm khi thành sách nổi tiếng được (*Liêu Trai, Việt điện u linh* v.v...). Chuyện giang hồ kỳ hiệp đâm đá nhau, loanh quanh nhằm nhí, đề tiêu khiển giết thì giờ : có thể cho vào sách được. Nhưng những trò nghịch ngợm thì không ; thơ hài hước, thơ phú không đứng đắn thì không. Chỉ có những bài rải rác vương vãi đây đó mà không có thi tập.

Tại sao vậy ?

Có lẽ là vì chúng ta chỉ đùa nghịch ngoài đời chứ không đùa nghịch trong sách vở. Thực vậy, làm sao có thể tưởng tượng rằng suốt ba bốn nghìn năm tổ tiên chúng ta ai nấy đều luôn luôn nghiêm chỉnh ? Làm gì đến nỗi chúng ta có những tổ tiên rầu rĩ như vậy được. Trái lại, bao nhiêu tập tục hội hè, bao nhiêu giai thoại còn truyền lại, chứng tỏ các cụ ngày xưa khi vui cũng vui đến nơi đến chốn. Có điều bước vào thư phòng làm công việc lập ngôn, thì các cụ không tự cho phép nham nhở, nghịch ngợm nữa.

Vì lẽ ấy mà trong khi ở các danh tác của chúng ta được ấn-hành thời trước thiếu tiếng cười thì tiếng cười vẫn không ngớt rúc rích trong ca dao, trong các câu đối, các truyện tiểu-lâm. Nhiều nhà nghiên cứu văn học gần đây xét rằng các truyện *Trạng Quỳnh, Trạng Lợn*, ra đời vào khoảng thời Lê mạt, và cho rằng thế kỷ thứ XVIII ở ta đặc sắc về một dòng văn chương trào phúng khoẻ

manh. Cái dòng khoẻ mạnh đó gồm có Hồ Xuân Hương mà ta đã biết (với một ngữ ngôn có nhiều gần gũi với ngữ ngôn tiểu lâm của dân gian vì những lối nói tục, nói lái), và gồm các truyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn vừa kể, loại truyện truyền khẩu trong dân gian. Trên sân khấu hát bộ của chúng ta ngày xưa thỉnh thoảng có một «thằng» hề chạy ra pha trò lung tung rồi chạy vào. Những chuyện huyền thiên của nó không có trong vở tuồng, toàn là tự nó «cương» ra. Người viết tuồng không chịu viết những câu bông lơn như thế, nhưng khi quần chúng khán giả cần giải trí một chút thì vở tuồng chính có thể ngừng lại, chờ đợi, cho phép trò giải trí kia diễn ra bên lề, xong rồi tự dẹp đi, để cho tuồng chính tiếp-tục, trình trọng, uy nghi không thêm biết tới những gì vừa xảy ra. Trận cười vừa xảy ra thuộc về sự sinh-hoạt, để thỏa mãn một nhu cầu sinh hoạt : ngồi chằm chỉ hơi lâu khán giả cần một trận cười cũng như cần đứng dậy bẻ lưng, cần giải khát v. v... trận cười ấy không thuộc về nghệ thuật, nó không dính líu tới nội dung vở tuồng, không được phép ảnh hưởng tới kết cấu vở tuồng.

Đông-Phương-Sóc, Trạng Quỳnh, không phải là những tác giả, hay những nhân vật của văn học chính thống như các cụ quan niệm. Ở Á Đông chúng ta, lấy tiếng cười làm tiêu chuẩn, thì giữa cuộc sống với văn-chương có một ranh giới. Bước vào đền thờ hình như người Hồi-giáo bỏ lại giày dép bên ngoài, chúng ta thì bước vào lãnh vực văn-chương tư tưởng, trước kia chúng ta phải gác bỏ nụ cười lại bên ngoài.

oOo

Chúng ta là những ai ? Lời lẽ trên đây đã tỏ ra mơ hồ lúng túng ở chỗ ấy. Khi thì nói người Việt và người Tàu,

khi thì nói người Á Đông. Á Đông còn có Nhật, Triều Tiên, Mãn Châu, Xiêm, Lào v.v... mà nền văn học chưa được nghiên cứu tường tận tại Việt Nam. Á Đông đa số chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Tàu, nhưng chắc đâu ảnh hưởng ấy luôn luôn bao gồm cả chuyện cười cợt. Đó là chưa kể vai trò của nền văn hóa Ấn-Độ nữa.

Nói thu hẹp, bảo rằng thái độ nghiêm trang là riêng của dân tộc mình thì không đúng. Ngoài ta ra còn có Tàu, và biết đâu còn nhiều dân tộc thuộc ảnh hưởng Tàu nữa. Nhưng nói rộng, coi như là truyền thống Đông phương, thì lại cũng không chắc. Rốt cuộc, đành có một lối ẩm ở mơ hồ, và xin nêu lên chỗ mơ hồ ấy.

Những dân tộc nào ở trong vòng mơ hồ ấy xin tự ý liên minh lại trong một chữ «chúng ta». Những nghệ sĩ, trí thức của chúng ta khi làm việc trước thư lập ngôn đều một vẻ ngay tình. Nghe bên Tây phương khúc khích, họ ngoảnh nhìn, thấy bộ dạng người trí thức Tây phương — Voltaire chẳng hạn — mặt gầy, lưng quyền nhô cao, mắt sáng, môi mỏng, thấy cái vẻ thông minh mà ranh mãnh, tàn ác ấy, chắc họ không khỏi e ngại.

oOo

Các nghệ sĩ triết nhân của chúng ta ngày xưa thiếu đi chút hóm hỉnh tinh quái, nhận xét nhỏ nhặt này tuy vậy mà cũng liều lĩnh.

Hình như các sách nghiên cứu văn học không mấy ai thêm chú ý tới điều ấy. Người ta tìm hiểu Đông-phương tính, dân tộc tính đã nhiều. Người ta nói đến tinh thần tổng hợp, óc thực-tế của dân tộc đã nhiều. Dân tộc còn được xem như tình cảm phong phú, trí óc lại thông minh, mà còn thêm đức tính hiếu hoà nữa. Bên cạnh những đặc điểm hệ trọng như vậy, ít cười là điều nhảm nhí quá chăng ?

VÕ-PHIẾN

I-1967

Kỳ tới : Không cười thế mà hay

TRONG ĐÔNG-NAM Á

V
i
ệ
t
N
a
m
H
à
n
g
K
h
ô
n
g



A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
của

ĐƯỜNG BAY *Hoasen* VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG 800 CÂY SỐNG NGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI. MÁT-MỀ. ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÀN. ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
116, NGUYỄN-HUỆ, SAIGON. 21.624-625-628

Nhớ và nghĩ về bài quốc ca Việt

• NGUYỄN - NGU - Í

Trong bài «Bên lề Hiến pháp tương lai : Quốc thiều, Quốc kì, Quốc huy» (B.K. số 179, ngày 15-4-1964), anh Đoàn-Thêm có nhắc lại những cuộc bàn cãi của các vị dân biểu Quốc hội Lập hiến năm 1956 trong việc thay đổi quốc thiều và quốc kì, trong đó có đoạn :

« Bài quốc thiều hiện nay, thực ra chỉ là bài *Tiếng gọi sinh viên* mà Lưu-Hữu-Phước làm cho Tổng hội Sinh viên Hà-nội (AGEI) hồi 1938.

« Về sau, có phong trào thanh niên ái quốc, nhất là sau ngày 9-3-1945, khi Nhật đánh đổ Pháp trên khắp Đông-dương : Thanh niên phải có bài đồng ca mạnh mẽ, trong những cuộc mít tinh lớn ; vì chưa kịp soạn bản nhạc khác, L.H. Phước chỉ cho đổi lời ca thành *Tiếng gọi Thanh niên* (...). »

Có ba điểm không đúng :

- 1 — Bài quốc thiều hiện nay thực ra không phải hẳn là bài *Tiếng gọi Sinh viên*.
2. — Bài này không phải soạn năm 1938 (lúc bấy giờ tác giả còn là học sinh nội trú ban Tú tài, năm thứ nhất, trường Trung học Trương-Vinh-Kí) và Lưu soạn nó không phải vì «Sinh viên»; mà vì «Quốc dân» :
3. — Không phải Lưu-Hữu-Phước cho đổi lời ca *Tiếng gọi sinh viên* ra *Tiếng gọi Thanh niên*.

Nghĩ rằng đa số đồng bào có thể hiểu lầm như các vị dân biểu nói trên, và cũng như Quốc hội Lập hiến 1966-67 đang soạn thảo Hiến pháp mới, tôi xin thử kể qua lịch sử bản hát lịch sử này, theo chỗ tôi được biết, phối hợp với những điều gom góp đó đây, do vài bạn đồng lứa thuật lại từ lâu. Và sau đó, thêm vài ý nghĩ.

oOo

Năm học 1940-41, có ba người bạn thân nhau lâu từ Hậu-giang ra Hà-nội để vào Đại học. Họ trọ chung một gác ở phố Thề dục cũ (phố Wiélé). Ba người sinh viên cùng nặng tình với đất nước ấy là : Lưu-Hữu-Phước, Mai-Văn-Bộ và Nguyễn-Thành-Nguyên.

Tháng 5 năm 1941, họ có gặp một cán bộ cao cấp của một đảng cách mạng

dân tộc ; họ biết qua đường lối, chủ trương và có cảm tình với đảng cách mạng này. Sau đó, một đảng viên cao cấp khác, sinh viên trường Luật, tìm người bạn nhạc sĩ dân tộc họ Lưu lúc bấy giờ đã nổi tiếng với những bản « Sông Bạch-đăng, Kinh cầu nguyện... », tỏ bày căn kể lí tưởng đảng mình đề rồi nhờ Lưu soạn cho một bài hát hô hào đồng bào, một bài hát mà nay mai có thể trở thành một hành khúc của Quốc dân. Lưu nhận lời, vì từ lâu, Lưu ôm ấp ý định đặt một bài hành khúc hùng mạnh để kêu gọi toàn thể Quốc dân. (Sau này, chính Lưu nói nửa đùa nửa thật với vài bạn thân rằng mình đã cố ý làm cho tiết tấu câu thứ nhì bản nhạc mình tương tự như tiết tấu câu nhạc thứ nhất của bản *La Marseillaise*).

Những phút dần vật, khỗ sở của thời đặc biệt sáng tạo, Lưu đều nắm đủ. Tâm, trí chẳng khác lúc nào yên, và tiềm thức cũng âm thầm góp sức. Rồi sự giải thoát. Một đêm nọ, đang ngủ say, Lưu bỗng thức giấc, lại bàn học, ghi lại một hơi bản nhạc hoàn thành trong tiềm thức, với chiếc măng đồ lin. « *Quốc dân hành khúc* » chào đời. Nhưng phải đợi ngày tựu trường mới có lời, gồm ba ca khúc: *Tranh đấu, Khải hoàn và Kiến thiết*.

Người bạn làm cách mạng nọ đến gặp lại Lưu, được nghe bài hát mong chờ, rất đổi vui mừng Nhưng sau cuộc gặp gỡ hôm ấy, anh đi không trở lại: anh mất tích. Đạo ấy, người cách mạng Việt ở vào cảnh một cổ đôi trùng: thực dân Pháp và quân phiệt Nhật ; sự sống và tự do, mất chẳng biết lúc nào. Bài hành khúc soạn cho Quốc dân đành nằm yên vậy. Chẳng ngờ sau đó không lâu, nó phải thay hình đổi dạng.

Số là cuối năm ấy, hoàng đế Bảo-Đại định ra thăm đất Bắc. Chốn ngàn năm văn vật lo chuẩn bị cuộc tiếp rước. Học sinh tập diễn hành và tập hát

« *Allons, enfants de la patrie,
« Le jour de gloire est arrivé...»*

(*La Marseillaise*)

« *Kìa núi vàng bề bạc,
« Có sách trời, sách trời định phận...»*

(*Đăng đàn cung*) (1)

(1) « *Đăng đàn cung* » vốn là một bản nhạc thường dùng khi nghinh giá trong thành nội. Nó chẳng có gì đặc sắc. Năm 1933, Pháp mở cuộc đấu xảo thuộc địa ở Paris. Việt, Miên, Lào có một khu vực riêng để triển lãm, gọi là khu vực Đông-Pháp. Ngày khánh thành nó mà nước Việt ta không có bài Quốc thiều để cử, « thì coi sao được », nên người đội trưởng phường quân nhạc của Nam triều lúc bấy giờ, thầy đội Tú, mới lấy bài nhạc rước vua nói trên mà lo ghi nó lại theo kí âm nhạc Tây-phương. Mãi đến khi tàu vào Hồng-hải, việc này mới xong. Thầy đội Tú mới trình cùng nhạc trưởng mình là ông Fournier. Ông này mới hoà âm « *Đăng đàn cung* » rồi đội nhạc tập duyệt. Và ngày khánh thành khu vực Đông-Pháp, bản « *La Marseillaise* » vừa dứt thì đội nhạc Việt cử bài « *Đăng đàn cung* » với lời giới thiệu cùng thiếu vương Bảo-Đại và quan khách đó là Quốc thiều của « đế quốc An-Nam ».

(Theo tài liệu của Lê-Thương)

Nghĩ mình là lớp đàn anh, phải có cái gì hơn bọn đàn em sinh viên thấy cần phải có một bài hát cho trường Đại học. Ban Âm nhạc của Tổng hội Sinh viên tích cực hoạt động. Người trưởng ban, Nguyễn-Tôn-Hoàn (cũng người miền Nam và bạn thân với Lưu-Hữu-Phước) sức nhớ đến bài hành khúc năm chớ thời, bèn bàn với Lưu lấy Quốc dân hành khúc làm Sinh viên hành khúc. Như thế là thu hẹp quá nhiều phạm vi bản nhạc miễn yêu, (dân ta hai chục triệu, mà sinh viên lúc ấy chưa tới số ngàn!) nên Lưu soạn ngay một bản nhạc khác cho anh chị em sinh viên. Nhưng ban Âm nhạc không ưng ý : bài này không bằng bài kia, và «đòi» lấy Quốc dân hành khúc làm hành khúc của giới mình cho được mới nghe. Vốn giàu tình cảm và đặt quyền lợi đoàn thể lên trên, Lưu đành nhượng bộ, và Quốc dân hành khúc đành ra mắt quốc dân với cái tên tạm

Sinh viên hành khúc

Ca khúc

*Này Sinh viên ơi! Chúng ta kết đoàn hùng tráng.
 Đồng lòng cùng nhau ta đi đến nguồn tươi sáng.
 Vì tương lai quốc gia, vì tương lai quốc dân,
 Từ nay ta tiến lên, từ nay ta rón cần.
 Làm sao cho tiền nhân không hổ,
 Dù khó thế mấy, cùng nhau cố
 Rèn đức chí khí dũng cường thuở xưa,
 Đoàn Sinh viên ta quyết đồng tâm hứa :
 Bền chí, cố gắng sức, đoàn ta tiến lên.
 Trau chuốt từ tấm thân cho tới tâm hồn.*

Điệp khúc

*Sinh viên ơi ! Ta quyết đi đến cùng !
 Sinh viên ơi ! Ta nguyện đem hết lòng !
 Tiến lên ! Đồng tiến ! Vẻ vang đời sống,
 Chớ quên rằng ta là giống Lạc-Hồng !*

oOo

Tổng hội sinh viên Đông-Dương (AGEI : association générale des étudiants de l'Indochine) còn có sinh viên Miên, Lào, Pháp nên Mai-Văn-Bộ và Nguyễn-Thành-Nguyên đặt lại lời ca cho thích hợp.

La Marche des Étudiants

Musique :

Lưu - Hữu - Phước

Paroles :

Mai-Văn-Bộ & Nguyễn-Thành-Nguyên

COUPLET

*Étudiants ! Du sol l'appel tenace,
 Pressant et fort retentit dans l'espace.
 Des côtes d'Annam aux ruines d'Angkor,
 À travers les monts, du Sud jusqu'au Nord,
 Une voix monte ravie :
 Servir la chère Patrie,
 Toujours sans reproche et sans peur
 Pour rendre l'avenir meilleur.
 La joie, la ferveur, la jeunesse
 Sont pleines de fermes promesses.*

REFRAIN

*Te servir, chère Indochine !
 Avec cœur et discipline,
 C'est notre but, c'est notre loi,
 Et rien n'ébranle notre foi.*

Tạm dịch :

CA KHÚC

*Sinh viên ! Từ lòng đất, tiếng gọi dai dẳng,
 Thúc hối và mãnh liệt dội vang trong không trung.
 Từ miền duyên hải nước Việt đến cảnh hoang tàn Đế-Thiên Đế-Thích,
 Qua núi non trùng điệp, từ Bắc chí Nam,
 Một tiếng vút lên, hân hoan :
 Phụng sự Tổ quốc thân yêu,
 Mãi mãi không hề biết ngại và không hề biết sợ
 Để làm cho tương lai xán lạn.
 Niềm vui đời, lòng nhiệt thành và tuổi trẻ
 Đều đầy những hứa hẹn vững mạnh.*

ĐIỆP KHÚC

*Hỡi Đông-dương thân yêu ! Chúng tôi nguyện phụng sự
 Với lòng dũng cảm và tinh thần kỉ luật,
 Đó là mục đích, đó là luật của chúng tôi,
 Và không gì làm lay chuyển đức tin này của chúng tôi.*

Tiếc thay, hoàng đế của cái « đế quốc An-nam » không được nghe bản . . . quốc thiều tương lai của nước Việt-Nam... Cộng-hòa mà ông sẽ là quốc trưởng, tại cố đô Thăng-long, năm ấy : đế quốc Nhật chầm ngòi chiến tranh ở Thái-bình-dương, cuộc Bắc du phải hoãn lại đề rồi bãi bỏ.

Sẵn nói đến vua chúa với bài hát lịch sử này, cũng xin ghi lại đây một hiện tượng : một sinh viên đem « *La Marche des Étudiants* » về phổ biến ở Nam-vang, được ông Jekyll, trưởng ban Âm nhạc nhà vua, thích tập cho ban này và trình bày cho Sihanouk. Sihanouk nghe xong, rất lấy làm thích thú và nhờ ông Jekyll dạy ông ta hát :

.
« *Des côtes d'Annam aux ruines d'Angkor,*
« *À travers les monts, du Sud jusqu'au Nord,*
« *Une voix monte ravie :*
« *Servir la chère Patrie...* »

Ta hãy trở về Hà-nội, thăm lại Tổng hội Sinh viên.

Đề đề bề phổ biến ra ngoài giới sinh viên, lời ca Việt và Pháp được đưa đi kiểm duyệt. Lời Pháp được qua ải, lời Việt thì không. Đáng ghi là câu chót của Điệp khúc, mà cũng là câu chót của bài hát, bị đến năm gạch chì đỏ phũ phàng gạch bỏ.

Lúc bấy giờ là khoảng đầu năm 1942.

Tổng hội Sinh viên bèn mở cuộc thi đặt lời ca (gồm có ba đoạn). Giải nhất về Lê-Khắc-Thiên, giải nhì về Đặng-Ngọc-Tốt. Cả hai đều là sinh viên trường Thuộc, lời ca của hai người trúng giải được hợp lại — Điệp khúc thì lấy ở bài *Sinh viên hành khúc* — đề rồi bay đi, từ thành thị đến thôn quê, từ ải Nam-quan đến mũi Cà-mau.

Tiếng gọi Sinh viên (2)

(Bài hát chánh thức của trường Đại học Đông-dương)

Nhạc :

Lời :

LƯU-HỮU-PHƯỚC

LÊ-KHẮC-THIÊN & ĐẶNG-NGỌC-TỐT

Đoạn 1

Này Sinh viên ơi ! Đứng lên đáp lời sông núi !

Đồng lòng cùng đi ! đi ! đi ! mở đường khai lối.

Vì non sông nước xửa truyền muôn năm chớ quên,

Nào anh em Bắc, Nam ! cùng nhau ta kết đoàn.

Hồn thanh xuân như gương trong sáng,

Đừng tiếc máu nóng, tài xin rán.

Thời khó, thế khó, khó làm yếu ta,

Dù muôn chông gai, vững lòng chi sá !

() Nhan này vốn của Đặng-Ngọc-Tốt.

*Đường mới, kíp phóng mắt nhìn xa bốn phương,
Tung cánh hồn thiếu niên ai đó can trường.*

Điệp khúc

*Sinh viên ơi ! ta quyết đi đến cùng !
Sinh viên ơi ! ta nguyện đem hết lòng !
Tiến lên ! Đồng tiến ! Vẻ vang đời sống !
Chớ quên rằng ta là giống Lạc-Hồng !*

Đoạn II

*Này Sinh viên ơi ! Nhớ xưa dấu còn chưa xóa,
Hùng cường trời Nam, ghi trong bảng vàng bia đá :
Lùa quân Chiêm nát tan, thành công Nam tiến luôn;
Bình bao phen Tống, Nguyên, từng ca câu khai hoàn;
Hồ Tây tranh phong, oai son phấn ;
Lừng tiếng «Sát Đát !», Trần-Quốc-Tuấn ;
Mài kiếm cứu nước, nhớ người núi Lam ;
Trừ Thanh, Quang-Trung giết hăng bao đám.
Nòi giống có khí phách từ xưa, chớ quên,
Mong thấy ngày vẻ vang, ta thắp hương nguyện.*

(Qua Điệp khúc)

Đoạn III

*Này Sinh viên ơi ! Muốn đi đến ngày tươi sáng,
Hành trình còn xa, anh em phải cùng nhau gắng.
Ngày xưa, ai biết đem tài cao cho núi sông,
Ngày nay, ta cũng đem lòng son cho giống dòng,
Là Sinh viên, vun cây Văn hoá
Từ trước sẵn có nhiều hoa lá...
Đời mới, kiến thiết, đáp lòng những ai
Hăng mong ta ra đứng cầm tay lái.
Bền chí, cố gắng sức, đoàn ta tiến lên,
Dù sấm, dù gió mưa, không núng gan bền.*

(Qua Điệp khúc)

Điệu «Tiếng gọi sinh viên» được hoan nghinh và phổ biến đến đôi người ta nhiều lần đặt lời ca theo nó để nhằm những mục đích mà tác giả nó không bao giờ nghĩ đến, tỉ dụ như đề ca ngợi Quốc trưởng... Pétain ! Và trong một tờ báo cũ, mấy dòng này in sau bài hát có tiếng nói trêu chọc chứng minh điều ấy : «Bài hát này

mới thật là bài hát chánh thức của Tổng hội Sinh viên trường Đại-học Hà-nội gửi cho chúng tôi và hội cấm đặt bài hát khác theo điệu này».

(*Nam-kì tuần báo*, số 37, ngày 18-3-1943)

Tuổi trẻ thích nó đến nỗi học sinh trường Bưởi (tức Lycée du Protectorat : trường Trung học Bảo hộ) có bài hát chánh thức do ông xếp kèn Parmentier đặt, lời bằng tiếng Pháp, bài *Lypro*, mà không chịu hát, chê dở, và mặc dầu chưa phải là sinh viên, vẫn hát, khoảng cuối 1941 đầu 1942 :

«*Étudiants ! Du sol l'appel tenaee...*»

Và sau khi bài hát chánh thức bằng tiếng Việt được công bố :

«*Này Sinh viên ơi ! Đứng lên đáp lời sông núi...*»

Hoan nghinh «Tiếng gọi sinh viên» hăng nhất và trước hết là học sinh các trường Trung học ở Bắc cũng như ở Nam, ở Trung. Đề hợp với mình, họ đòi hai tiếng *Sinh viên* ra *Thanh niên*, còn hướng đạo sinh thì : «*Này Anh em ơi !*». Chính anh chị em sinh viên cũng thấy dùng hai tiếng *sinh viên* ngoài giới của mình, nó có hơi hẹp, nên khi phổ biến ra ngoài, cũng :

— *Này Thanh niên ơi ! đứng lên đáp lời sông núi...*

— *Này Thanh niên ơi ! Nhớ xưa dấu còn chưa xóa...*

— *Này Thanh niên ơi ! Muốn đi đến ngày tươi sáng...*

Và khi nó chánh thức ra mắt công chúng tại Đại giảng đường trường Đại học Hà-nội, năm 1942, nhân dịp lễ hằng năm của sinh viên, thì được hoan nghinh nhiệt liệt. Mà lần trình bày ấy, giàn nhạc sinh viên do Trần-văn-Khê điều khiển chỉ gồm có vĩ cầm và trống nhịp ! Trên hai mươi năm qua, nhiều người chưa quên bầu không khí gây chấn lúc ấy : Sau hai bài *La Marseillaise* và *Đảng đàn cung*, cử tọa ngồi xuống, trừ anh chị em sinh viên. *Hành khúc của Sinh viên* trời lên. Quan khách đứng dậy, trừ viên toàn quyền Đông-dương. Rồi trong lúc tất cả mọi cặp mắt đều hướng vào phó thủy sư đô đốc Decoux thăm dò cử chỉ của y thì ông ta từ từ đứng dậy.

Rồi hè năm ấy, *Hành khúc của sinh viên* ra mắt công chúng miền Nam tại nhà hát Tây Sài-gòn trong đêm kịch của sinh viên, lại được hoan nghinh hết sức, và cả cử tọa cũng đứng nghiêm chào bài hát của những ai quyết «*đứng lên đáp lời sông núi*».

Ở Nam vốn dễ dãi hơn — xứ thuộc địa có khác xứ bảo hộ ! — nên anh em đưa bài hát kiểm duyệt, thì được chấp nhận. Sài-gòn đã cho phép thì sau đó, Hà-nội cũng cho luôn.

Và từ đó, nó theo những hoạt động văn hóa và xã hội của Tổng hội Sinh viên đã ý thức vai trò mình trước lịch sử sắp đến khúc quanh, mà lên tiếng gọi khắp cùng : những đêm hát Thanh niên và Lịch sử, những cuộc truyền bá quốc ngữ, truyền bá vệ sinh và tân y học, những trại sinh viên, học sinh, hướng đạo, thanh niên...

(*Còn tiếp 1 kì*)

NGUYỄN-NGU-Í

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 93 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

NGUYỄN VĂN TRUNG

sau mười năm cầm bút

IV.— VĂN HOÁ và CHÍNH TRỊ

Hỏi : Bây giờ tôi bước sang một tương quan khác cũng được anh đề ý rất nhiều : tương quan văn hoá — chính trị. Vấn đề đặt ra là : người ta nhận thấy kể từ sau ngày đảo chính 1. 11. 1963, anh mới thật sự chú ý đến chiến tranh và chính trị. Những năm trước đây anh chỉ thường đề cập đến triết học siêu hình và văn chương nghệ thuật có tính cách phi luân lý. Anh cho người đọc được biết những giải thích của anh về sự kiện này ?

Trả lời : Tôi phải nói ngay là trước đây không phải tôi không để ý tới thời cuộc và chính trị. Nhưng dẫu sao dưới thời ông Diệm, chiến tranh chưa đặt ra những vấn đề gắt gao. Thời đó tôi cổ vũ cho triết học siêu hình, văn chương nghệ thuật phi luân lý, có như để phủ nhận một cách tiêu cực chính trị lúc bấy giờ. Tôi muốn bỏ quân thực tại chính trị mà mình chẳng bằng lòng. Có thể gọi đó là một phản ứng tiêu cực. Vì thật rõ ràng là, dưới thời ông Diệm, người ta không thể bày tỏ được những tư tưởng chính trị như kiểu «Hành trình».

Bây giờ thì thời cuộc đã đổi thay và ít ra hoàn cảnh cũng khác trước. Thời cuộc gần đây làm cho những vấn đề chính trị, chiến tranh không thể không trở thành mối suy tư trỗi bật. Trong khi đó hoàn cảnh sau ngày 1-11-1963 lại cho phép tôi — và đôi khi thúc bách tôi — bày tỏ những mối băn khoăn về chiến tranh, chính trị với một thái độ ít ra cũng tích cực hơn. Tôi đã viết được nhiều bài về những vấn đề đó trên bình diện phân tích. Đó là kết quả đầu tiên tôi thu góp trong nhận định IV.

— Những bài viết của anh có tác dụng chính trị nào không ?

— Tôi đã nói : Thời cuộc gần đây khiến những suy tư về chính trị, chiến tranh không thể không trở thành trỗi bật. Tôi đã viết những vấn đề đó trên bình diện suy tưởng, phân tích suốt mười số Hành Trình. Đã hẳn những suy tư đó bày tỏ một lập trường chính trị. Nhưng lập trường chính trị này vẫn chỉ là lập trường trên phạm vi tư tưởng. Tuy nhiên, tôi không chối cãi những bài viết đó có thể có những tác dụng chính trị, tác dụng chính trị nơi ý

thức của người đọc. Và có thể đưa họ đến một quyết định nào đó hay một xác định thái độ nào đó. Tôi đã nhiều lần viết trên Hành Trình là những bài viết của tôi trước hết nhằm tạo một bầu không khí chân thực về chính trị và gây một thức tỉnh chính trị về những vấn đề đích thực liên hệ đến hướng đi lịch sử tất yếu của dân tộc, nhưng cũng không tránh được sự trách móc của một số người: Cứ suy tưởng mãi, lý thuyết mãi. Vấn đề là cần hành động. Đúng. Vấn đề là hành động. Nhưng một lời nói gắn liền với thực tế và có một tác dụng trên thực tế không phải là một hành động sao? Và nhất là khi lời nói đó đòi hỏi một sự can đảm nào đó để nói lên, và người nói có thể phải chịu những hậu quả, nguy hiểm về lời nói đó, thì lời nói lúc đó có phải là xuống không?

Thực ra, người ta đã nói nhiều, và nói xuống nhiều quá nên gây ra cảm tưởng hễ nói lý thuyết, là nói xuống và mọi lý thuyết đều xuống. Vậy, đừng nói nữa! Nhưng nói cho đúng, miền Nam chưa có lý thuyết, suy tưởng đích thực. Tôi muốn nói lý thuyết, suy tưởng gắn liền với thực tại tranh đấu và hướng dẫn tranh đấu.

— Nhưng tại sao anh vẫn từ chối những hành động cụ thể?

— Tôi vẫn từ chối những hành động cụ thể vì:

a) Những suy tưởng, nghiên cứu về chính trị của tôi sẽ không được những người trẻ đón nhận trong tinh thần vô tư nếu công việc đó có thể làm cho họ hiểu lầm là tôi viết rốt cùng chỉ là để tạo uy thế chính trị cho cá nhân tôi nhằm đưa tôi bước vào hoạt động chính trị, hay rõ hơn vào chính quyền. Họ có quyền nghi ngờ như thế vì đã nhiều người dùng con đường văn hóa, suy tưởng để mưu cầu địa vị, chính quyền.

b) Tôi phải đứng trong địa hạt của tôi. Tôi nghĩ rằng đóng đúng vai trò suy tưởng cũng là nhiều rồi. Mà chưa chắc tôi đã làm được và làm đủ. Tôi lại vẫn nghĩ rằng suy tưởng gắn liền với thực tại cũng là một hành động tranh đấu. Làm sao một người có thể làm cùng một lúc nhiều việc, vừa suy nghĩ, vừa hoạt động phong trào nếu thực sự không có đủ tài. Vấn đề là phải có những người khác có khả năng lãnh đạo, có biệt tài chỉ huy, điều khiển và tác động quần chúng... Điều đáng tiếc ở đây là không phải tôi không thể làm một người hành động, một người tổ chức, ngoại giao mà là chúng ta vốn thiếu một tổ chức, một phong trào có những người làm việc suy tưởng, có những người làm việc tác động quần chúng, có những người làm việc ngoại giao... Mỗi người tùy theo khả năng, tài đức của riêng mình mà góp sức vào phong trào. Và nhất là trong một tổ chức, mỗi người phải biết rõ được giới hạn hoạt động hiệu nghiệm của mình. Một điều bi đát ở đây là cho đến nay người ta vẫn không phân biệt được giới hạn giữa người làm cách mạng với người có tư tưởng cách mạng. Người ta lại không phân biệt được người cách mạng với nhà chính trị và nhà chính trị với người cai trị, cầm quyền hành chánh. Nói cách khác, người làm cách mạng chưa chắc đã có khả năng một nhà chính trị và một nhà chính trị chưa chắc đã có khả năng một người cầm quyền. Thật rất hiếm người giữ được cùng một lúc những vai trò đó.

Kinh nghiệm của Sartre có lẽ là một bài học khá hay cho tôi. Sartre chỉ là một người suy tưởng thuần túy, ông không thể làm gì khác ngoài việc suy nghĩ. Năm 1946 ông đã lao vào phong trào tranh đấu chính trị, ông đã lập Rassemblement Démocratique Révolutionnaire. Nhưng chẳng bao lâu công việc không thành. Lý do chẳng có gì, ngoài việc ông, một nhà triết học không thể là người hoạt động, làm chính trị theo nghĩa đảng phái, dùng mảnh khoé, thủ đoạn, chính sách mị dân, xã giao giả dối. Những việc đó không hợp với bản chất của một người quen nói thật và phản kháng. Cho nên, rất có thể là tôi sẽ tham gia một phong trào tranh đấu nào đó. Nhưng không phải là để đi tới nắm chính quyền. Tôi chỉ có thể theo một phong trào quần chúng, một phong trào tranh đấu cách mạng nào đó và cũng chỉ sẽ làm những gì thuộc địa hạt của tôi mà thôi. Nhưng không phải vì thế mà tôi không thấy tính cách ảo tưởng của một người trí thức khuynh tả đi làm cách mạng. Nếu anh ta có tài tổ chức có khả năng hoạt động phong trào nhưng anh ta chỉ thích làm cách mạng phản kháng, tranh đấu trong sạch mà không nghĩ đến nắm chính quyền để khỏi bị bần tay, thì thật là mâu thuẫn. Tôi vẫn nghĩ làm cách mạng là hoạt động tranh đấu và tranh đấu chỉ hiệu nghiệm, khi nắm được chính quyền để có phương tiện thay đổi thực sự cả chế độ.

— Những điều anh viết đã phản ánh đúng lập trường chính trị của anh chưa ?

— Thật sự là tôi chưa nói hết. Tất cả những điều tôi nói ra chỉ là một phần nhỏ những điều tôi muốn nói. Tôi chưa thể nói hết được chỉ vì hoàn cảnh chưa cho phép, nhất là về hai vấn đề lớn : Cộng sản và công giáo. Hai vấn đề này tôi đã suy nghĩ nhiều để tìm lấy cho mình một thái độ sống. Tôi hấp thụ tư tưởng công giáo từ thuở 7 tuổi giúp lễ hầu hạ cha xứ, và từ đó đến nay tôi vẫn mãi suy nghĩ, đối chiếu để cố tìm được lấy cho tôi một quan niệm về Công giáo tôi có thể chấp nhận được. Nói chung, về căn bản, những suy nghĩ và chọn lựa của tôi trước hai vấn đề lớn đó trong vòng mười năm nay không thay đổi.

— Còn về những vấn đề khác ?

— Về nhiều vấn đề khác, nếu xét lại mười năm qua, tôi thấy có nhiều tư tưởng, nhiều điều suy nghĩ, nhiều niềm tin tôi bắt đầu nhận ra có lẽ chỉ là ảo tưởng. Hoàn cảnh chiến tranh hiện thời đã làm cho tôi phải xét lại nhiều về những quan niệm, niềm tin cố hữu của tôi. Chẳng hạn tôi đã thấy thái độ trí thức tôi vẫn mong có, nó tẻ nhạt, nó đẹp thật nhưng phải chăng trong hoàn cảnh này, nó cũng thật là xa hoa, xa xỉ ! Có lẽ cũng phải xét lại cả thái độ không xếp hàng với cả những-người-không-xếp-hàng và thái độ cố gắng sống lương thiện trong hoàn cảnh chung quanh đầy rẫy sa đọa, đàng điếm... Hàng năm tôi chấm hàng ngàn bài thi của sinh viên các lớp Dự bị văn khoa. Tôi tưởng có thể làm việc chấm chỉ và cho điểm thật công bằng là lương thiện, là làm hết bổn phận của người chấm thi có nhiệm vụ phải cho người đáng đỗ, được đỗ, người đáng trượt, phải trượt. Nhưng thật sự là năm nào trên 50% vẫn bị loại và những người trượt đó, họ đi đâu ? Tôi phải nghĩ rằng sự thất bại đó của họ chính là sự thất bại của

tôi, của một chế độ giáo dục mà tôi có phần trách nhiệm. Trước một tình cảnh như thế, tôi tự hỏi : Lương thiện, công bằng để làm gì, phải chăng chỉ để tạo cho tôi một ảo tưởng yên lương tâm : mình đã làm tròn bổn phận ! Cũng như người công chức nào đó, cố gắng sống trong sạch, nghèo túng với đồng lương ba cọc ba đồng trong khi chung quanh hối lộ, ăn cắp, gian thương, làm giàu. Tôi cũng tự hỏi : giữ cho bàn tay sạch để làm gì, phải chăng chỉ cho lương tâm mình được yên hàn. Vì thực ra sự lương thiện đó chẳng thay đổi được gì bầu khí vốn là nhơ bẩn, hoàn cảnh vốn đã sa đọa.,.

— Như vậy, việc cầm bút đối với anh bây giờ cũng là một ảo tưởng ?

— Tôi đã bắt đầu nhận thấy việc cầm bút trong hoàn cảnh này không những là ảo tưởng cho tôi mà có lẽ còn là ảo tưởng cho tất cả những người cầm bút vẫn tin rằng cầm bút là để tranh đấu cho sự thật, cho công bằng xã hội. Tôi đã bắt đầu nghi ngờ sự hiệu nghiệm của việc cầm bút, dù là cầm bút để sáng tác nghệ thuật, hay cầm bút để biên khảo, viết báo.,. Vấn đề này tôi muốn đào sâu trong một bài MƯỜI NĂM CẦM BÚT tôi đang sửa soạn viết. Tôi sẽ nêu lên trong bài đó vấn đề vị trí của nhà văn, của những người cầm bút trong xã hội miền Nam. Tôi tự hỏi : tại sao chúng ta lại ngồi bàn chuyện tranh đấu cách mạng, thay đổi xã hội trong các buổi hội thảo, trong các bài viết của chúng ta giữa khi những người trưởng giả bình tâm xoa mặt chược, chơi tennis và những người nghèo chạy bom trong đói ảm. Những người trưởng giả thành thị trên có cần và có bao giờ nghĩ đến những vấn đề đó mà họ vẫn có thể lực kinh tế vào quyền hành chính trị trong tay ? Còn tầng lớp quần chúng lao động thành thị và nông thôn thì nghèo khổ vẫn nghèo khổ. Họ chẳng bao giờ biết tới và có thể quan niệm được những vấn đề của chúng ta. Mà những vấn đề chúng ta đặt về họ có thật sự liên hệ đến họ và cứu thoát họ không ? Thật tình là tôi đã nhìn nhận được rõ sự kiện trên nhân một buổi đi dự hội thảo với những thanh niên lao động nghiệp đoàn. Tôi cảm thấy mình xa lạ và ngỡ ngàng giữa đám đông đó. Họ không biết tôi, và tôi không biết họ. Chính kinh nghiệm đó cho tôi thấy chuyện viết lách, hội thảo phải chăng chỉ cho những người cầm bút vốn thuộc tầng lớp tiểu tư sản nuôi mãi ảo tưởng trí thức ? Chúng ta cầm bút viết như cốt để tỏ thái độ phản kháng, đặt vấn đề xã hội và một khi vừa làm xong, chúng ta xoa tay như thể đã làm tròn bổn phận. Thật sự chúng ta chỉ nói về những vấn đề ray rứt chúng ta để cho những người trong bọn chúng ta nghe và cuối cùng, chẳng đi đến đâu chẳng thay đổi được gì, ngoài chuyện giúp chúng ta có cảm tưởng làm xong nhiệm vụ, để được lương tâm yên ổn.

Thành thử, bao nhiêu phản kháng, bao nhiêu ray rứt, bao nhiêu giằng co trí thức rồi rốt cùng cũng chỉ là con số không trước bạo động và sa đọa càng ngày càng tiếp diễn và chìm xã hội xuống sâu hơn.

Phải chăng đã đến lúc lời nói không thay đổi được gì, ngoài chuyện làm cho người nói tưởng mình đã nói được cái gì, đã tranh đấu cho một cái gì ?

— Vậy thì lúc này anh cho là phải viết gì và viết như thế nào cho được hiệu nghiệm và không trở thành ảo tưởng?

— Tôi thấy tình thế càng ngày càng không thể viết và cũng không thể làm gì trong hoàn cảnh hiện nay vì một đảng sự phân hóa giữa những người tôi quen biết có triển vọng càng ngày càng trầm trọng, đảng khác chiến tranh cũng càng ngày càng khốc liệt.

Nhất là từ ba năm nay sự phân hóa đã xâm nhập cả vào những người tôi quen biết, thân thuộc và mỗi chiều bài nêu lên đánh dấu một giai-đoạn phân-hóa lại làm cho tôi xa cách một số người quen, bạn hữu, hay ít ra trông thấy nhau cũng ngượng ngịu.

Chiến tranh này đã phân hóa dân tộc và dần dần làm cho người Việt-Nam trở thành ngoại lai trên đất nước của mình. Nhưng xuyên qua những chiều bài chính trị đã và đang gây phân hóa, tôi còn cảm thấy mình ngoại lai, vong bản đến ba lần nữa.

Chẳng hạn tôi dạy ở Văn Khoa và trong khung cảnh đó, tôi được chứng kiến cảnh thiếu số trí thức du học ngoại quốc, có bằng cấp bị vu cáo là những người nắm giữ quyền hành và dùng chính quyền hành đó để thống trị và áp chế những trí thức tự học trong nước. Thiếu số trí thức này bị coi như bọn vong bản không biết làm văn-hóa dân tộc.

Tôi là người công giáo vì thế, tôi cũng cảm thấy liên lụy khi có những người tố cáo công giáo như một thiểu số thống trị, đàn áp đa số phật giáo để bành trướng một đạo ngoại lai.

Sau cùng tôi còn là người Bắc và cũng không thể không động lòng khi có người tố cáo dân Bắc thiểu số di cư đàn áp đa số người Nam.

Thực ra, tôi không tham dự gì vào cả ba sự thống trị đó, nếu có. Nhưng việc nêu lên những sự kiện thống trị như một chiều bài tranh thủ chính trị không thể không làm cho tôi cảm thấy mình không còn dặt đứng vì ngay cả những chiều ca h hiện-sinh của con người cũng bị đe dọa, kết án như thế những chiều ca h hiện-sinh đó là một tội lỗi ! Tôi có được quyền lựa chọn làm người công giáo đâu. Vừa sinh ra được mấy hôm, bố mẹ tôi đã đưa đầu tôi ra rửa tội. Cũng vậy, tôi có quyền chọn làm người Bắc hay người Nam đâu ! Bố mẹ sinh ra ở Bắc thì là người Bắc. Thế thôi. Trong một tình cảnh như thế làm sao không chán nản và còn muốn làm gì, làm với ai !

Trong khi đó, chiến tranh càng ngày càng ác liệt và mất dần ý nghĩa. Chiến tranh đã tới lúc được cả thế giới chú ý đến. Nhưng thế-giới chú ý tới có phải vì chỉ lo lắng tới số phận Việt Nam đâu. Họ chú ý chỉ vì chính cuộc chiến-tranh này cho họ được bày tỏ những mâu thuẫn, chia rẽ của họ. Chiến tranh Việt-Nam càng ngày càng lôi cuốn họ và đưa đến những hành - động:

ủng hộ tiền bạc, khí giới, đề nghị gửi quân tình nguyện. Nhưng điều đó không làm cho tôi nghĩ rằng cuộc chiến tranh này giống cuộc chiến tranh Tây-Ban-Nha. Có một sự khác biệt căn bản giữa chiến tranh Việt Nam hiện nay và nội chiến Tây-ban Nha hồi 1936. Tuy có nhiều quân tình nguyện các nước tham dự vào trận chiến, nhưng tại Tây-ban-Nha, hai phe trong nước vẫn còn nắm giữ chủ quyền và tham dự tích cực vào cuộc chiến. Ở Việt-Nam thì khác hẳn. Khi quốc-tế ồ ạt can thiệp vào thì người Việt Nam không còn giữ vai chính và cũng chán ngán những lý do, lý tưởng, nhân danh nó mà người ngoại quốc can thiệp, vì người Việt Nam đã chịu đựng chiến tranh từ hai mươi năm rồi.

— Như thế anh bi quan hay lạc quan về tương lai đất nước ?

— Tôi chỉ có thể nói : Trong tương lai gần tôi thật bi quan thất vọng, Nhưng nhĩa xa và ở trong viễn tượng không gần liền với cá nhân tôi, tôi lạc quan căn cứ vào những phôi tá của nhà hiệp này tôi tin là đúng, tuy chưa thể nói ra. Những nhận xét và những kinh nghiệm trên có thể thúc đẩy tôi thay đổi một vài thái độ hay lựa chọn một vài lập trường trước tình thế hiện tại, chẳng hạn có nên viết nữa hay không, nhất là viết công khai, hay phải làm một việc khác, hiệu nghiệm hơn !

TRẦN-TRIỆU-LUẬT

phụ trách cuộc phỏng vấn

QUÝ VỊ HÃY ĐẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÁM TẠI THUY-SH

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY & LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



— tại nhà in I.N.D.E.O. —

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON

NÉT ĐẸP QUÊ HƯƠNG

Người ta hay có tính đứng núi này trông núi nọ tưởng là cao hơn. Đến lúc trèo lên được núi bên kia rồi mới thấy là nó cũng thế thôi. Vì thế những ai ở trong nước vẫn ôm mộng viễn du, lúc “du” chán chê rồi chợt nhận thấy quê hương là đẹp hơn cả. Nhất là những con người tương lai mù mịt, ngày về còn xa như tôi thì càng nghĩ càng nhớ, và càng nhớ càng thấy quê hương nó đẹp làm sao là đẹp. Tóm lại, phong cảnh của ta, cũng như phong tục của ta, nói theo giọng Minh Đức là đẹp diên luôn.

Ngày xưa, cha tôi là con trưởng nên có phận sự phải lo về những ngày kỵ giỗ. Những ngày ấy họ hàng bà con đến đông đảo, vì thế không sao tránh khỏi một vài chuyện buồn cười hay hiểu lầm nhau xảy ra, lúc bấy giờ thì bực mình, nhưng bây giờ nghĩ lại cả những chuyện cãi nhau, gây nhau ấy cũng đẹp.

Mẹ tôi thường lo sắp đặt mọi việc trước ngày giỗ một tuần. Bà mua sẵn các thứ nắm hương, mộc nhĩ, bún tàu, bào ngư, đậu, nếp v. v... Thực đơn thì trong trí bà đã có sẵn, đại khái kỵ nào cũng giống nhau. «Tiên thường» là lễ cúng trước ngày Chánh kỵ một ngày bao giờ cũng làm món chay. Các bà, cô, dì, mợ tha hồ thi nhau làm khéo. Nói là kỵ chay vì không có các món thịt cá, nhưng trông cũng hấp dẫn ghê lắm; vì ngoài xôi chè bánh trái hoa quả ra, các bà còn dùng đậu xanh, bún tàu, nắm hương v. v... làm giả tất cả các món chả, nem, giò, vẩy, bóng trắng ngon như thật.

Ngày «Chánh kỵ» là ngày kỵ mặn bao giờ cũng rộn ràng đông đảo nhất. Bà con tề tựu đến tất cả. Nhóm các cụ ngồi trong nhà khách tán dõc, đánh tổ tôm hay tại bàn; nhóm các bà lăng xăng nấu dọn trong bếp, nhóm «dậy thì» họp nhau dưới các gốc cây trong vườn nói chuyện văn thơ, âm nhạc và trao đổi hình ảnh, bút tích; nhóm trẻ con được mặc áo đẹp chơi ở ngoài sân với các anh chị em trong họ; lại còn nhóm các em bé còn đang bế, vú nào giữ em nấy cũng ngồi một nhóm khoe nhau chiếc thắt lưng mới hay hộp son «Cô Ba» mới được chủ thưởng....

Trên bàn thờ, bộ đồ đồng lư hương, chân đèn đã được đánh bóng từ một tuần trước. Tấm khăn lụa điều che ảnh thờ và bài vị cũng đã được vén lên, sau lư trầm khói lên nghi ngút.

Sau buổi lễ bàn thờ theo đúng tôn tri trật tự, mọi người ngồi quanh quần trước nhà khách. Đây là giờ phút kiểm điểm lại số con cháu dâu rề trong nhà. Con này cao hơn con kia mấy phân; thằng cháu này lên lớp mấy; con kia sắp gã cho ai...

Mặc dầu trong số bà con đông đảo thế nào cũng có một vài người sa sút, làm ăn khó khăn hay đau ốm bệnh tật, quanh năm chỉ đợi ngày cúng giỗ, đi tuần trong vòng bà con để kiểm bừa chén; nhưng đối với những người đó chả ai nỡ trách bao giờ, trái lại còn được mọi người tìm cách giúp đỡ.

Cha tôi thuộc phái tân học, tuy bao giờ ông cũng giữ những phong tục cổ truyền, nhưng ông thường thi hành với một tinh thần mới. Về sau, có nhiều ngày giỗ khác ở các tỉnh xa xôi, không có bà con họ hàng đến dự tấp nập đông đảo, tuy nghi thức giảm bớt nhiều mà phần thân mật ấm cúng vẫn không kém.

Bàn thờ ngày thường chỉ đủ chỗ để bát nhang, chân đèn, bài vị và ảnh; đến ngày giỗ phải kê thêm một cái bàn dài thẳng để có chỗ bày tất cả các đồ cúng lên. Lễ xong, lúc nào thấy nén hương cháy được hơn một nửa là cha tôi vui vẻ dọn pha nước trà cúng và gọi chúng tôi :

— Các con đâu ? Ông Bà hưởng đủ rồi, bây giờ đến lượt con cháu. Thôi cứ để đồ cúng đấy, không cần phải hạ xuống, nhắc ghế ngồi quanh bàn ăn cho nóng. Con cháu ngồi gần, Ông Bà ngắm càng rõ càng thích mắt.

Mẹ tôi cho rằng cái « tinh thần mới » như bắt ghế ngồi quanh bàn cúng ăn là có tội bất kính đối với Ông Bà nhưng cha tôi giảng :

— Tại sao chúng ta lại có lệ cúng giỗ ? Có phải vì mục đích để cho Ông Bà ăn không ? Ông Bà đã chết từ bảy tám đời Vương rồi, đã đi đâu thai thoát kiếp từ năm Thìn năm Dậu nào rồi, còn ở đây đâu nữa mà ăn cỗ cúng ! Chúng ta cúng là nhân ngày ấy để tưởng nhớ công ơn Ông Bà cha mẹ; bà con họ hàng có dịp họp nhau cho thêm tình thân ái chứ có phải cúng để cho Ông Bà ăn đâu !

Bà con ai cũng có công ăn việc làm suốt cả năm trời xa cách, nếu không có ngày cúng giỗ thì làm sao có dịp gặp nhau ? Bà con ruột thịt cũng sẽ vì sinh kế mà lãng xa dần như người đứng nước lã !

Sau này lớn lên những buổi cúng giỗ không còn là giỗ Ông Bà nữa, mà đã thành ra giỗ Cha Mẹ ; tôi thấy ý nghĩa của câu nói ấy càng ngày càng rõ rệt.

Ngày giỗ mẹ cuối cùng của tôi ở Việt Nam cách đây độ 8 năm. Chúng tôi họp ở nhà anh tôi một hôm. Tuy có vắng mặt vài người nhưng không kém phần vui vẻ. Sau tuần hương, chúng tôi theo « tinh thần mới » của Cha, nghĩa là bắt ghế ngồi quanh bàn ăn cho nóng. Chúng tôi cười đùa rất vui vẻ và tin rằng linh hồn của Cha Mẹ tôi nếu có về chứng giám chắc cũng rất sung sướng ngồi cùng mâm với chúng tôi.

Sau ngày giỗ này, tôi sang Paris còn làm giỗ mẹ với M. Đức một lần nữa. Đức có ảnh mẹ, có bàn thờ, có bát nhang nhưng nghi lễ thật đơn sơ. Không có kỳ

chay, không có xôi chè vầy bóng gì cả. Tôi nhớ hình như hai chị em có nấu được một món tây chẳng tây ta chẳng ta đặt lên bàn thờ cúng mà lòng buồn rười rượi.

Chị em sống chung với nhau ngoài ra không còn có ại bà con nữa, nên ngày giỗ không còn có ý nghĩa của cuộc hội họp họ hàng cho thêm thân mật, mà chỉ còn ý nghĩa tưởng nhớ mẹ mà thôi. Mà đã tưởng nhớ đến mẹ thì bao giờ cũng buồn nên vì thế cả hai chị em cùng khóc.

Các con khóc vì chưa đền được công ơn của cha mẹ, chưa từng làm cho cha mẹ sung sướng mà cha mẹ đã mất. Và giá có hồn mẹ về chắc mẹ cũng khóc vì tình mẹ như nước nguồn vô tận, mẹ còn muốn gây dựng cho các con nhiều, nhưng không làm được như lòng mẹ ước ao.

Những ngày giỗ cứ thu hẹp dần hẹp dần, cho đến bây giờ chỉ còn có một mình tôi ở đây. Ngày giỗ mẹ không có được một cây hương. Thắp đuốc sáng cả thành phố mới tìm được một vòng hương Nhật dùng để trừ muỗi. Đốt lên không những không thơm còn nghe mùi khét nồng nặc, cầm nén hương mà không biết nên cười hay nên khóc.

Bây giờ mỗi lần nghe ai nói đến ba điều thú nhất trên đời là:

Ăn cơm Tàu, nằm giường Tây, lấy vợ Nhật, tôi thêm vào «Ly dị ở Texas, và chết ở Việt Nam. Người ta hỏi tại sao, tôi cắt nghĩa :

— Texas là thiên đường của đàn ông. Ở đây pháp luật bênh đàn ông chậm chạp, cũng như California là thiên đường của đàn bà vậy. Tôi biết một ông đã ly dị vợ 3 lần, mà lần nào cũng gắng bỏ công việc đi bao nhiêu là ngày đường đến tận Texas để ly dị. Ông ta chẳng bỏ công lặn lội vì lần nào ông cũng được xử miễn tiền cấp dưỡng.

Còn chết ở Việt Nam vì chết không phải là hết, Chết rồi vẫn còn được con cháu họ hàng nhớ đến ngày cúng giỗ, còn được hưởng hương hoa trà rượu, và hàng năm còn được mời về xem sự thịnh vượng của con cháu trong nhà.

Nếu bây giờ có ai hỏi tôi ao ước gì, tôi sẽ nói tôi ao ước được dự một ngày giỗ cha mẹ có đông đủ tất cả họ hàng bà con. Các bạn có đồng ý cho đó là một nét đẹp độc đáo của quê hương ta không?

Tôi nói thế không phải cố ý xui các bạn cứ ở mãi trong nước để tận hưởng những nét đẹp của quê hương đâu. Nếu ở nhà mà buồn bực ước mơ, sao bằng nếu có cơ hội cứ đi một vài chuyến; đi để mà về, để nhận thấy quê hương ta quả nhiên đẹp hơn cả

KHU KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI PHONG-PHÚ (SICOVINA PHONG-PHÚ)

Sẽ bắt đầu khai-thác ngày 1-5-1967.

Lãnh phiếu trắng, nhuộm đủ màu và hoàn-tất đủ loại hàng vải khổ rộng từ 8 tấc đến 1 thước 4:

- Vải đen Chent'Clear, Perfect Chent'Clear.

- ★ Phiếu trắng, nhuộm đen satin, crêpe satin bằng chất viscoses hay acétate de cellulose.

- Phiếu trắng nhuộm màu đủ các loại vải (coton), Polyester, Polyester, Coton / Nylon 6, Nylon 6-6, Nylon / Viscose, Nylon/Coton, Tơ tằm (soi naturelle), Rilsan v.v...

- ★ Nhuộm và hoàn-tất đặc-biệt các loại hàng dùng may quần áo Âu Mỹ khổ 1 thước 4.

- Bảo-đảm hoàn-tất với các loại hồ đặc-biệt bằng những phương-pháp tối-tân nhất thế-giới hiện nay: không co rút (irrétrécissable), không nhăn (infroissable), đốt không cháy (ignifuge), không thấm nước(imperméable), không thối(imputrescible)...

- ★ Có máy đặc-biệt không cần hồ (apprêt), làm cho vải Popeline, Kaki .. không bị co rút (irrétrécissable), bảo-đảm khi nhúng nước không mất quá 1%.

Vì sự sản-xuất có giới hạn, các nhà kỹ-nghệ-gia ngành dệt vải may quần áo Âu Mỹ, áo mưa, may nệm, mui xe hơi, lều cắm trại, màn treo, satin crêpe satin, popeline v. v... và các nhà buôn sỉ có thể đến thương-lượng và ký giao kèo ngay từ ngày 15-1-1967 mỗi buổi sáng từ 8 đến 12 giờ tại Văn-phòng liên lạc tạm đặt tại nơi Nhà Máy Nhuộm SICOVINA An-Nhon (Gò-Vấp).

Cái chết của ba phi hành gia Hoa kỳ :

VIRGIL GRISSOM, EDWARD WHITE, ROGER CHAFFEE

Ý - nghĩa

của chuyến đi cuối cùng

★ NGỌC - VÂN

Những trang báo dưới đây đáng lẽ đã được dành để theo dõi chuyến bay Apollo 204 của ba phi hành gia Virgil Grissom, Edward White và Roger Chaffee trong một chuyến bay lâu và mới lạ nhất của chương trình thám hiểm không gian của Mỹ. Theo đúng chương trình thì đáng lẽ ngày 21 tháng 2 vừa qua ba phi hành gia đã cùng phi thuyền Apollo 204 lên quỹ đạo và có lẽ ngay tới bây giờ họ vẫn còn bay vòng quanh trái đất để tiếp tục thử những kỹ thuật và máy móc của phi thuyền Apollo, phi thuyền đã được chọn để đưa người Mỹ đầu tiên lên mặt trăng. Nhưng thay vì là đi vào khoảng không gian sâu thẳm thẳm và trao đổi những câu bốn cột trong khi bay trên quỹ đạo, Virgil Grissom, Edward White và Roger Chaffee đã về yên nghỉ trong lòng đất, còn phi thuyền Apollo 204 cháy đen và hoàn toàn hư hại đang được tháo ra từng mảnh trong phòng thí nghiệm của Cơ quan Hàng không và Không gian Hoa kỳ.

Chuyến đi cuối cùng

Đối với Grissom và White, hai phi hành gia kinh nghiệm của Mỹ, những mảnh vụn của Apollo 204 và tấm bia mới khắc trên mộ đã đánh dấu đoạn đường cuối cùng của một cuộc hành trình hãy còn dang dở. Còn đối với Chaffee thì đau đớn hơn nữa, những di tích đó đã đánh dấu chuyến đi đầu tiên mà cũng là chuyến đi cuối cùng của một phi hành gia chưa rời khỏi mặt đất.

Đây không phải là lần đầu tiên chương trình thám hiểm không gian gặp phải tai nạn chết người. Trước đây, ba phi hành gia Hoa kỳ đã tử nạn máy bay và ít ra hai phi hành gia Nga đã tử nạn trong khi tập dượt. Đó là những rủi ro nghề nghiệp cố hữu mà các phi hành gia, cũng như các người tham dự vào cuộc thám hiểm không gian luôn luôn sẵn sàng đón nhận. Điều ân hận cho Grissom, White và Chaffee là cái chết đã không đến với họ khi họ chơi vui trên quỹ đạo, cũng không

phải là lúc hiểm nghèo khi phi thuyền lao vào vòng khí quyển hay khi hỏa tiễn đưa họ lên quỹ đạo nồ tung trước hàng triệu cặp mắt của khán giả theo dõi trên máy truyền hình. Đó là hình ảnh cái chết của những phi-hành-gia người ta vẫn hằng tưởng tượng.

Cái chết đã đến với họ âm thầm, cô đơn trên đỉnh hỏa tiễn, vào một buổi chiều đầu tháng trước, khi họ đang nằm trong phi thuyền đóng kín mít để tập dượt lần cuối cùng trước khi thi hành phi vụ. Cũng như bao cuộc tập dượt khác, cuộc tập dượt đó không có gì thích thú và hào hứng hơn là những hoạt động hàng ngày của một kịch sĩ đã quá quen với vai trò trong một vở kịch diễn đi diễn lại ngày này qua ngày khác. Từ 1 giờ chiều ba người đã vào trong phi thuyền và công việc tiến hành như dự định. Đến 2 giờ 50, cửa phi thuyền khóa chặt và họ tiếp tục liên lạc với căn cứ điều khiển để kiểm-soát từng bộ phận từng động tác như khi hỏa tiễn sẵn khai hỏa.

Mười bốn giây

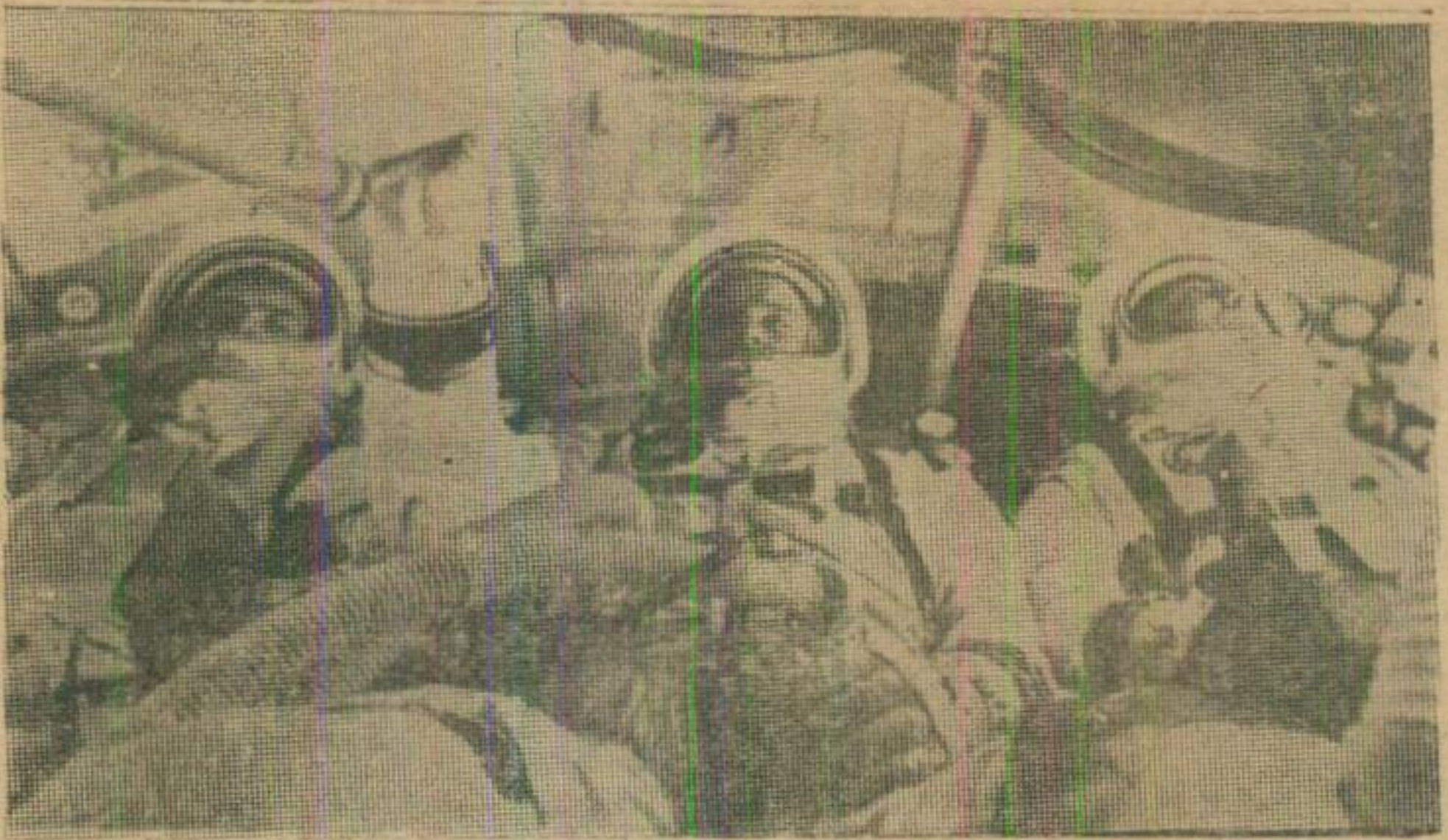
Cuộc tập dượt diễn tiến một cách bình thản, thỉnh thoảng lại ngừng lại đôi phút để điều chỉnh lại cho chính xác. Tới 6 giờ 15, cuộc tập dượt lại ngừng vì hệ thống truyền tin giữa phi thuyền và căn cứ không được rõ. Mười lăm phút sau hệ thống truyền tin được điều chỉnh lại. 6 giờ 31 phút 3 giây cuộc tập dượt lại tiếp tục. Đúng lúc đó, qua ống nghe người ta nghe thấy tiếng Chaffee kêu : « Fire in the spacecraft ! » (Cháy trong phi thuyền !). Sau đó sáu giây, White lại báo cáo, « Fire in the cockpit » (Buồng máy phát hỏa !). Qua ống vi âm, có tiếng người di động trong phi thuyền,

áp lực bên trong phi thuyền tăng gấp đôi trong khoảng khắc. Nhiệt độ tăng rất mau. Có tiếng người kêu cứu. Rồi sau đó im bật. Các chuyên viên trên giàn phóng thấy phi thuyền toé lửa và khói đen toả ra. Ban cấp cứu chạy đến định mở cửa phi thuyền nhưng bị hơi nóng và khói tạt lại. Sáu phút sau khi báo động, cửa phi thuyền bật mở, khí nóng ào ra đem theo cả luồng khói ngọt ngào. Grissom, White và Chaffee đã không còn nữa. Chaffee hãy còn nằm trong ghế. Grissom và White đã ra khỏi ghế (như chương trình dự định khi có tai nạn). Những mảnh thịt còn dính trên phía trong cửa phi thuyền đã âm thầm chứng tỏ họ cố gắng cho đến phút chót. Tất cả đã xảy ra trong vòng 14 giây đồng hồ. Họ đã thản nhiên nhận cái chết như một mục được dự liệu trong chương trình tập dượt.

Con số an ủi

Thế giới đã xúc động như chính người thân thuộc đã mất.. Nhưng thế-giới cũng đã đón nhận cái chết của ba phi hành gia như một sự kiện tất hữu, một rủi ro trước sau thế nào cũng xảy ra trong mọi cuộc phiêu lưu. Rủi ro đó, người ta đã chờ đợi ngay từ ngày đầu tiên của kỷ-nguyên không - gian nhưng cho tới tháng hai vừa qua, nó vẫn chưa đến. Đối với Mỹ, sau bảy năm trời thám hiểm không gian, sau hơn 30 triệu cây số và 1024 giờ bay có người thêm vào đó là hàng ngàn giờ tập dượt tại căn cứ, đây là lần đầu tiên đã xảy ra tai nạn. Đứng về phương diện thống kê, thám hiểm không gian đã an toàn hơn cả khi lái xe trong thành phố.

Những con số đó chỉ là những con số an ủi, nhưng đối với các chuyên viên và các giới phụ trách về chương trình thám



Grissom, White và Chaffee trong phi thuyền Apollo.

hiềm mặt trắng của Hoa-kỳ, cái chết của ba phi hành gia đã đặt cho họ một thách thức lớn lao về kỹ-thuật. Cho đến khi thách thức đó được giải quyết, họ sẽ không thể vào thực hiện một phi vụ Apollo khác, và chương trình Apollo do đó có thể bị chậm trễ hoặc bị huỷ bỏ.

Thách thức đó bắt nguồn từ nguyên nhân đưa đến cái chết của ba phi hành gia. Từ trước đến nay trong các phi thuyền Mercury, Gemini và trong các phi-thuyền Apollo người ta vẫn dùng khí oxy nguyên chất trong phi thuyền để cho các phi-hành-gia thở.

Bầu khí oxy

Những chứng cứ đầu tiên thu nhặt được chứng tỏ khí oxy trong phi thuyền đã bắt lửa bốc cháy. Những ai đã từng có khái-niệm về hoá học cũng đều biết một tính chất nổi bật của oxy là giúp cho sự cháy. Ngay cả đến những chất khó bắt lửa trong bầu không khí thường cũng có thể bắt lửa dễ dàng trong môi trường toàn khí oxy và chính

trong các cuộc thí nghiệm mấy năm trước đây, người ta đã từng ghi nhận ít ra là ba vụ cháy bên trong phi thuyền do bầu khí oxy gây ra. Ngoài hiểm họa đó, các phi hành gia thở hút một bầu khí toàn oxy lại còn có thể có những hậu quả sinh lý khác như cay mắt, ù tai, tức ngực và những triệu chứng mà chính các bác sĩ cũng chưa tiên đoán được hết.

Tuy biết được những đe dọa lớn lao đó, các kỹ thuật gia hàng không vẫn dùng bầu khí toàn oxy, thay vì là không khí thường — có bốn phần nitro và một phần oxy — để làm bầu không khí trong phi thuyền. Lý do thứ nhất là nếu dùng không khí thường thì các dụng cụ để tạo ra bầu không khí sẽ chiếm nhiều chỗ và nặng hơn là dụng cụ chứa toàn oxy. Đối với một phi thuyền tương tự như phi thuyền Apollo, dùng không khí thường sẽ cần phải có dụng cụ và bình chứa nặng hơn ít nhất là 250 kilô,

Không lối thoát

Hơn thế nữa, nếu dùng không khí thì áp lực không khí trong phi thuyền sẽ phải giữ ở mức ngang với áp lực không khí thường thì oxy mới vào đủ trong phổi để cho các phi hành gia thở. Dùng toàn khí oxy có lợi là áp lực phi thuyền có thể giữ ở mức nhẹ hơn — chỉ bằng $1/3$ áp lực không khí thường — mà sự hô hấp vẫn được điều hoà. Sự kiện này tránh cho các phi-hành-gia cái chết đau đớn, nếu vì một lý do nào đó, áp lực không khí trong phi thuyền đột nhiên giảm sút. Người ta nhận thấy rằng ở áp lực thường, các khí Nitro trong không khí được hít vào, sẽ tan trong máu. Nhưng khi áp lực không khí đột nhiên giảm đi, khí nitro sẽ thoát ra khỏi máu và tạo thành những bọt trong các thớ thịt khiến cho nạn nhân chịu những cơn đau đớn ghê gớm có thể nguy đến tính mạng. Tai nạn này thường xảy ra cho các thợ lặn sâu khi trở lên mặt nước quá nhanh.

Các phi hành gia Nga thở hút bầu không khí thường, khi ở trong phi-thuyền. Vì vậy đã mất công chuẩn bị rất kỹ lưỡng trước khi bước ra ngoài không gian để tránh chứng bệnh máu sủi bọt nói trên. Trong chuyến bay Voskhod II, trước khi bước ra ngoài không gian, phi-hành-gia Alekxi Leonov đã phải thở hút khí oxy nguyên chất để lấy hết Nitro trong máu ra. Sau đó lại phải vào một ngăn kín để giảm dần áp lực không khí xuống rồi mới dám bước ra ngoài không gian. Đối với các phi-hành-gia Hoa-Kỳ thì công việc hoạt động ngoài phi-thuyền lại rất giản dị. Nhờ thở hút khí oxy ở một áp lực rất thấp họ có thể mở cửa phi thuyền và bước ra ngoài không gian bất cứ lúc nào. Do đó mà trong các chuyến bay Gemini vừa qua họ đã có thể mở cửa phi thuyền, nhô nửa người ra ngoài hàng mấy tiếng đồng hồ để quan

sát và làm thí nghiệm.

Cái chết của ba phi-hành-gia cũng lại nêu lên một thiếu sót đáng ngại trong biện-pháp an toàn đặt trong phi thuyền Apollo. Vụ cháy phi thuyền vừa rồi đã xảy ra trong đúng 14 giây. Các phi-hành-gia đã không có cách nào thoát ra khỏi phi thuyền nhanh chóng khi phi thuyền phát hoả. Với phương tiện cấp cứu hiện tại, mỗi khi muốn thoát ra khỏi phi thuyền, họ sẽ phải vặn sáu con ốc ở phía trong cửa cho then cửa lỏng, rồi kéo cánh cửa trong ra. Sau đó lại còn phải kéo một cái chốt để cửa phía ngoài bật tung ra. Lúc đó các phi-hành-gia mới tháo bỏ các ống dẫn khí và truyền tin, lần lượt trườn mình ra ngoài. Dù đã tập dượt rất nhiều, các động tác đó cũng cần phải đòi hỏi một thời gian ít nhất là 90 giây, một thời gian quá lâu đối với những tai nạn chớp nhoáng như tai nạn xảy ra vừa qua.

Hành động điên rồ

Các nhược điểm này sẽ phải được điều chỉnh lại trước khi dự-án Apollo được tiến hành như dự-định. Nhưng cái chết của ba phi-hành-gia không chỉ nêu ra những thắc mắc, nghi vấn về kỹ-thuật mà còn nêu ra một nghi vấn lớn nữa về giá trị thực tiễn của chương-trình đưa người lên mặt trăng nói riêng và cả chương-trình thám-hiềm không-gian nói chung. Vấn-đề này đã được đặt ra từ lâu, nhưng lại được tranh-luận sôi nổi trong cái giới hữu trách từ ngày xảy ra tai nạn. Người ta tự hỏi những lợi ích thu hoạch được trong chương-trình không gian không biết có xứng đáng với những phí tổn về nhân-lực và tài-lực đang được tiêu dùng không. Kể từ năm 1951 đến nay, nguyên chương-trình

không gian Hoa-kỳ đã tiêu tốn hết khoảng 30 tỷ mỹ kim, một số tiền đủ để cho tất cả hơn 15 triệu dân Việt-Nam tiêu dùng trong suốt bốn năm mà không phải làm gì cả. Cơ quan Hàng không và không gian Hoa kỳ hiện dùng tới 60.000 kỹ sư và khoa học gia, gấp ba mươi lần tổng số kỹ sư và kỹ thuật gia của cả nước Việt-Nam. Nếu dùng số tiền và số nhân tài đó để đưa sang Việt-Nam thì công cuộc phát triển kinh-tế Việt-Nam có thể thực hiện được trong vòng năm năm một cách dễ dàng.

Ngay cả chương trình dùng người để thám hiểm không gian cũng bị cho là một việc làm phí phạm vô ích. Các nhà kỹ thuật cho rằng máy móc có thể làm công việc quan sát, thí nghiệm kỹ lưỡng và chính xác hơn người mà lại rẻ hơn dùng người gấp trăm lần. Người ta cho rằng các kiến thức do người thu lượm được trên không gian chỉ đáng giá một phần nghìn số tiền phí tổn. Hơn thế nữa lại còn những tai nạn rủi ro như tai nạn xảy ra trong tháng trước và sẽ còn nhiều tai nạn hơn nữa khi các chuyến bay và các số giờ bay càng ngày càng tăng.

Không-gian chống du-kích

Các lý luận và so sánh đó đã khiến nhiều người cho công cuộc thám hiểm không gian là một hành động điên rồ của nhân loại, chỉ khác chiến tranh ở chỗ không đưa đến những tàn phá tài sản nhân mạng. Nhưng có người cho rằng nói như vậy cũng chẳng khác gì chê Columbus là điên rồ khi đi tìm châu Mỹ và chê Einstein là không tưởng khi phí phạm suốt cả đời người để đặt ra thuyết tương đối khoa học không gian, cũng như bao nhiêu cuộc khám phá và phiêu lưu khác có thể đem lại

cho con người bao nhiêu lợi ích mà hiện nay chưa ai biết tới.

Ngày từ bây giờ khoa học không gian cũng đã trực tiếp hoặc gián tiếp đưa đến những lợi ích kinh tế và kỹ-thuật. Nguyên cơ quan không-gian và Hàng không Hoa-kỳ đã cung cấp công ăn việc làm cho 400.000 công nhân. Đó là chưa kể các công nhân làm việc tại những hãng chế tạo các bộ phận và dụng cụ máy móc. Cả một thành phố lớn đã mọc lên quanh mũi Kennedy, nơi trước đây năm năm chỉ là bãi hoang và cát trắng.

SÁCH BÁO MỚI

Giai thoại làng Nho toàn tập của Lãng nhân do Nam-Chi Tùng Thư xuất bản và gửi tặng. Sách dày hơn 800 trang gồm "ngót một trăm tiểu truyện của những nhà nho tiếng tăm hoặc tai tiếng của nước ta từ đời Trần đến cận đại". Giai thoại làng nho ghi chép sự thực hành lý thuyết Khổng giáo trong ngót ngàn năm nho học ở nước ta, giúp ta hiểu rõ hơn những ưu khuyết điểm của nền giáo lý Đông phương. Giá bán: 300 đ.

Hiện thân tập thơ của Phở Đức do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, gồm trên 30 trang thơ. Bạt của Đình Hùng; Phụ bản của nữ sĩ Hoàng Hương Trang, Trương thị Kim Trinh và Duy Thanh. Bản đặt biệt không để giá bán.

Đồng Vọng, Giai phẩm Xuân Đình Mùi của sinh viên lớp Việt Hán I Đại học sư phạm Saigon ấn hành và gửi tặng. Báo in ronéo 2 mặt khổ 18x25 dày trên 100 trang.

Các dụng cụ tinh vi dùng trong phi thuyền đã được biến chế để áp dụng vào đời sống hàng ngày. Phương pháp viễn-trắc dùng để theo dõi điều-kiện sức khỏe của các phi-hành-gia khi bay trên quỹ đạo đã được dùng tại các nhà thương lớn ở Hoa-kỳ để giúp cho bác-sĩ có thể ngồi một chỗ mà theo dõi và chẩn bệnh cho hàng trăm bệnh nhân. Các bệnh nhân đau tim đã dùng các bộ phận tỷ hon gắn vào trong người để điều chỉnh nhịp tim cho điều hòa và các tia laser do các kỹ sư không gian cải thiện đã được dùng trong các cuộc giải phẫu tế-nhi và khó khăn.

Ngay cả hợp chất dùng làm lá chắn nhiệt của phi thuyền cũng đã được biến chế để làm các đĩa bát đựng đồ ăn có sức chịu đựng nóng lạnh mà không hề rạn nứt. Mới đây người ta lại còn dự định phóng lên quỹ đạo một tấm gương phản chiếu khổng lồ có thể chiếu sáng cả một vùng rộng lớn trên trái đất hoặc làm chảy những tảng băng làm nghẹt các hải cảng. Người ta đã

tính đến việc dùng tấm gương đó vào chiến cuộc Việt nam để chiếu sáng cả một vùng châu thổ sông Cửu long từ Saigon đến mũi Cà Mau bằng ánh sáng mạnh gấp ba lần ánh sáng mặt trăng khiến cho đối phương không thể lợi dụng bóng tối mà chuyển quân hoặc tổ chức những cuộc tấn công chớp nhoáng.

Biên cương mới

Dưới hình thức này hay hình thức khác cuộc thám hiểm không gian đã ảnh hưởng ít nhiều đến cuộc sống hiện tại. Khoa học không gian đã thúc đẩy đà tiến triển kỹ thuật bằng cách đưa ra những khó khăn và những thử thách mới. Nhưng quan trọng hơn cả, khoa học không gian đã và đang thử thách ngay cả óc tò mò, trí phiêu lưu của con người. Nó đang thách thức con người bước vào một biên cương mới, một biên cương không đánh dấu bằng một mặt trăng, một hành tinh hay một thiên thể mà đánh dấu bằng vết chân của một sinh vật suy tư nhỏ bé đang hăm hở đi tìm đến ý nghĩa và nguồn gốc cuộc sống của mình.

NGỌC - VÂN

SÁCH HAY, MỚI XUẤT BẢN
GIÁ ĐẶC BIỆT (I.C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẢNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

*Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...*

NGUỒN NƯỚC CẠN

Vu-Đoài

... Đưa tay ra túi sau, móc bóp. Hai ngàn. Một tầy rồi. Mồ hôi lấm tấm trên trán. Cái áo thun đã ướt đầm. Tay chân dờ ra. Không muốn cử động nữa. Năm tay rút bài ván khác. Ông quận hỏi :

— Chơi nữa không em ?

— Dạ, bác quận rút cho cháu một cây.

Đặt hai xấp khác trên chiếc mền nhà binh. Ngay trên số mền 54. Cộng lại là 9 Con số vĩ đại, không gì lớn hơn nó. Vậy sao mới vào lại đứt. Ba con xi rồi chẳng biết thua ai. Nước thứ tư đánh hết lảng, rõ mặt rồi còn gì. Tên trưởng chi cảnh sát có cái mặt ù thù lù đó vẫn nhào vô, mua cây đồng hoa cœur. Mua lên có ăn thêm được đồng nào. Mình đã hết lảng rồi còn gì. Bị phản. Thua cây bài nát xương dẻ. Trong bóp còn 4 xấp. Rán lên con. Lại gặp nữa. Mình đã ba con thất ở nước thứ tư. Bên chủ uốn tóc hình hài sang trọng : Già đầm, bồi. Hẳn sẽ mua suốt ? Hay mua ba con. Con 10, con xi đều sáng. Đánh cho có chừng. Đầu óc ngờ ngợ phản một cây nữa. Thôi 500 thôi. Tên chủ uốn tóc cười :

— Còn sáng, mua chứ lì, rẻ mà.

Hắn bung đôi đầm mặt. Mình vẫn ba con thất. Hắn đưa đôi mắt soạn những cây bài chết trên mặt mền, rồi thò tay vào đồng tiền lên cao :

— Bây giờ, ngộ cho B 52 xuất trận hớ !

Hắn rút trong đồng tiền của hắn. 3 tờ giấy năm trăm mới toanh. Hắn cầm một đầu giấy bạc, đập vào bàn tay nghe lạch bạch. Rồi hắn đặt nhẹ vào giữa mền

— Thôi ngàn rưỡi nữa thôi. Cái lầy ít ít à !

Rồi hắn móc túi trên, lấy lược chải tóc.

Thằng nhỏ con ông chủ nhà bưng vào một mâm nhỏ. Trên mâm, sáu ly sâm bằng chén chung nước, vừa mới chưng.

— Ba con nói mời các bác dùng sâm rồi ăn cháo trắng với cải mặn

Thằng nhỏ đi ra. Mình nhìn lại bài chết. Hắn đôi đầm. Chết trên mặt một con đầm. Có thể hắn dẫn con đầm. Cũng có thể dẫn con xi. Đều có lý. Có thể hắn dẫn

con già. Hai đôi. Càng cò lý hơn. Nhịn không được. Mà sao mặt hắn tươi sáng tinh táo thế kia? Hắn ra tiền mà không sợ thua? Nhưng dù thế nào, mình cũng đã ba con thất rồi. Ba lần bảy hai mươi một, cái chắc ăn của xi dách. Soạn vào đồng tiền mình, 7 tờ giấy in hình Nguyễn Huệ và tờ một trăm, Còn dư lại mấy chục lẻ thôi.

Chú ba tàu chủ xưởng cửa ngồi cạnh nói :

— Vua « Quang Tung » hả. « Quang Tung » làm sao chống nổi với quanh tặc cơ không lẽ B 52.

Chú xúi mình bỏ? Mặc. Xấu đi. Ba thất bắt. Tên chủ uốn tóc lật ra. Còn con đầm cháy.

Mệt, mồ hôi lại ra nữa. Đưa khăn tay lau mặt. Bên ngoài yên tĩnh. Đêm khuya lắm rồi. Một đôi có tiếng đại bác cân ra phía ngoài ô.

Canh bạc đã tới hồi máu mủ. Tên trưởng hạt Lâm vợ bỏ ra mười xấp, kêu chủ đòi cho cây đót mới. Tên chủ uốn tóc xếp bạc theo loại. Một trăm, hai trăm, rồi năm trăm. Mỗi loại cao có hơn cả tấc. Tiền bạc bay ra như bướm bướm. Vậy mà tờ vẫn chưa dài mình.

Khói thuốc Salem bay mờ mịt cay mắt.

Bài nylon xóc nghe lẹt rẹt, dòn tan. Con hai xấp chót cũng không cánh mà bay nốt. Đành chịu. Mai tới đơn vị trình diện, rán nuốt bánh mì khô. Sang nhứt là thằng cò bạc, nghèo cháy túi là thằng... đánh xi phé.

— Nghĩ hả em?

— Không, nằm nghĩ một lát, mấy bác cứ tiếp tục.

— Nằm trên bộ phản trặc thật mát. Con ông chủ nhà đem đến một gói Salem, một tô cháo trắng và đĩa cải mặn. Nói với thằng bé. Em để đó chốc nữa anh ăn, mệt quá nằm một đôi.

Vắt tay ngang trán, không ngủ được. Cũng chẳng thèm suy nghĩ cái gì. Canh bạc tiếng nói vẫn đều đều lịch sự. Hai ngàn, năm ngàn, hai đôi, ba con, bỏ, bắt, bắt bỏ, ăn đi, thôi cho ăn, có thiếu đừng có lật lên...

oOo

Chiếc trực thăng đáp xuống phi trường. Tiếng động cơ nổ lùm lùm và chiếc chong chóng to tướng quay mù tít. Bụi đỏ xoáy lên, mù mịt cuộn cuộn vút lên trời. Hưng rút khăn tay che kín mặt. Một đôi chiếc trực thăng như một chú hề làm bộ giận dữ, lại bay thẳng lên và nhắm về hướng núi. Bụi đỏ lần lần tản mát, trả lại cái yên tĩnh phi trường buổi trưa nắng gắt.

Hưng không muốn nghĩ tới những con bài nữa. Y đã chán những thằng già mặt mập, có râu mép, râu cằm. Y đã hết mê nổi những thằng bồi ốm tong, mặt mày có cái gì khờ khạo. Còn những con đầm cái bụng phình ra đau đớn, những con

Xì cô đơn vắng vẻ, không màu mè không tô điểm. Phải rồi, những con bài đã xếp lại, im lìm như một cánh lá mắc-cỏ và bây giờ... cái bóp của y cũng xếp lép như vậy.

Hưng rờ lại túi sau. Bóp vẫn còn nằm đó. Nó không mất đi đâu. Ai thêm lấy cái giấy phép và mấy cái hình bồ bịch của lính làm gì. Chỉ là những mảnh giấy, không dùng để ăn uống chi được.

Hưng sửa lại thế ngồi. Y bỏ hai chân lên băng ghế. Y muốn nằm kềnh xuống đất, ngủ một giấc cho đến khi nào có máy bay đến. Mười mấy người chờ phi cơ quân sự từ sáng đến giờ vẫn còn đông đủ. Từ một ông già, một người vợ lính bỗng con đến một chàng phế binh, Hưng cảm thấy trên nét mặt người nào cũng có đủ can đảm, đủ kiên nhẫn để chờ đợi một sự di chuyển không mất tiền. Lúc đầu người ta còn nói chuyện, còn nở nụ cười. Đến trưa, người ta đói, người ta rút bánh mì trong xác ra nhai. Người ta bó gối, người ta ngược lên trời. Người ta lóng tai. Lại một chiếc máy bay trực thăng hạ xuống, xoáy bụi, rồi bay lên. Chưa có gì. Một chiếc Air Việt Nam mở máy, chở hành khách có vé, lăn bánh xe nhẹ nhàng trên phi đạo. Rồi, trưa quá rồi. Thăng nhỏ ngo ngoe khóc trong vòng tay một người đàn bà chàm. Ông chồng cũng người chàm, mặc đồ lính, quì xuống, đỡ nón trên đầu úp lên mặt đứa bé. Người đàn bà hồ hồ bằng tiếng Việt, giọng lơ lơ:

— Sao lâu quá vậy nề.

— Mấy người kia họ chờ ba bốn hôm mà vẫn chưa đi được kia.

Người đàn bà rung rung đứa bé trên tay :

— Thôi đi về đi ghe cho rồi. Ngheng ?

Người chồng phát bực đứng phắt dậy :

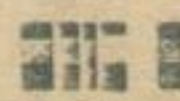
— Về cái gì. Chờ tới chiều. Đi ghe nhồi sống chịu nổi hông ?

Chờ không được mai chờ nữa.

Người đàn bà im lặng, đưa mắt nhìn vào khuôn mặt thằng bé, rồi bạch vú cho vào miệng nó. Hưng quay mặt chỗ khác, người đàn bà chàm còn trẻ và Hưng thì ngái ngái thế nào.

Phi trường ở trên đồi và phía dưới là thành phố. Những mái nhà thu nhỏ, chi chít. Đình nhà thờ cao chọc thẳng lên trời. Con sông ngoằn ngoèo đi vào thành phố. Cạnh bờ biển, từng vườn dừa xanh thẫm. Bức tượng Phật Đài lộ thiên trắng tinh ngồi tĩnh tọa, nhìn ra biển. Khuang cảnh thân yêu của Hưng đó, bây giờ có những người Mỹ thường mang súng đi trong lòng phố. Tụi nhỏ chạy theo náu áo, miệng nói « Bum, bum, năm-bờ-oanh ». Lính Mỹ sẽ móc kẹo ra cho rồi đi theo mấy thằng nhỏ vào trong hàng hẻm. Trong cái thành phố nho nhỏ ấy của Hưng, bây giờ mọc nham nhảm những tấm bảng Laundry xanh đỏ vàng tím, thêm hình thẳng giều lùn tại bụi mặt nậu chỉ-chỗ bằng một ngón tay. Và ở đó

Hưng còn nhìn thấy mấy người lính Mỹ đen say sưa chuệnh-choạch miệng la hô hô ở ngoài đường.  lúc nhỏ, Hưng chạy vào các quán có bọn lính Tây đen ăn uống, chờ lúc chúng say, chúng sẽ liệng bạc các xuống nền. Lượm được thì mừng quá, đi mua hủ tiếu ăn chớ thèm ăn cơm ở nhà làm chi. Còn nhiều những kỷ-niệm của củ a một thời lính Tây. Lớn lên có những hình ảnh của lính Mỹ. Hưng sẽ còn nhớ những đứa con gái bỏ nhà ra đi, rũ nhau ra đi khỏi thành phố. Cha mẹ chờ hoài chẳng thấy con về, chỉ được thư cho hay đang làm công ở Canh Ranh, Nha Trang hay Đà Nẵng...

Hưng co đầu gối, úp mặt trên hai cánh tay. Thành phố nhỏ bé mỗi năm chàng về thăm vài ngày. Nhìn những sự thay đổi lộ liễu, những người bạn ngày xưa lưu lạc đâu hết, những êm đềm ngày xưa như chiếc bọt xà phòng vỡ tan nhanh chóng. Một người tình bỏ đi lấy chồng xa.  Một thằng mang họ Đào, trốn chui trốn nhủi, im thin thít, coi sách rồi ngủ nổi cái mặt mập ù trắng trẻo ra. Trong thật đẹp.

Thành phố của Hưng đó. Trở về một vài ngày rồi bỏ đi. Hưng một phần thấy luyến tiếc, một phần thấy nó thừa thãi mà Hưng chẳng buồn xếp nó vào một xó nào của tâm hồn.

— Ê «càri-bún» tới kia !

Một món ăn thật ngon lành trong cơn đói. Hưng ngóc đầu dậy. Nắng choáng váng đôi mắt, ran rát da mặt chàng nhìn theo ngón tay của ông trưởng ấp chỉ lên trời. Một chiếc caribou đang bay trên cao. Mọi người bước ra khỏi băng ghế, che mắt nhìn lên trời.

— Sao tới phi trường mà còn bay cao thế, ông nội ?

— Nó còn vòng mà. Đừng nói. Để cho nó vòng.

Tiếng động cơ vẫn văng vẳng ở trên cao, nhỏ dần, nhỏ dần như bản nhạc gần dứt.

— Quắc tay đi, cho nó thấy, nó đáp xuống.

— Ê, ê, đáp xuống đi mầy. Bữa nay lối hén. Được, rồi bay luôn đi.

Mọi người lại ngồi vào băng ghế. Gần ba giờ chiều. Nắng không còn đứng trên đỉnh đầu, nhưng cái hanh càng dữ dội. Chiếc xe Jeep mui trần chở mấy người lính Mỹ từ trong trại đi ra. Mỗi người cầm một cái súng, ngã người vào nhau cười giòn. Mọi người nhìn theo, nhìn cho đỡ chán cái cảnh vắng ngắt, hiu hắt của phi trường tỉnh lẻ. Một người thanh niên mặc đồ ka ki vàng lên tiếng giễu-cợt :

— Mấy anh coi vậy mà lã-lúa lắm mầy ông ơi. Mấy anh tắm chỗ nào vắng vắng người là cởi truồng ra, rồi ôm nhau chạy giòn nữa chứ. Nhiều anh giống như khùng.

Câu nói không có người phụ hoạ. Ông trưởng ấp bắt sang vấn đề chờ tàu.

— Tui chờ ba hôm nay rồi nghe. Lương mình một ngày chánh phủ đài thọ một trăm. Chờ ba hôm, cứ mỗi ngày lên xuống hai lần, ngồi hít bụi, cũng mất gần cả trăm bạc. Cứ xách va li đi về mãi, vào trong xóm tui muốn chui xuống đất cho bà con khỏi thấy. Chớ cái gì đâu, đi Saigon mà sáng đi chiều về, làm quá như mấy ông bự đi công tác.

Ông ta khoái chí, hả hợng cười. Rồi ông hí hửng :

— Tức quá, chiều hôm qua xuống đón ghe đi cho... ẹ. Giấy phép cấp một tuần lễ, mà mất hết ba bốn ngày trời rồi. Đó rồi tui nằm trên ghe ra lối cách bờ chừng hai cây số thì nó bị hư «quy lát» gì đó. Sửa mãi không xong, phải bắt ghe nhô vô bờ trở lại. Mình muốn nằm ngoài khơi cho mát mà thiên hạ cũng hất hủi mình vào bờ mà. Trên trời đi hồng được, dưới biển đi hồng được. Còn cái con đường trên trái đất thì mấy ông trong rừng giành đi một mình. Ha, ha, thôi như vậy là mình đành thúc-thủ-hạ-bì, đó là mình nói theo cái giọng của Tam quốc diễn nghĩa thôi. Chớ còn nói theo cái giọng của « Khổng Minh Gia Cát Lượng » đó thì mọi việc đều êm xuôi hết.

Một chiếc trực thăng nữa lại hạ cánh. Bụi đỏ bốc lên. Chiếc chong chóng quay mù tít trên thân tàu, xoáy bụi tứ tung. Tiếng máy rít nặng nề dữ tợn.

Hưng đứng dậy lấy khăn ra bịt mũi, miệng, tay cầm xắc, chào bà bà cụ ngồi cạnh :

— Mời bà vào quán uống nước, máy bay quân sự mà chờ biết bao giờ.

Bà cụ khoát tay nói cảm ơn, rồi chỉ vào chiếc giỏ đan bằng nylon của mình, vui vẻ.

— Có chai nước trà bà đem theo đây cháu. Cháu khát nước thì lấy uống.

— Thừa cháu vào quán sẵn mua vài điều thuốc.

Một vài điều thuốc bây giờ sẽ ngon, hay bất cứ món ăn nào. Lúc hết tiền, cái gì đối với Hưng cũng thành đối tượng đề khao khát, đề ước mơ, đề cằn cào bao tử.

Vào quán, Hưng rút tấm vé số trong bóp ra nâng niu. Hưng đang nhìn một vị thần tài hay đang cầm trong tay thần chiến tranh. Đang cầm một túi bạc khổng lồ hay tờ giấy in vô-nghĩa. Có thể... Hưng hy vọng nhiều. Niềm hy vọng trưởng thành khôn lớn một cách lý tưởng khi số tiền trong bóp đã nướng sạch vào canh phé.

Chủ quán là một anh binh nhì, đang lui cui cầm con dao răng cưa chặt một khúc nước đá. Trên chiếc bàn vuông đóng bằng gỗ thùng, lế tề mấy chai cam vàng, xá xị và một hai chai bia con cộp. Cái hình vẽ con cộp trên mặt chai đang đưa mắt nhìn y. Nhìn thân mật và quyến rũ. Nhìn êm ái mà mời gọi. Mắt cộp tròn, to,

râu mép chìa thẳng ra trông thật là khêu gợi, Hưng quay mặt nhìn ra ngoài. Nắng chang chói trên bãi cát đỏ. Năm sáu người lính đang dờn những vỏ đạn đại bác.. Trong nắng trắng, ánh mắt, mặt cọp nhìn chàng, cười âu yếm. Hưng quệt tay chùi mồ hôi trán, nói với anh chủ quán :

— Anh làm cho tôi một ly đá lạnh.

Người lính chủ quán nhìn chàng :

— Đá bây giờ mắc lắm anh Hai. Ở dưới phố Mỹ nó mua hết, người Việt mình mua nó không muốn bán. Anh muốn ly mấy đồng ?

Hưng hết cảm thấy ngượng :

— Ông bỏ đá ít. Đổ nước nhiều cho tui. Trời nắng uống nước ngọt càng khác nước.

Hưng lại liếc nhìn mấy chai bia. Hình con cọp và vàng vẫn cười tươi một cách kiên nhẫn. Hưng đưa ngón tay vẽ ngoằn ngoèo trên mặt bàn. Trong sân phi trường, trực thăng đi đi về về, nghe muốn nhức óc.

Hưng cầm ly đá lạnh uống một hơi. Con cọp vàng nhìn Hưng. Y đề ly lên bàn, bước ra cửa. In là con cọp nhìn theo Hưng, cười một cách duyên dáng, trẻ trung, Hưng hướng mắt ra ngoài biển. Nhút định không nhìn lại con cọp và mấy trái thơm vàng vắt-vẻo quanh chiếc đầu của nó.

Có gần năm giờ chiều. Hưng chào người lính chủ quán rồi bước lại mái tôn chờ đợi. Ai cũng mỏi mệt, chán nản, mặt mày nám đỏ như đi ngoài nắng gắt.

Người ta thất vọng, ngó dáo dác chờ xe quá giang xuống phố.

Bỗng một chiếc phi cơ màu đen xuất hiện. Mọi người thở một hơi dài chờ đợi. Bà cụ hỏi người thanh niên :

— Cậu tỏ mắt coi thử nó có quanh không cậu ?

Người thanh niên nhảy dựng như trẻ nít :

— Chắc phải rồi bà cụ. Tin giờ chót. Nó đó.

Chiếc caribou nghiêng cánh, hạ thấp rồi đáp xuống chạy lệch bệch trên sân. Mọi người cầm xác, va li, chạy vào ngõ phi trường. Viên cảnh sát đưa tay chặn lại :

— Khoan, bà con khoan. Chờ ông trung sĩ hỏi tụi nó bay đi đâu ?

Viên trung sĩ phòng tư của Tiểu khu đang nói chuyện với mấy phi công Mỹ dưới đuôi phi cơ. Hưng nhìn sân phi trường. Nó rộng rãi quá bất giác Hưng cảm thấy buồn buồn vô lý. Đi cũng được. Về cũng được. Trình diện đơn vị cũng cảm thấy buồn buồn như thế.

Hưng bợ tay dưới dít xắc, cặp vào nách. Mặt xắc có vẽ ba chữ Air France. Hưng tự nhủ: Mình sắp sửa qua Tây thăm De Gaulle đây. Sang như điên.

Ở đằng xa, viên trung sĩ giơ tay quắc vào. Mọi người ùn chạy, hí hửng. Người ta chực nhào vào dít phi cơ. Viên trung sĩ đứng trước mặt mọi người, đưa hai tay lên, nói:

— Chỗ phi cơ có hạn. Bà con đừng chen lấn, tụi nó không chịu cho vào đấy. Bây giờ lính vào trước dân sự vào sau.

Vợ chồng người lính Chăm bỗng đưa bé bước lên thang vào thẳng, ngồi gần đầu máy. Tới viên thiếu úy pháo binh và vợ con người lính khác lần lượt bước lên thang.

Hưng bước tới chiếc thang. Viên trung sĩ chặn lại:

— Anh là lính hả. Tên gì?

— Tui lính. Binh nhì Nguyễn văn Hưng, sư đoàn I bộ binh.

Viên trung sĩ cầm viết ngoạch trên bảng danh sách:

— Rồi. Anh bước vô đi!

Hưng ngồi vào chỗ, nhìn mọi người lần lượt bước vào chỗ ngồi. Một người người con gái đặt chiếc va-ly nhỏ xuống sân phi cơ, ngồi cạnh Hưng, mắt ngó quanh trong thân tàu. Hưng nhìn cô gái, ngạc nhiên. Hưng bẻ đốt ngón tay. Cái cử động vô ích đó. Hưng không hiểu mình sẽ dùng nó để làm gì.

Nơi đuôi tàu, chỉ còn một mình viên trung sĩ đang chĩa tay từ già viên phi hành Mỹ. Chiếc thang được rút vô lòng tàu và tiếng máy bắt đầu nổ lầm rầm. Hưng xoay mình nhìn qua cửa kính. Chiếc chong chóng quay tít, bụi tung mù mit. Tiếng máy đổi giọng, to lớn hơn, dữ dằn hơn. Nó rống lên như con vật khổng lồ bị thương đang hồi lăn lộn Hưng thấy lưng bùng hai lỗ tai.

Chiếc phi cơ chạy mút đường thì bay nhắc mình khỏi mặt đất. Hơi lạnh trong phi cơ làm Hưng dễ chịu. Ý nhìn sang người con gái ngồi cạnh. Một nửa khuôn mặt có nước da trắng mịn. Nàng mặc chiếc áo thun màu xanh dương tay dài, chiếc quần tây màu lam bó sát lấy mình. Tay chẳng có đeo vòng vàng chi. Một người con gái xa lạ trong thành phố quen thuộc của Hưng. Kề cũng thú Hưng làm quen:

— Xin lỗi cô, cô cũng vào Saigon?

Người con gái quay mặt về phía Hưng, nhìn Hưng rồi im lặng. Hưng nhắc lại câu hỏi:

— Xin lỗi, cô vào Saigon?

Người con gái gật đầu.

— Dạ vâng. Tôi vào Saigon.

— Ban sáng tới chiều ngồi chờ phi cơ, tôi chẳng thấy cô đâu cả?

— Tôi ngồi chờ trong phòng truyền tin với người trung sĩ phòng tư ban này.

— Chắc là người quen của cô?

— Không phải, chồng của chị tôi.

Người con gái đưa hai tay đan vào nhau rồi đặt lên đùi. Một chốc, hai người không biết nói chuyện gì. Họ cùng yên lặng và cùng ngồi ngay ngắn trên chỗ ngồi của mình. Những thằng già mập, có râu mép, râu cằm, những thằng xì cô đơn, những sáu ngàn gấp toàn bài phản thứ năm. Những lần đi kích, nằm nhìn trăng trên đèo Rù Rì, những cái hít đất một lên, hai lên, ba lên,... cáicảnh lũ chần trâu xúm lại nhìn mấy người Mỹ dỡ trò heo ụt với một người đàn bà trên đồng cát... một chén sâm, một tô cháo trắng, vân vân và vân vân. Hưng chua xót sờ tay túi quần sau. Chiếc bóp không phải thần thánh gì mà dày cộm lên được. Chứ sao? Ngày mai? Ngày mốt? Hưng lại cầm súng, lại gác, lại kích đêm, lại hành quân, lại đưa tay lên trán chào cấp chỉ huy. Lại bắn, lại giết. Lại thấy địch gục xuống.

Người con gái xoay mình, nhìn qua cửa.

Nàng chỉ tay trên mặt kính:

— Đây anh, anh nhìn phía dưới xem.

Hưng gật gù:

— Ở mây bay, cuồn cuồn, dày đặc. Giống như tuyết bên Tây ấy cô.

Người con gái ngồi ngay lại, liếc thoăn:

— Anh đi Tây rồi hả?

— Gần đi rồi cô. Vài bữa nhờ trời mà tôi được làm vua, tôi qua Tàu nữa là khác, cần gì phải qua Tây.

Người con gái nhìn bộ đồ lính trơn của Hưng vui vẻ hỏi:

— Anh làm ở đâu vậy?

— Làm lính. Ở Long Khánh, Xin lỗi, cô thích nhận thư lính không? Tôi rất mong được hân hạnh gửi thư cho cô.

Người con gái mỉm cười, đôi mắt tròn, trong xanh chớp nhanh:

— Em đâu có địa chỉ.

Hưng vui mừng vì người đẹp vừa xưng em.

Hưng thấy lòng mình tươi mát, ấm cúng, mấy người Mỹ đi lại trong tàu người nào cũng đẹp, cũng đáng thân mến như bè bạn.

Hưng lại bóp mấy ngón tay, hỏi :

— Vậy cô vào Saigon rồi ở đâu ?

— Em không có địa chỉ. Chốc nữa xuống tàu, em sẽ nói.

Hưng lại đánh bạo, làm bộ ngập ngừng :

— Xin lỗi em tên gì ?

— Em tên Thoa. Mỹ-Thoa.

— Tên em đẹp.

— Người con gái được dịp làm nũng :

— Còn anh tên chi ?

— Tên Hưng.

— Anh người Tàu sao mà đặt tên đó ?

— Không biết, Ba má anh lưu lạc bên Quảng Đông. Anh làm con nuôi. Mang họ Nguyễn.

— Anh đi lính được bao lâu ?

— Ba năm. Hành quân trên mười lần. Giết vài tên giặc. Lần vừa rồi đánh cận chiến. Giết được một cây mã-tấu.

Mỹ Thoa cười :

— Mới quen anh mà em thấy vui vui. Em đâu có bảo anh khai rõ ràng như thế.

— Ừ, thành tích hoạt động của nghề lính đấy chứ. Lính dăng mà lại. Chờ lên hàng tá, tướng, thấy lâu quá Thoa ! Anh có mộng đi Tây, đi Mỹ. Lợi sinh, đi rừng mãi, muỗi hút hết máu.

— Vậy anh muốn đào ngũ hả ?

— Thoa nuôi anh nòi không ?

— Nuôi anh, rồi anh ở đâu ?

— Anh ở với Thoa.

Mỹ-Thoa lắc đầu :

— Không được. Thoa có muốn cũng không được.

— Tại sao vậy Thoa ?

Mỹ-Thoa không nói, nàng nhìn chiếc cánh đang nhả bánh xe ra. Thân tàu hạ thấp từng chập. Rồi ào một cái, bánh xe lăn trên mặt nhựa làm thân tàu hơi rung rinh.

Hưng đưa tay mở dây buộc ngang bụng người con gái. Mỹ-Thoa đặt bàn tay mát rượi trên bàn tay Hưng, nói :

— Cám ơn anh. Được, anh để cho em.

Mỹ-Thoa vói tay cầm quai xách của Hưng :

— Xắc này của anh ?

— Ừ sao ?

— Em cầm cho. Anh cầm giùm cái rương nhỏ của em. Nó hơi nặng.

Chiếc tàu ngừng hẳn. Tiếng máy rú lên rồi tắt ngấm. Mọi người bước xuống thang đi bộ ra khỏi sân bay.

Mỹ-Thoa đánh trên tay Hưng :

— Mình tìm xe Lam ra cổng đi anh.

Ra khỏi cổng Phi-Long, hai người đặt hành lý bên gốc trụ đèn, đứng chờ xe, Nắng buổi chiều nhợt-nhật, rû vàng trên các lùm cây, con lộ. Từ trong phi trường, xe Mỹ, người Mỹ đổ ra như nước chảy. Trông cảnh nhộn-nhip như ngày hội lớn. Xe Honda, Vespa xanh lượn qua lượn lại để rước những người Mỹ đi bộ.

Hưng nhìn người con gái :

— Cũng tối rồi. Mình đi mượn phòng tạm trú một đêm.

Mỹ-Thoa lắc đầu :

— Thôi anh. Không được. Để em về nhà.

— Nhà em ở đâu, anh đưa về ?

— Không được đâu anh, anh không thể đến nhà em được.

Giọng Hưng bỗng trở nên cảm động :

— Anh hứa danh dự với Thoa. Anh không làm hại Thoa điều gì, Anh muốn nhìn mặt Thoa lâu hơn nữa. Mình sẽ thức suốt đêm nói chuyện. Anh hứa với Thoa thật tình. Bây giờ Thoa về nhà, anh sẽ nhớ lắm. Anh không hiểu vì sao.

oOo

Hai người bước vào một hiệu khách sạn ở đường Phan-thanh-Giản.

Viên thư ký ngồi viết trên cuốn sổ to, bla đen. Hắn chìa tay bắt tay Hưng :

— Anh mượn phòng ?

— Còn phòng giá vừa cho lính ?

— Nói thiệt ông anh hén, ở đây người ta mượn hết. Chỉ còn một phòng ở lầu hai.

— Bao nhiêu.

— Dạ năm trăm.

Hưng cúi xuống bên bàn người thư ký, tháo chiếc đồng hồ đeo tay đặt trước mặt hân :

— Anh có sẵn mua giùm tôi. Telda, có ngày. Hồi tôi mua hai ngàn rưỡi. Bây giờ tôi chỉ cần đủ trả tiền phòng và xài vặt tối nay thôi.

Viên thư ký nhìn chiếc đồng hồ, cầm nó đề lên tai, rồi nói :

— Tôi cũng giúp anh hén. Ông anh đóng tiền phòng năm trăm và lấy ba trăm xài tạm. Cũng như tôi giữ giùm anh. Lúc nào anh muốn chuộc cũng được. Anh em mà.

Hưng rới rít cảm ơn người thư ký. Hân ghi tên Hưng vào sổ rồi bước lên lầu chỉ phòng cho hai người, Telda, Telda, hai mươi bốn giờ nhích qua một ngày. Coi nó như đã bán. Như đã nướng trọn vào canh phé. Hưng ơi ! Hưng ơi ! Rán mà gìn giữ một tình yêu trong những ngày tháng lính.

Người thư ký giao chìa khóa cho Hưng rồi đi ra.

Mỹ-Thoa ngồi xuống ghế. Khuôn mặt nàng vẫn không vui. Hưng hỏi :

— Em muốn về nhà ngay bây giờ ?

— Không anh, Em muốn ở với anh. Nhưng...

— Thế nào Thoa ? Dầu thế nào anh cũng không quên em được.

Bỗng dưng, người con gái rưng rưng nước mắt :

— Em biết điều đó, Em cũng biết lòng em. Bởi vậy em không muốn mình kéo dài giờ phút gần gũi nhau.

Hưng nâng bàn tay người con gái, đặt lên môi:

— Sao thế Thoa ? nhìn khuôn mặt Thoa, anh thấy ngập tràn hạnh phúc. Nhìn đôi mắt em, anh thấy chim bồ câu bay về, lòng bình-bình tuổi thơ và trái ngọt...

Mỹ-Thoa úp mặt vào tay Hưng. Tiếng khóc vẫn nghe nhỏ, nhưng rung rức, ngẹn ngào :

— Nhưng, anh Hưng... Em đã làm vợ một người Mỹ. Em không còn xứng đáng để làm người yêu của anh.

Nói xong, nàng đứng phắt dậy, chụp lấy chiếc va ly nhỏ, chạy xuống lầu. Hưng chạy theo kêu :

— Em Thoa, em Thoa !

Hưng theo Thoa xuống cuối bậc thang, ra đường cái.

Hưng nhìn quanh quần chúng thấy Thoa đâu. Một chiếc xe cộ chạy phăng phăng, chóng mặt. Hưng vò chiếc mũ nời nhét vào túi quần, dựa lưng vào bức vách. Chàng thấy nhà cửa xoay vòng tròn, đèn phố thành biển lửa và người ta thì đang nắm tay nhau reo hò những lời ca quái dị...

VU-ĐOÀI

TIN BUỒN

Được tin trẻ thân-phụ nhà văn VÕ-HỒNG từ trần tại Nha-Trang, chúng tôi chân thành chia buồn cùng văn-hữu VÕ-HỒNG và cầu nguyện cho hương linh Cụ siêu sinh Cực Lạc.

LÊ NGỘ CHÂU Ban biên tập BACH KHOA
Nhà xuất bản LÁ BỐI

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Hôn nhân dị chủng

(Xin xem BK.TĐ. từ số 215)

Lý-do chống-đối hôn nhân dị chủng của cha mẹ

Tôi khổ tâm từ bốn hôm rồi và ăn ngủ không được. Nỗi buồn sâu tận tim óc làm cho tôi lắm khi khóc mùi mẫn như một kẻ bất hạnh nhất trong đời, đến nỗi mấy bà phước và mấy cô điều dưỡng phải an ủi vỗ về tôi tận tình như dỗ một đứa trẻ sắp mất mẹ.

Bạn biết không ? Một bệnh nhân nằm chung phòng với tôi đang hấp hối. Cảnh cô đơn của bà làm cho tôi nghĩ đến việc tôi vừa thoát chết, khỏi bỏ lại một bầy con cô, nghĩ đến bao nhiêu người một sớm một chiều bị chiến tranh cướp mất bạn đời, mất cả mẹ cha, con cái, nghĩ đến bao nhiêu trẻ thơ cô cút, lạc loài, đang bị thúc vী trong cảnh dầu sôi lửa bỏng.

Từ hôm tôi vào nhà thương đến nay đã hơn hai tháng. Hằng ngày tôi trò chuyện với bệnh nhân về các chứng bệnh và cái đau của thể xác. Mỗi người đau một thứ. Người ta rên rỉ, nhăn nhó, vật vã và chống lại với tử thần từ giây phút. Rồi đã đánh người ta nhờ khoa học và thuốc men mà lành bệnh, nhưng cái ý nghĩ "muốn sống", theo bác sĩ, là một nguồn sinh lực quan trọng, đã giúp cho bệnh nhân chịu đựng được đau đớn và cứu họ thoát chết như trường hợp của tôi chẳng hạn. Và cái đau đớn ghê gớm của thể xác đó chưa làm cho ai khóc cả. Vậy mà hoàn cảnh của bà Y., nằm cạnh bên tôi, đã làm cho tôi khóc từng chập trong bốn ngày liền với tất cả nghiến ngấm đắng cay, xa xôi về tình người và cuộc sống.

Bà Y. 85 tuổi, người Pháp, đã bị rơi từ tầng lầu thứ hai xuống đất trong lúc bà lụm cụm chống gậy xuống thang đi mua thức ăn và thuốc uống. Bà bị lợi cả

hai chân, gãy xương sống và bị rách đứt lìa xương thịt một đường to dài nửa lưng trở xuống, đến đổi mỗi lần điều dưỡng băng bó cho bà, tôi nhìn thấy cả ruột gan của bà bên trong thoi thóp ươn ướt máu.

Mọi người đều lo bà không thoát chết và có lẽ chính bà cũng tự thấy như vậy.

Vào đây đã hơn tháng, mỗi ngày bà Y. chỉ mở mắt năm ba lần trong khoảnh khắc ngắn, vừa đủ gọi cho tôi vài nụ cười hồn nhiên không ý nghĩa của một trẻ thơ chưa biết nói, rồi lại nhắm nhủ thiếp đi trong giấc mê. Nhưng mỗi lần bà tỉnh lại — khi thuốc mê bớt hiệu lực — thì câu nói đầu tiên của bà là hỏi thăm xem coi có con cháu của bà đến thăm bà không ?

Ai cũng bảo là có, họ đến trong lúc bà mê, để an ủi bà, chớ sự thật, tôi ở, cùng phòng với bà tôi chưa hề thấy mặt con cháu bà lần nào cả.

Vào khoảng 2 giờ khuya đêm nọ, tôi giật mình bởi có tiếng người xôn xao. Dưới ngọn đèn canh đêm, tôi nhận ra mấy cô điều dưỡng và một cặp vợ chồng dị chủng trẻ tuổi, chồng Âu vợ Việt, cả hai đều có vẻ khỏe mạnh và ăn mặc đẹp đẽ. Họ đứng dưới chõm giường nhìn bà Y. độ mười phút rồi về. Sáng ra, tôi được biết qua mấy cô điều dưỡng — vì người ta sợ bà Y. chết trong đêm đó nên gọi điện thoại cho dâu con bà hay để họ liệu định về cái xác của bà !

Vì bà Y. đau mà tỉnh cớ tôi được tiếp chuyện với bà L., người Việt, sui gia của bà Y., vào thăm bà Y. sau đêm lo lắng buồn thảm đó.

Chưa quen biết mà thấy mặt tôi lưng trong, bà L. khuyên :

— Hơi đâu khóc chuyện người ta cho mệt vậy bà. Ruột rà của họ mà bà coi họ vắng hoe, ráo hoảnh có rộn ràng khóc lóc chi đâu.

— Tôi chịu không nổi mỗi khi thấy bà Y. vật vã, hấp hối kêu tên con cháu trong lúc mê và khóc một mình khi tỉnh lại. Ở đây bệnh nhân được thân quyến vào thăm mỗi ngày hai lần, nhưng họ cần tình thương hơn hoa quả và quà bánh. Bà Y. vò vò một mình không được một chút an ủi nào trong tinh thần giúp bà chịu đựng đau đớn, vượt được nguy hiểm, hay ấm lòng trước khi bị tử thần rút lìa khỏi cuộc sống.

— Cái thân đã cô độc, cực khổ mới xảy ra tai nạn như vậy, thì lúc sắp chết, tinh thần và tim hồn là cái quái gì bà ơi ! Chắc bà cũng thấy bà Y. đang mặc cái áo của nhà thương thí cho đó chớ ? Còn gì nữa đâu ? ! Xác tàn của những người mẹ già nua không dùng được việc gì nữa cả nếu không bỏ họ vào nhà thương bay nhà dưỡng lão. Những người có gia tài để lại cho con cháu và có của hộ thân thì dưỡng già được êm ấm thôi. Ở đây vấn đề phụng dưỡng rất hiếm. Tôi chống lại việc con tôi lấy chồng Âu cũng tại cái cách cư xử vô hậu đó.

— Xin lỗi bà, còn dâu của bà Y., con gái của bà không làm cách nào được sao ?

— Làm gì bây giờ ? Mẹ ruột mà chồng nó còn đối đãi như vậy thì vợ và mẹ cũng không nặng là mấy. Lỡ rồi bà ơi, con tôi chắc cũng không ở đời với chồng nó đâu. Vì không ai chịu nổi ai cả. Mà tôi, cũng đã liệu thân tôi rồi. Từ ngày con tôi lấy chồng đến nay, tôi chưa được rỗi tôi mời ăn một bữa cơm nào hết.

— Thật vậy sao bà ?

— Thưa thật chứ. Bà không nghe có một hãng buôn bên này làm quảng cáo bằng cách thưởng một trăm ngàn quan cũ cho chàng rể nào có hình mẹ vợ trong túi sao ? Không trách nhiệm với cha mẹ đã thành thói quen của phần đông người bản xứ, mà bên này chàng rể ghét mẹ vợ không khác bên mình nàng dâu kỵ mẹ chồng. Nhiều lần tôi đến thăm con cháu gặp bữa cơm, rỗi tôi ngồi vào bàn xin lỗi tôi rồi ăn uống tự nhiên với vợ con mà chẳng mời tôi bao giờ.

— Vậy con của ba xử sao ?

— Chúng nó có một bầy con. Hoà khí gia đình là trọng. Ở xứ người ta lại sống nhờ chồng, nói sao bây giờ ! Vả lại con tôi nó đã thấy cảnh mẹ chồng nó đó thì tôi mà nghĩa lý gì ? Đã vậy mà mỗi khi con tôi đau ốm thì tôi phải đi chợ, nấu ăn, xách đồ dơ của cả nhà nó đem về giặt ủi và khi vợ chồng nó đi chơi thì chúng đem con đến gởi cho tôi giữ !

— Nhưng nếu con bà được hạnh phúc với chồng thì bà cho là quý rồi chứ ?

— Khó nói quá ! Tình cảm người mình không giống tình cảm người Âu châu đâu. Hạnh phúc hả bà ! Tôi có cảm giác cuộc đời con tôi như chùm gởi, đeo tòn ten và sống bám víu vào một cây khác được ngày nào hay ngày nấy. Cũng vì vậy mà tôi cứ mãi nùm níu ở đây đề đỡ dần nó khi gặp nghịch cảnh. Vì tôi có một mẹ một con, tôi về Việt Nam thì con tôi bơ vơ mà tôi cũng cô độc. Mẹ con tôi cũng muốn gần gũi nhau, con tôi tha thiết điều đó vì có ai thương lo cho con cháu cho bằng mẹ bằng bà. Nhưng rỗi tôi không chịu. Nó không muốn con nó sống và ăn nói theo người Việt. Nó muốn đeo đai một người nào khác ngoài vợ con nó, dầu người ấy là mẹ nó. Ai lo thân nấy đã thành thói quen ở đây rồi.

— Khi chưa cưới vợ chắc rỗi bà không khó như vậy phải không bà ?

— Dĩ nhiên, nếu có, ai mà thêm ưng nó. Lúc đó rỗi tôi chiều chuộng, cưng vợ và quý mẹ vợ lắm. Nó ước rằng tôi sẽ sống suốt đời với vợ chồng nó. Không có vậy mẹ con tôi qua đây làm gì cho khổ thân. Nhưng vợ chồng dị chủng mà đầm ấm được hơn mười năm tưởng cũng là nhiều lắm rồi bà. Bây giờ mẹ con tôi muốn về Việt Nam thì đã muộn. Một bầy cháu, tiền đâu mà về ? Vả con xa cha cũng khổ. Đánh đề đến đâu hay đó, Phải mẹ con tôi ở Việt Nam có lẽ không đến đời nào.

— Tại sao vậy bà ? Nếu ở Việt Nam mà hết thương nhau thì cũng đi đến cảnh đó. Vả lại vợ chồng đồng chủng cũng ly dị với nhau vậy.

— Ít lắm bà. Đàn ông mình bẽ bối nhưng rồi cũng về với gia đình. Đàn bà mình dầu có chết chồng, thôi chồng thì tái giá hầu hết vẫn thường xem cái đích

đùm bọc con là trọng. Đẳng này không vậy. Khi thương thì bắt kể mẹ cha, lẽ phải, tuổi tác, xóm làng, hôn hít, quàng ôm cùng đường mà khi hết thương thì không bận bịu tình nghĩa chi hết. Không giết chóc nhau thì cũng ly dị cái một. Con cái không thành vấn đề. Một đời cưới vợ lấy chồng mấy lần cũng chuyện thường. Một bảy con mà mấy cha mấy mẹ cũng mặc. Bây giờ mẹ con tôi như sắp bị hột chơn đó bà. Về xứ không phải dễ mà ở đất người thì làm gì để sống; không thân thuộc thì bám víu vào đâu?

— Lấy người dị chủng, như bà thấy, thường hay gặp những khó khăn, những nỗi khổ mà sợ chồng đồng chủng đâu có ly dị nhau cũng không vấp phải. Xin lỗi bà, vậy mà trước khi lập gia đình, con gái bà không có nghĩ đến điều có thể xảy ra như ngày nay sao?

— Thừa không bà. Nó cãi tôi, bây giờ nó mới thấy thì đã muộn. Khi lấy chồng con tôi cậy vào màu da nòi giống của chồng mà hãnh diện với bạn bè bao nhiêu thì bây giờ, cũng vì chỗ khác biệt nòi giống đó mà nó bị đay nghiến bấy nhiêu. Trước khi cưới nhau, người ta có bao nhiêu lời hay lẽ đẹp thì khi hết thương nhau, những lời cay đắng nó cũng tể nhị hay ho chừng đó. Đẳng cay hơn cái cảnh đàn bà mình lấy người Trung-hoa đề rồi « nó về xứ nó bỏ mình bơ vơ ». Cưới vợ Việt-Nam, người Trung-hoa thường cầm như kiểm người đề con giữ của cho mình, tin cậy được mà khỏi trả công. Vợ hiệp sức với họ lập nghiệp rồi thỉnh thoảng mấy ông gọi từ đứa con, từ mớ của về Tàu. Bà vợ chánh cống bên Tàu cứ thâu con thâu của mãi đến khi nào đức chồng chán xứ Việt-Nam hay rút hầu bao rồi mấy ông quát ngựa chuối luôn. Nhưng dầu sao, trong cảnh đó, mình cũng vẫn ở trên đất nước mình chớ không bị lạc loài cô đơn như vậy. Con cái được cha chúng đem về Tàu trông nom gầy dựng chớ không bị bỏ bê như tôi thường thấy ở đây.

— Người Âu quá dễ dàng trong việc cưới hỏi và ly dị là bởi họ thường nghĩ đến hưởng thụ và chỉ sống cho bản thân mình mà không nghĩ đến hy sinh và sống phần nào cho những người thân của họ, bà chống đối cùng phải. Nhưng theo tôi, quan niệm lập gia đình của người Âu là lấy nhau vì tình chớ không tính toán sâu xa như người Trung hoa vậy.

— Nhưng Á hay Âu gì rồi không sớm thì chầy cũng đi đến bỏ bê hay ly dị nhau. Chịu cực khổ với nhau, thương yêu chiều chuộng nhau bao nhiêu rồi cũng gặp cảnh con tôi và nhiều người khác. Rất hiếm người ở với nhau được hạnh phúc đến đầu bạc răng long.

— Điều đó dĩ nhiên, không lỗi ở ai cả. Bà xem, hai giống dân ở cách nhau hai phương trời dị vợi, đã khác hẳn nhau về hình thức, ngôn ngữ, họ lại mang hai truyền thống giáo dục khác biệt nhau, nó chỉ phối tình cảm và cả quan niệm sống thì làm sao họ cùng đi được với nhau suốt quãng đường đời mà không bị va chạm, đồ vỡ? Bằng có là tuy cũng vợ chồng dị chủng nhưng người Việt, Miên, Trung-hoa vẫn thường chịu cực khổ lập nghiệp và ăn ở với nhau được lâu dài không khác vợ chồng dị chủng phương Tây như Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Hoà-lan vv..., là bởi nòi giống và truyền thống giáo dục của họ gần giống nhau.

— Tôi cũng đề ý điều đó nữa bà. Người Âu châu xem tình nặng hơn nghĩa mà thiếu nữ Việt có Âu học thời này lấy chồng Âu Mỹ phần đông đều nghĩ đến hưởng thụ trước nhất. Nào là tiện nghi đầy đủ, thân xác sung sướng, hoang phí tự do, thì tương lai của một đôi vợ chồng dĩ chừng quan niệm hạnh phúc kiểu đó, tất nhiên chỉ là một khoảng trống, không gốc rễ và không hoa quả.

Con gái tôi trước kia cũng chỉ nghĩ đến hưởng thụ và tự do. Nhưng từ ngày sang đây, nó nghe lời tôi mà chịu cực khổ với chồng và lo cho gia đình rất mực, nhưng vợ chồng nó lại không đầm ấm như hồi còn ở Việt-Nam. Chồng nó với tôi lạt nhách như mía lau, mà con tôi vào trong thân quyến bậu bè bên chồng nó thì cũng chẳng mặn mà chút nào; lạt loài khó ở quá bà ơi.

— Lại cũng thuộc về nòi giống nữa, như trường hợp của nhiều người. Trước mắt những người chồng dĩ chừng, người vợ Á-đông không còn là những thiếu nữ, thiếu phụ yêu kiều, khả ái giữa bạn bè đồng chủng trên đất nước họ nữa. Những nàng tiên có chiếc đũa thần đức hạnh, không thể giữ nổi chồng mình với xuân sắc đi lần đến tàn héo và thân xác già nua bệnh hoạn trước phụ nữ đồng chủng xinh đẹp và đầy sinh lực của chồng nữa.

— Trước kia, tôi khuyên dứt mà con tôi không nghe tôi. Thật vậy thưa bà. Nếu ngày nào con tôi có thôi chồng thì dầu tôi không chống đối dữ dội như trước kia, chắc nó cũng sợ mà không lấy chồng dĩ chừng lần nữa đâu. Nó đã thấy cảnh buồn thảm của nhiều vợ chồng dĩ chừng quá rồi. Mới đây, người bạn gái của nó cũng bị chồng ruồng bỏ sau gần 20 năm đầm ấm. Người vợ không lỗi gì, bỗng nhiên bị chồng chán ghét và xin ly dị. Y mới trở về Pháp độ vài năm nay, hiện đang say mê giao thiệp mật thiết với đàn bà đồng chủng.

— Phụ nữ Việt lấy chồng Âu thường được hạnh phúc hơn thanh niên Việt lấy vợ Âu, vậy mà tôi cũng thấy như bà. Gần đây một sự kiện quan trọng xảy ra tại Pháp mà nhiều người cũng có nghe biết là có một số đông vợ chồng dĩ chừng đã cưới nhau cách đây hơn 20 năm, trong thời kỳ quân đội viễn chinh thực dân Pháp đóng đô trên lãnh thổ Việt-Nam. Hiện họ đang sống tập trung ở một vùng ngoại ô nọ. Những người vợ Việt ấy có rất đông con và đang khổ sở vì tình trạng bất hòa trong gia đình; họ đang bị chồng bỏ bê hoặc ly dị.

— Tôi cũng có nghe việc đó. Tôi đang khổ vì cảnh của con tôi mà thấy họ còn bê bối hơn mình trăm phần. Thật là bơ vơ, cô độc; không có chi gọi là khí giới đề hộ thân và tự bênh vực cho mình hết.

— Khí giới gì bây giờ thưa bà, mình một thân trên đất khách? Cuộc đời người Âu-châu dài trăm tuổi mà người mình chỉ được sáu bảy mươi. Đối với họ, bốn mươi là trung niên, tuổi cường thịnh, mà người mình bốn mươi đã bắt đầu xuống dốc. Bao nhiêu tế-nhị tự nhiên trong thói quen và tiếng mẹ lại còn là việc rất quan hệ cho hạnh phúc bền bỉ của một đôi vợ chồng. Thiếu tất cả thì những xê

dịch do sự khác biệt giống nòi tất nhiên làm ngòi cho cái « luật máu », khiến cho người ta, không do lỗi của nhau, cũng thấy cần thiết quay về nòi giống của mình như lá rụng về cội, nước chảy về nguồn. Đó là một định luật mà vợ chồng dị chủng được hạnh phúc bền bỉ nên kể là ngoại lệ ; tưởng nên tránh hay phú cho may rủi mà không nên trách.

— Tôi không trách họ, tôi chỉ chống lại việc làm có tánh cách ích kỷ từ đầu đến cuối của cả hai người. Tôi biết nhiều bà có con bầy, chồng họ không ly dị hẳn bởi vì sợ khoản tiền cấp dưỡng cho vợ con, nhưng các ông lại bỏ bê vợ con thiếu thốn đủ mọi bề để đi lại với người đồng chủng. Hoàn cảnh đó, ở lại đây không lấy chồng được, lo sống cho con không xong mà mang con về xứ thì không có tiền, thật là khổ. Bà nghĩ coi, cho họ hết một thời xuân, bây giờ con cái lòng thông, thôi cũng lỡ mà ở không xong như cảnh mẹ con tôi bây giờ cũng gần giống như vậy ; Muốn làm gì một đồng một chữ không có.

— Nghĩ ra, thoả thuận với nhau làm cuộc đời, cùng cho nhau tất cả thì được cùng được, mất cùng mất, khó là ở chỗ dị chủng nên không giải quyết được nhiều điểm mà thôi. Nhưng nhiều người cũng biết nghĩ đó, thưa bà. Nếu họ muốn yên thân, yên tâm sống với người đồng chủng thì các bà vợ Việt cũng được một số vốn ở lại nuôi thân hay làm lộ phí về xứ.

— Kề ra xử như vậy cũng dứt khoát đó, nhưng mĩa mai quá bà ơi. Cho nhau cả cuộc đời, trinh tiết, tình nghĩa, tâm sức là đề thương lo, chăm chút nhau mãi dài theo cuộc sống. Chớ đâu phải đến khi xa nhau rồi đòi tất cả đề lấy một số tiền! Nhưng hoàn cảnh bao nhiêu người khác và cả đến con tôi rồi cũng phải đến đó thôi.

— Bà không có cách nào ở gần giúp đỡ con bà ngay từ bây giờ đề phòng cái ngày không may có thể xảy đến sao?

— Không được bà ơi. Nhiều khi thương con cháu quá tôi làm liều đến ở giúp đỡ con tôi tiện tặn chút nào hay chút nấy, hoặc ít nhất nó cũng đỡ cực khổ với bầy con nhỏ. Nhưng nói ra xấu hổ, đã mấy lần rồi tôi mắng mỏ, đánh đập con tôi và liệng va li tôi ra ngõ rồi đó bà. Mỗi khi nhớ đến đó, ruột gan mẹ con tôi như bị nấu nung. Nếu nó khinh thị nòi giống của vợ nó thì mẹ con tôi cũng chẳng có gì phải trọng vọng nó. Như vậy cho con tôi nó hết trách móc cha mẹ hẹp hòi, tôn chúng hết thuyết với tôi là chỉ có vợ chồng nó là thức thời, rộng rãi, cởi mở. Nó tán, dương giáo dục Âu Châu và chắc chắn rằng nó chỉ có thể hạnh phúc được với người chồng Âu Châu như một ít bạn bè của nó mà thôi. Bây giờ đường đi đến ly dị như cầm chắc trong tay, tôi có nói lắm chỉ tội nghiệp cho con cháu.

— Chỉ bấy nhiêu đó cũng đủ thấy ảnh hưởng truyền thống giáo dục của nòi giống vẫn chi phối tình cảm của bà. Nếu không thì tại sao con của người ta, mẹ của người ta mà người ta không thắc mắc thương lo, còn bà thì thương lo từ con

đến cháu ? Bà thấy đó, dầu người ta có chịu phần nào ảnh hưởng giáo dục giống nhau mà tìm nhau để sống chung đi nữa, dầu lòng nhiệt thành, thiện chí có nặng, có lành, dầu sự đời mới trong duyên kiếp có thơ mộng ly kỳ, nó cũng chỉ là chất keo tốt gắn liền vợ chồng dị chủng qua một thời gian vàng son gắn bó. Chớ thật ra, trong mỗi con người có rễ chủng tộc bám sâu vào tiềm thức và nó vẫn luôn luôn nhớ về cội rễ. Một sự sống, nếu gốc nó không phải ở nơi mình đi ra thì dầu mình có tìm kiếm, hỏi xin, mua chuộc, chiếm đoạt, cũng chỉ được một thời gian. Ngày nào đó, nó sẽ rời mình ra như chim tìm cây, cá tìm nước, hồ tìm rừng.

— Tôi đã từng thấy cảnh về già của các bậc cha mẹ bên này, nhưng cảnh của bà sui tôi đây càng làm cho tôi, nhất là cho con tôi sáng mắt. Khi con tôi còn nhỏ, tôi thường nghĩ đến việc gả con bắt rề cho mẹ con, bà cháu gần nhau, ấm cúng tuổi già. Hơn 10 năm nay, con tôi có chồng dị chủng, mẹ con tôi khổ sở vô cùng. Tôi mất con, con tôi mất mẹ, bà cháu chẳng được sống gần. Có ở trong cảnh tôi chắc bà cũng phải chống đối. Rồi ngày nào ốm đau, không biết thân tôi có được như bà sui tôi đây không nữa.

— Bà Y. ! Tội nghiệp !

Tôi cúi người nhìn bà Y. và chào tiễn bà L. mà lòng tôi nặng như đeo đá.

Trong 3 ngày liền bà Y. không tỉnh. Mấy cô điều dưỡng đã đem một tấm bình phong ngăn giữa tôi và bà để tôi đừng thấy những nét chết của tử thần đang vẽ trên mặt bà. Tuy vậy, qua kẽ hở của tấm bình phong, mắt tôi không rời cái chớp tóc trắng phơ trên đầu bà Y., nó lay động thật nhẹ và lơ lửng theo hơi nấc heo hắt yếu mơn như ánh đèn càn dầu sắp tắt.

Vắng teo. Vắng hăm. Năm giờ sáng, chính tôi cố bước xuống giường đi kiểm cô điều dưỡng gác đêm cho hay bà Y. chỉ còn hơi hóp.

Tất cả bệnh nhân còn ngủ. Chỉ có một mình tôi chứng kiến người ta lột cái áo của nhà thương cho bà Y, mượn mặc, họ bỏ áo chung với draps, mền để giặt.

Bà Y. trần trụi được cuốn trong tấm drap cũ đầy xuống nhà xác làm vật liệu cho sinh viên học mồi.

Trông theo, tôi nhớ nụ cười và nước mắt bà Y. rồi liền theo đó, tôi rùng mình nhớ đến lý do chống đối hôn nhân dị chủng của bà L.

Hôm nay, không phải chỉ có một mình tôi khóc mà chắc mẹ con bà L. cũng đang khóc.

Tôi khóc cho tình người, cho cuộc đời và cho bao nhiêu tang tóc gần xa, còn mẹ con bà L. chắc khóc cho lạc loài và cho tương lai đen tối của chính mình.

• LÊ - TẮT - ĐIỀU

TRUYỆN 2 KỲ

Vỡ đường

Cô gái ngơ ngác hỏi :

— Không đi được nữa hả anh ?

Trường đặt cái cặp xuống sàn xe, co cẳng trái lên cho đỡ tê rồi thò đầu ra ngoài. Những chiếc xe đậu phía trước nối đuôi nhau thẳng tắp, dài như vô tận. Người tài xế đã nhảy xuống, đốt thuốc lá hút, ngồi xồm trên lều cỏ, bình thản. Một vài hành khách lặng lẽ ôm hành lý, bỏ xe, đi bộ. Những người còn lại nhao nhao lên :

— Đâu đã tới ?

— Kẹt gì vậy ?

— Đoạn đường này đâu có hư.

Người tài xế búng tàn thuốc, nhìn tất cả những kẻ đang lên tiếng như muốn tìm một khuôn mặt, một câu hỏi xứng đáng được ông ta trả lời. Mặt ông ta xám đen, có những nốt sần sùi khiến cái nhìn lạnh lùng mang thêm vẻ bức dọc, hậm hực :

— Đường không hư mà mấy ông ngoắc lại thì đậu lại chớ biết sao ?

— Chừng bao lâu thì đi được ?

— Ai biết. Chờ từ giờ tới chiều, tới mai không chừng Xe thơ ở miệt dưới lên cũng kẹt ba, bốn bữa rồi đó.

Những tiếng kêu «trời» bật lên trong xe sau câu nhận định bi quan đó vẫn không làm cho nét mặt người tài xế thay đổi. Ông ta đứng dậy, rút ở túi sau ra một tờ báo cuộn nhỏ, lững lững bước tới cạnh chiếc xe vận tải đậu phía trước. Chợt ông ngoái cổ lại, nói to :

— Bà con đi xe «lam». Còn một khúc ngắn thôi.

Rồi ông ta quay đi, rút khoát cắt bỏ cuộc đối thoại, vừa coi báo vừa tiêu tiện vào gầm xe.

Trường quay lại nhìn cô gái. Nàng cũng đang nhìn anh chờ đợi. Câu gửi gắm của ông chú cô bé hồi sáng bắt đầu có kết quả rồi đây. Đường còn quá dài. Trong thư, Hiền căn dặn anh : « Nếu trời nắng, những đoạn đường hư hỏng kíp khô, anh có thể tới nơi trước tám giờ tối ». Chắc hôm qua, nơi anh sắp tới, trời không nắng. Trường mở cửa xe :

— Mình đi kiểm xe « lam ».

Cô gái không tỏ vẻ lo lắng, ngần ngại. Nàng mỉm cười như sắp được tham dự một cuộc vui. Chiếc khăn mỏng buộc tóc đã được cởi ra. Mái tóc ngắn, da mặt trắng hồng. Khuôn mặt mang nét hồn nhiên, thơ trẻ đó có thể tươi vui dễ dàng vì ánh nắng sớm hay những vì sao lấp lánh ban đêm. Hành lý của cô gái có một cái va-ly khá nặng. Thiện đành phần xách. Trường cầm tất cả những túi nhỏ còn lại của ba người. Cô gái cầm mấy cuốn sách hình bước tung tăng như đứa trẻ được về quê vào mùa hè.

Đã có hơn mười chiếc xe đến đậu sau xe Trường đi, nối cho cái đuôi chờ đợi thêm dài. Hành khách trên các xe tủa xuống. Họ tiến về phía trước một cách vội vã. Những chiếc xe đậu ở gần trạm gác trống rỗng, có chiếc được con đội nâng cao hai bánh sau lên. Lý do sự vội vã của mọi người là những chiếc xe « lam » ba bánh đón khách ở phần đường bên kia trạm gác. Bằng đủ mọi cách liều lĩnh người ta cố kiếm lấy một chỗ chật hẹp trên những phương tiện di chuyển quá nhỏ bé ấy. Đoạn đường tình cờ biến thành bến xe vang lên tiếng máy nổ, tiếng hò hét trong bụi và khói. Xe chạy tới thường trống rỗng, vội vã quay ngoắt đầu lại. Nó không chịu ngừng hẳn, chạy chầm chậm trong cái thế đề phòng đề bỏ trốn kíp thời. Chỉ trong vòng một phút, chiếc xe đã đầy ắp. Những chỗ đứng nguy hiểm nhất cũng được chiếu cố.

Tiếng guốc, giầy khua hối hả, vẻ cuồng quít của mọi người khiến cho khói, bụi thêm ngột ngạt. Qua trạm gác nhiều người bắt đầu chạy. Một người đàn ông cao lớn ôm, đeo những gói hành lý đủ hình, đủ kiểu vượt qua Trường. Vừa chạy ông ta vừa quay cổ nhìn nhó thúc giục một người đàn bà xanh xao. Bà này tụt guốc, tiến được ít bước lại vội vàng cúi xuống xỏ chân vào guốc, tiếp tục khập khiễng chạy. Trường rào bước vượt qua một người đàn bà mập mập. Bà ta bước như phải kéo lê chân trái. Cả khối người đồ sộ đó rung lên trong những cử động cố gắng phi thường. Thiện đôi tay xách va ly :

— Tương lai đen tối quá.

Cô gái theo kịp hai người một cách dễ dàng. Nhưng chiếc áo trắng của nàng khiến Trường phân vân, lo ngại.

Chiếc xe mới tới chưa kịp quay đầu đã đầy ắp, nặng xệ phía bên phải. Người tài xế hò hét :

— Thôi, thôi. Chờ chuyển sau. Đừng leo lên mui. « Mấy ông » không cho.

Người ta vẫn chồm tới, tung hành lý lên nóc xe, đánh đu bên hông xe. Quay đầu xong, chiếc xe giống như một cái tháp người, di chuyển chậm chạp. Được một đoạn ngắn, những người chịu không nổi, nhảy xuống, lếch thếch chạy theo xe hò hét đòi lại hành lý. Sau khi để rơi rụng các phần thừa thãi, cái tháp người có vẻ gọn gàng hơn. Xe gầm lên tăng tốc độ. Những người rơi rớt, những người chậm chân vẫn ồ ạt tiến tới. Ai cũng muốn là kẻ đầu tiên gặp chiếc xe sau. Phía trước là con đường dài nằm giữa cánh đồng mông mênh. Nhà cửa, cây cối chỉ là một vết gọn chói nắng ở cuối chân trời. Ở một ngã ba, chỗ đường đá và đường đất giao nhau, một cây bông gòn mọc cô đơn như nét phết tình cò trong một bức tranh phong cảnh nóng. Cây trụi lá, trơ cành và những trái khô. Bên gốc cây, người thiếu phụ mặc chiếc áo xanh biếc đứng tránh nắng với ba đứa con nhỏ. Đứa nhỏ nhất ngủ say sưa trên tay mẹ, hai đứa kia đứng ngơ ngẩn vì nắng, vì mệt. Buổi sáng, Trường đã chú ý đến vẻ lúng túng của thiếu phụ và ba đứa nhỏ. Ở chiếc xích lô máy bước xuống một đứa bé lật đật, cuống quýt suýt ngã trong khi mẹ nó lo cho hai đứa kia. Lúc lên xe đò, một đứa vừa kêu vừa túm chặt lấy quần mẹ vì cái nón đỏ của nó rơi lại sau. Thiếu phụ loay hoay, giận dữ. Bà ta đi chuyển xe sớm nhất và bây giờ mới tới gốc cây bông gòn nơi này.

Những người đi trước dừng lại, chiếc xe mong đợi đã tới, nhưng nó có vẻ không muốn giảm tốc độ. Cô gái nhìn người đàn bà áo xanh, hình như muốn có một cử chỉ giúp đỡ. Mắt không rời chiếc xe « lam », chân chồm bước, bà ta hét hai đứa con :

— Lẹ đi ! Lẹ đi !

Đứa lớn nhất, hai tay giữ chặt vành cái nón đỏ, bỗng chạy vụt ra giữa đường. Cô gái, Thiện và một người nữa bật ra tiếng kêu hốt hoảng. Người đàn bà quay lại, kêu to :

— Trời ơi ! Xe cán chết mày !...

Sau mấy bước chơi vơi ở giữa đường đứa bé quay lại, cầm đầu chạy về phía mẹ, nhưng nó lại có vẻ như muốn lao thẳng xuống ruộng. Bàn tay phải người mẹ giữ được vai nó và nó trượt chân trên cỏ, ngã ngồi xếp hai tay vẫn giữ chặt vành nón.

Chiếc xe lam vẫn vùn vụt lao tới, mọi người vừa vẫy tay một cách khẩn khoản vừa ngơ ngác. Tài xế xe « lam » giơ cánh tay trái lên giải thích :

— Hết xăng ! Hết xăng !

Cô gái nhìn Trường mỉm cười như cho rằng sự không may của mọi người đã có vẻ quá đáng đến độ hài hước. Chiếc xe sau xuất hiện nhỏ xíu ở phía xa lại khiến mọi người rảo cẳng.

Cô gái nhanh nhẹn hơn Trường tưởng. Nàng chiếm được một chỗ ngồi và tiếp tục vui vẻ. Anh vừa giúp Thiện đặt xong tất cả hành lý lên nóc xe thì xe đã đầy người và chạy khá nhanh. Thiện kiểm được chỗ đặt chân và đu ở phía

sau. Trường leo lên nóc, ngồi xoay lưng về nơi anh sắp đến và hài lòng được vài giây. Những người chậm chân vẫn nhấp nhô rào bước trên con đường nắng như khiếp sợ sự dừng lại. Người đàn bà áo xanh còn đứng với lũ con bên gốc cây bông gòn trụi lá.

Trên nóc xe chỉ có hành lý, Trường và một đứa bé khoảng tám, chín tuổi. Hình như đứa nhỏ đang lúng túng vì cái vị trí chênh vênh của nó. Nó quì trên nóc xe, hai tay bám chặt vào thanh sắt rào hành lý, vẻ mặt lăm lỵ. Một người đàn bà nào đó nói vọng lên :

— Coi chừng té nghe con.

Một bánh xe sa xuống một cái ổ gà khá lớn ngay lúc câu dặn dò vừa dứt. Trường cảm thấy mình bị nẩy tung lên một cách bất ngờ. Đứa bé buột miệng kêu khê, một tay buông thanh sắt, níu chặt chân Trường. Trường ngả người nhoài tới một góc ở phía trên để bám vào hai thanh sắt. Chân trái anh co lại vừa kịp để chặn một cái va ly khỏi rơi xuống, xe không giảm tốc độ, những cái hồ nhỏ chui từ gầm xe ra liên tiếp chạy về phía sau. « Ngồi lại đi, ngồi thế té chết » Đứa bé bám chặt vào chân anh để xoay người lại. Chân trái Trường tê dần và nặng chịch. Không lúc nào chiếc xe ngừng nhẩy nhót đủ lâu để anh đổi thế ngồi hoặc làm vài cử động cho bớt tê chân. Rồi hai bàn tay bám vào thanh sắt cũng bắt đầu tê lạnh. Rất lâu, anh quên sức nóng của mặt trời.

Mấy tiếng nổ lớn đến gần cùng với một chiếc xe lam chạy ngược chiều. Trên nóc xe chỉ có một người lính. Hình như xe vụt qua với nhiều tiếng ồn ào. Người lính ngồi xếp vòng tròn, tay trái bám vào thanh sắt rào đồ đạc, tay phải hướng khẩu súng trường về phía một con cò đang bay. Những phát súng nổ có vẻ tình cờ, gượng gạo vì cả thân hình người lính ở trong dáng điệu không hợp cho một thế bắn. Con cò bay thản nhiên cánh mềm mại uốn đều trong nắng. Bên ngoài thân thể nó có cả một bầu trời mông mênh để chứa chiều đi của những viên đạn bắn cầu may. Chiếc xe chạy lắc lư và thỉnh thoảng người lính lại cho nổ một phát súng. Tiếng nổ lóc chóc nhỏ bé và uể oải.

Chân phải Trường cũng bắt đầu tê vì đứa nhỏ bám chắc quá. Anh co lại một chút. Đứa nhỏ quay nhìn. Lúc này anh mới thấy là nét mặt nó đầy vẻ sợ hãi chứ không lăm lỵ như anh tưởng. Trường mỉm cười và không dám cử động chỗ bám víu của đứa bé nữa.

Những cột cây số ở bên đường không giúp anh có một ý niệm rõ ràng nào về đoạn đường dài còn lại. Một lần, cúi xuống kiểm soát xem cái bút có còn nằm trong túi không, anh chợt nhớ ra nhiệm vụ viết lách của mình. Phải ghi nhớ một cái gì. Nhưng tình trạng này có đáng ghi không ? Một buổi sáng, một chú bé bám chặt vào cẳng một anh chàng cầm bút và cả hai bám chặt lấy cái nóc xe rộng khoảng hai thước vuông. Nếu anh hoặc chú nhỏ có ngã lộn cổ xuống đường thì tai họa cũng chỉ làm đầy một tác phẩm chừng vài dòng của mục tin vặt ở nhật báo. Cái thế ngồi chông chênh của anh lại vừa bần tiện vừa kỳ cục. Có một người bạn văn nói với Trường « Cậu phải gặp cảnh khổ nhiều mới viết hay được » Nhưng mỗi lần gặp một vị trí bất lợi, Trường chỉ

cảm thấy mình biến thành một nhân vật thích bi đát hóa hoàn cảnh của mình một cách lắm cảm. Chuyện này chắc cũng chỉ nên dành kể cho Hiền nghe và cười chơi. Thêm một chi tiết ly kỳ vào kỷ niệm những ngày chàng đi gặp người yêu. Đường hạnh phúc đầy chông gai lại có thêm cái nóc xe lam nữa. Chắc Hiền sẽ cảm động thêm chút đỉnh.

Xe lên một cái cầu gỗ. Lúc đồ đạc, thêm mấy túi hành lý đề lên chân Trường và khá lâu, anh không còn cảm biết bàn chân trái mình ở chỗ nào. Sự bất khoan vì thất lạc một bàn chân kéo dài tới lúc xe dừng lại, giữa những tiếng ồn ào mới. Thiện nhảy xuống đầu tiên. Trường sửa lại dáng ngồi, thủ tiêu lập tức cái vẻ thiếu nể nhảm hại của mình. Anh hy vọng cô gái đã tưởng anh ngồi trên nóc xe, hai tay bó gối, chân bắt chéo, thoải mái như một cậu thủ ngồi trên sân cỏ. Nhưng sự sửa chữa, giàn cảnh của anh hoàn toàn vô ích. Những hành khách mới muốn đi ngược chiều với anh đã ném bừa hành lý lên nóc xe. Họ vây quanh đám hành khách cũ đang cố gắng bước xuống và rình những khoảng trống để chen vào.

Cô gái đã ôm mấy cuốn sách hình đứng cạnh Thiện trên lề cỏ. Chiếc áo trắng của nàng không nhàu nát khiến anh ngạc nhiên. Người tài xế đi thu tiền những người còn thiếu và nhìn những người đã đóng lộ phí với vẻ soi mói nghi ngờ.

Thiện hỏi,

— Giờ đi sao đây ?

Người tài xế đáp :

— Khúc này đi đò. Qua bên có xe.

Những chiếc xe hàng đậu nối đuôi nhau đã chiếm hết nửa chiều rộng mặt đường. Cánh đồng ngập nước gợn sóng như một con sông lớn. Ở gần những ngôi làng phía xa mới thoáng có bóng những bờ ruộng nhô lên. Nhiều đám mây trắng trôi trong bầu trời mông mênh in dưới đáy nước khiến đồn canh xây cao trên mặt ruộng có vẻ đang di chuyển ngược lại.

Bến đò là một khoảng lề đường không có cỏ mọc. Những người lái đò chạy đi chạy lại mời khách bằng cách túm lấy hành lý của họ. « Mỗi người hai chục. Đi đò lớn, cô ! » « Đò tôi còn thiếu một người, ông lên, đi liền ». Thiện ngần ra có vẻ nản chí :

— Đi đứng theo kiểu này thì chán đời thật.

Một chú lái đò chừng hơn mười tuổi vừa ghì mũi thuyền cho khỏi tròng trành vừa giúp một bà khách bước xuống, mắt chú vẫn đảo dáo dác tìm thêm người. Bà khách bỗng rú lên vì thuyền nghiêng hẳn, chú bé nhảy lên thuyền ghì tay sào và bật cười lớn. Một số thuyền đã rời bến, trôi trên con đường tưởng tượng khá quanh co để tránh các mô đất cao.

Một người đàn ông hấp tấp đi từ phía quãng đường vỡ lại. Ông ta nhìn Thiện có vẻ hơi bất khoan ngần ngại, rồi ông ta bỗng đề nghị :

— Có chiếc xe chở heo lên Saigon mới về tới. Xe nhỏ, khúc đường hư trước qua được, khúc này chắc cũng qua luôn. Mấy ông quá giang với tụi tôi, trả cho tài xế chút đỉnh tiền cà-phê. Thằng cha vui bụng, chạy lẹ.

Thiện nhìn Trường. Trường cười :

— Phiêu lưu thử coi.

Cô gái giờ mấy cuốn sách hình che đầu, ngoái nhìn những chiếc thuyền như tiếc rẻ.

Trên chiếc xe còn hai người khách nữa. Bọn Trường đến đúng lúc người tài xế vừa nói chuyện với người lính gác đường xong. Anh ta hân hoan một cách kín đáo, báo tin vui cho mọi người.

— Ông cho đi.

Người khách vừa liên lạc với bọn Trường tươi cười :

— Tôi kiếm cho anh ba người nữa đó. Đủ tiền xăng nhót rồi.

Anh tài xế bước lên xe, nhìn thẳng về phía trước, than một cách trầm tĩnh.

— Chết cha ! Xe nặng chưa chắc có qua nổi không.

Thiện ngồi vào ghế cạnh người tài xế.

— Đủ sức. Máy xe Peugeot đâu có thua xe nào. Tin tôi đi.

Nói xong Thiện nhìn nhanh người tài xế, dò phản ứng. Trường nghi rằng Thiện đang tìm cách khêu gợi tính chất « người hùng tay bánh » của anh ta.

Cô gái và Trường lên phía sau xe. Trường tưởng sẽ phải thở bầu không khí hôi hám mùi heo. Nhưng anh chỉ bắt gặp mùi cỏ khô thoang thoảng và một mùi ẩm mốc khó hiểu. Ở đây có hai chiếc ghế gỗ dài. Hai người khách trước, hẳn là vợ chồng, chiếm trọn một cái ghế. Người chồng nằm ngủ, gác đầu lên đùi vợ. Giấc ngủ của ông ta đầy vẻ mệt mỏi với khuôn mặt nhăn nhó và cái miệng há hốc.

Xe chậm chậm đi qua trước mặt người lính canh để tránh cái bảng hiệu cấm đường. Người lính nhìn Trường, nhìn cô gái, cười, nói to :

— Y nói y cho bà con quá giang. Vậy không ai trả tiền y nghe.

Trường cười nhợt nhạt hưởng ứng. Người lính chợt đến gần người tài xế, thân mật dặn dò :

— Đến khúc đường bị nước tràn qua nhớ đi bên tay trái nghe, đi bên mặt là ra ruộng nằm luôn.

Người tài xế dăm dăm nhìn về phía trước, tính toán âm thầm. Thiện nhìn những con đò trôi lừ đừ trên mặt ruộng rồi quay lại cười với Trường « Đi thoát khúc này thì bỏ xa bà con là cái chắc ». Ông khách ngồi cạnh Thiện phụ họa : « xe này tốt mà. » Chiếc xe vẫn tiến tới chậm chậm.

Trường cuốn mảnh vải che mui phía trước để nhìn đoạn đường hư hỏng. Chỗ này còn khô, nhưng bị xẻ rãnh như những luống cày. Vết bánh xe hằn lên trong những cái hố sâu hoắm. Toàn thân xe rung rinh cọt két và thỉnh thoảng lại đảo đi như một con thuyền bồng bềnh trên sóng. Luôn luôn Trường có cảm tưởng là xe ở cái thế mong manh sắp lật.

Người đàn ông ngủ trên đùi vợ đã tỉnh dậy ngồi vuốt tóc, lau mồ hôi và ngáp một cách lơ đãng. Người vợ mở cái bao vải lấy khúc bánh mì đưa cho chồng và mấy quả chuối tiêu đưa ra mời mọi người. Sự vồn vã bất ngờ của bà ta khiến Trường và cô gái từ chối một cách khá lúng túng.

Người tài xế chủi thề một tiếng lớn khi trông rõ khoảng nước tràn qua đường. Có đến gần năm chục thước đường dài chìm mất chỉ để lại vài dấu vết mờ mờ. Ngay giữa đoạn đường vỡ một chiếc xe hàng đồ nghề. Hai cái bánh sau, ở bên không chìm trong nước, chỉ còn là một khối đất tròn, dầy. Người khách ngồi cạnh Thiện nói :

— Nhớ đi bên trái Không nghe lời anh lính là mết à.

Thiên chỉ tay về phía trước :

— Coi vậy mà chắc dễ qua. Có chiếc Peugeot 404 qua rồi kìa.

Chiếc xe nhà hiệu Peugeot phía trước hình như đang mò mẫm trong một quãng lầy mới. Nó theo sát một chiếc xe ủi đất sơn màu vàng.

Người tài xế vẫn âm thầm trong sự lo lắng tính toán riêng. Chắc anh ta đang cố gắng tưởng tượng ra con đường dưới mặt nước sóng sánh, đục ngầu.

Nước bắt đầu kêu rào rào dưới gầm xe và tung đều đều ra hai bên. Mọi người nắm chặt chỗ vịn, đề phòng sự sa hố bất ngờ. Ở đoạn giữa bốn bánh xe chìm khá sâu, nước bắn cả vào trong xe. Nhìn ra xung quanh, thấy nước vây bốn phía, Trường có cảm giác chiếc xe đang bơi trên một con sông rộng, chơi vơi một cách thật nguy hiểm.

Sau giây phút lẩn bánh chấp chờn, xe gặp một đoạn bằng phẳng ngắn. Trường nhìn chiếc xe nhà phía trước, buột miệng :

— Xe Peugeot bị bề bàn tọa !

Chữ dùng sai của Trường khiến cô gái mỉm cười, anh cũng không muốn sửa lại. Chiếc Peugeot 404 bị vỡ tung một bên vè và cây cản phía sau gãy, nằm hếch lên. Chiếc xe ủi đất đang kéo nó chạy chậm chậm ra khỏi vũng lầy.

Khoảng bùn chỗ này có vẻ mềm và quánh hơn. Cảnh tượng trước mặt khiến mọi người lo ngại. Thiện khuyến khích người tài xế một cách yếu ớt :

— Chắc qua khúc này là đường bớt hư rồi ?

— Rõn cha ! Mấy khúc sau còn ác ôn nữa.

Giọng người tài xế gay gắt nhưng cứng cỏi. Trường tin rằng anh ta chưa nản chí đến độ muốn rút lui.

Chiếc Peugeot 404 được kéo qua vũng lầy, nằm gھếch về một bên. Xe Trường bỗng rú ầm ầm và lao vọt tới. Dần dần chiếc xe xoay chệch đi, như không còn di chuyển bằng bánh mà tất cả xe đang lướt trôi trên mặt bùn. Người tài xế bẻ hết tay lái về bên phải, xe vẫn chạy thẳng rồi giảm tốc độ dần dần. Đất, bùn, nước bỗng từ phía sau xe ào ào tung ra. Xe ngừng lại giữa quãng lầy.

Trường đề nghị :

— Chúng ta xuống hết cho xe nhẹ bớt.

Người tài xế mở cửa xe. Trường ra phía sau tìm một chỗ đất cứng, nhảy xuống. Đoạn đường vừa qua có bề mặt phẳng lỳ, rộng gần bằng chiều ngang chiếc xe. Hai bên là rãnh sâu. Đất dâng cao kín gầm xe. Bốn bánh xe, sau khi đào đất, bây giờ nằm ở cái thế lơ lửng.

— Có đá rải xuống thì chạy tới được.

Người tài xế ngồi xồm trên bùn, dăm dăm nhìn mũi xe, cười buồn :

— Làm sao có thứ đó ở đây. Bùn xình không! Nhè đầu thầy chùa mà kiếm tóc. Chờ chiếc ủi đất lo cho chiếc kia xong rồi nó tính tới mình.

Thiện nóng nảy một cách tin tưởng :

— Anh cứ lái đi. Tội tôi đây. Tôi thêm chừng hai thước là gặp đất cứng rồi.

Người tài xế uể oải lên xe rồ ga. Trường, Thiện nắm vào thanh sắt ở thành xe, bắt đầu đẩy. Người đàn ông đã ngủ trên đùi vợ sốt sắng chạy ra phía sau đúng lúc hai bánh xe xoay tròn. Bùn đất toé lên người ông ta. Ông ta loạng choạng ngơ ngẩn, người vợ hốt hoảng kêu trời.

Xe nhích tới sậm sứt. Tiếng máy rú càng lúc càng to. Mặt Thiện đỏ gay. Hai chân Trường thay nhau ngấp sâu trong bùn. Bỗng xe rùng mình, chồm lên khiến anh suýt ngã sấp, rồi đứng sững lại. Ở gầm xe phát ra những tiếng rào rạo của một cái trục sắt xoay tròn giữa những mảnh sắt vụn. Trong tiếng máy xe rồ ầm ỉ, tiếng người tài xế vẫn rõ ràng :

Chết mẹ ! Gãy «láp» rồi !

Trường đến gần người tài xế để thăm dò tình trạng. Hai tay đặt hững hờ trên bánh lái, mắt nhìn mơ hồ gần như ngơ ngác về phía trước, người tài xế đã nói lên sự tuyệt vọng bằng cả con người của anh ta.

(Còn tiếp một kỳ)

LÊ VĂN ĐIỀU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

• LĂNG - NHÂN

Tên sách

HAI MƯƠI NĂM QUA

Việc từng ngày (1945-1964)

Soạn giả :

Đoàn Thêm

Nhà xuất bản :

Nam - Chi tùng - thư

Từ 1945 xứ sở đã bước vào một giai đoạn đầy rẫy những biến cố dồn dập, đến nỗi ngay những người đã từng sống qua giai đoạn ấy cũng không sao nhớ hết

Tài liệu cần thiết như báo chí, thì dễ bị thất lạc: mấy ai giữ lại được, sao bao ngày rồi ren và những cơn khói lửa

Và chẳng nhiều bài và nhiều sách liên-quan đến thời cuộc, thường thiếu tính cách chính xác vô tư, vì áp lực chánh trị, vì dụng ý tuyên truyền, hay vì thành kiến cá nhân

Nhà viết sử sao này sẽ gặp nhiều sự khó khăn, ngay trong công việc sưu tầm. Và những thế hệ trẻ muốn tìm hiểu thực trạng của đất nước hiện nay, cũng khó lòng được thoả mãn

Nên cần có một thứ tài liệu đầy đủ nhưng vẫn tắt để xem soạn thảo kỹ lưỡng theo một đường lối khách quan nhằm vào sự thật của lịch sử dân tộc, chứ không thuộc những đòi hỏi nhất thời của chế độ này hay chính quyền khác.

Người làm nổi việc này, không những phải có những dịp thuận tiện để chứng kiến mà ghi nhận mọi sự mọi sự biến chuyển, nhưng còn phải có tinh thần học giả, bình tĩnh xét thực tế mà không bị tình cảm hoặc các trào lưu xô đẩy. Chúng tôi đã nghĩ đến Đoàn quân

Trong 25 năm qua, ông đã thấy rộng biết nhiều trong chính-giới, ở những chức-vụ tập-trung hoạt-động của các chính-quyền, lại ham thu-thập tài-liệu vì nhu-cầu nghiên-cứu và trước-tác của riêng ông. Hơn nữa, những tác-phẩm mà ông từng phổ-biến, những lập-trường và quan-điểm mà ông trình bày trên báo-

chỉ về những vấn-đề thời-sự hay văn-hóa, đã đủ tỏ rõ một đường lối ngay-thẳng đáng tin.

Thế lời yêu-cầu của chúng tôi, Đoàn quân đã xếp đặt lại những điều ghi lại trong các cuốn sổ tay từ bao năm trước; hơn nữa, ông còn đem sánh rất kỹ với những tài-liệu sẽ kể trong tập này, để kiểm điểm và bổ túc cho cụ-thể hơn. Sau đó ông mới chọn và giữ lại những gì đáng chú-ý, ở mọi lãnh-vực đời sống chung.

Ông không theo thường-lệ của những tác-giả loại sách biên-niên; nghĩa là chỉ sao chép về chính trị và quân-sự mà thôi: ông còn muốn bao quát cả địa-hạt quốc-tế, văn-hóa, xã-hội, kinh-tế, tổ-chức công-quyền đề lưu ý và giúp đỡ những người sau này cần tra cứu. Và sau đây, là lời giải-thích của ông về cách lựa chọn những sự kiện đã ghi:

Phần quốc-tế — Sinh-hoạt của một quốc-gia hiện nay không thể tách rời khỏi sinh-hoạt của cộng-đồng quốc-tế. Ý-nghĩa một việc càng rạn-tò khi nằm giữa hoàn-cảnh rộng lớn của thế-giới, nhất là khi việc nước nọ có thể gây hậu-quả cho nước kia. Tuy-nhiên soạn-giả chỉ ghi những sự có ảnh-hưởng cho toàn cầu (như vụ Cuba 1961-62 có thể gây thế-chiến) hoặc liên-quan mật-thiết đến cục diện Á-Đông và Việt-Nam (như chiến-sự ở Lào.)

Phần nội chính gồm có các cuộc tranh-đấu giành độc-lập: các vụ biến-cổ, xung-đột, đảo-chính; sự thu hồi chủ-quyền và sự thành-lập các chánh-quyền kế-tiếp; hoạt-động của các đảng phái và yếu nhân; các vụ án chánh-trị: các thỏa-ước, hiệp-định, luật-lệ và thiết-bị quan-trọng...

Các văn-kien liên-hệ, sau dăm bảy năm, đã rất khó tìm. Những tổ chức của mỗi chánh-quyền, dù hay dở ra sao, đã ảnh hưởng tới cuộc sống chung vẫn cần được các nhà chuyên môn xem xét để rút kinh-nghiệm.

Ở đây, soạn giả hay phải nói đến các chính khách; và thường gọi mỗi người một cách chính thức, theo chức vụ đươnggiữ, vì chỉ nhằm vào đời công.

Phần dân sinh: Những tai họa như bão lụt, cháy, dịch tễ; giá sinh hoạt; việc học và hoạt động văn hóa: những cuộc tản cư, di cư và định cư, những sự thay đổi về tiền tệ những biện pháp kinh tế và xã hội có ảnh hưởng đến đa số.

Theo soạn giả, dân tình cũng cần được chú ý như hành vi của các giới hữu quyền, và nổi thống khổ của các tầng lớp, cũng như các thắng lợi và tiến bộ, đều là những yếu tố chứng minh tính cách suy vi hay thịnh trị của mỗi thời.

Phần chiến-sự: Các hoạt động kháng chiến; chiến tranh và các hậu quả; khủng bố, phục kích, phá hại, oanh tạc; quân dịch và các nỗ lực quân sự; các trận giao tranh lớn, chiến dịch và các cuộc hành quân qui mô...

Ở đây, hẳn nhiên, soạn giả phải căn cứ vào tài liệu chính thức như những bản phúc trình và thông cáo, với những kết quả do cơ quan hữu trách phổ biến. Duy đối với quân số bị tử thương, chỉ ghi số chết bỏ xác tại trận; và mỗi khi có thể, thì ghi rõ địa điểm và danh hiệu cuộc hành quân.

Soạn giả thừa biết rằng không thể nào kể hết các việc đáng chú trọng và còn tự hạn chế vì phải thận trọng, nên chỉ ghi lại nếu thấy những điều kiện sau:

— khi việc có ngày tháng đích xác;

— khi việc đã được nhiều người khác biết, đã xảy ra thật, hoặc ít nhất là được các cơ quan ngôn luận loan truyền; nếu chỉ là tin đồn, soạn giả cũng ghi rõ

Chỉ quan tâm đến sự thật, Đoàn quan không hề phê bình khi nhắc lại người với việc, vì theo ông, sự khen chê và yêu ghét hoàn toàn dành cho lịch sử cùng quốc dân.

Song những lời vẫn tắt, do cách trình bày, đôi khi vẫn gọi cho những ai đã «trải qua một cuộc bể dâu», bao nhiêu buồn vui của một cuộc sống bị đất và hào hùng.

NGÀY TÔN GIÁO HOÀN CẦU

Hần là bao cố gắng quốc tế để tìm một giải pháp cho vấn đề Việt-Nam đã ảnh hưởng đến sự chọn lựa chủ đề của ngày Tôn giáo hoàn cầu cử hành lần thứ sáu tại nước ta (1) do Hội đồng tinh thần đạo Baha'i quốc gia Việt-Nam tổ chức. Chủ đề năm nay là :

Tôn giáo, con đường giải thoát cho Việt Nam

Nhà học giả Hồ-Hữu-tường được mời làm chủ tọa và bốn vị sau đây được mời làm thuyết trình viên : thượng tọa Thích-minh-Châu, viện trưởng viện Đại-học Vạn-Hạnh, trong giáo hội Phật-giáo Việt-Nam thống-nhất, linh mục Nguyễn-văn-Vàng cố vấn ủy ban Truyền giáo trung ương, trong Giáo-hội Thiên-chúa giáo Việt-Nam, ông Dorohiem Tổng thư kí hiệp hội chàm Hồi giáo Việt-Nam, ông Nguyễn-văn Lợi phó chủ tịch Hội đồng tinh thần đạo Baha'i quốc gia Việt-nam.

Sau phần cầu nguyện, vị chủ tọa họ Hồ đứng lên nói mấy lời mở đầu. Ông nhắc đến những cuộc gặp gỡ bằng vũ khí của những khối tín đồ các tôn giáo trước đây, và ngày nay, những cuộc hội-ngộ thân ái để tìm hiểu nhau hơn, thương yêu nhau hơn, đoàn kết với nhau hơn. Dân tộc ta trên hai mươi năm đắm chìm trong máu lửa khiến các đoàn thể tôn giáo trong nước càng ý thức được sự cố gắng chung của loài người để lật qua tương sử mới, tương sử của thanh bình.

Rồi ông mời thượng tọa Thích-Minh-Châu lên diễn đàn.

Thượng tọa nói qua vai trò quan trọng của ngôn ngữ trong việc diễn-đạt sự thực. Ngôn ngữ đã sụp đổ, mất tánh cách thiêng liêng, cần phải tẩy uế cho ngôn ngữ đóng cái vai trò ban đầu của mình, là biểu tượng cho sự thực, và chỉ cho sự thực. Và thượng tọa định nghĩa mấy tiếng *Tôn giáo, Giải thoát, Hòa bình*.

Thượng tọa cho rằng «nói đến tôn giáo tức là nói đến tâm linh, nói đến đời sống tâm linh, ý thức của con người nhập một với ý thức của vũ trụ». Còn nói đến giải thoát, «tức là giải thoát toàn thể». Và nói đến hòa bình, là nói đến «hòa bình toàn thể, hòa bình tâm linh» vì «chỉ có hòa bình tâm linh mới là hòa bình duy nhất làm nền tảng cho tất cả hòa bình chính trị và quân sự».

«Mà muốn đạt đến hòa bình tâm linh, thì chỉ có tôn giáo mới là con đường giải thoát độc nhất cho Việt Nam và thế giới. Hòa bình tâm linh chính là sự giải phóng của con người ra ngoài tất cả tín điều, ra ngoài tất cả ý thức hệ, chính trị, ra ngoài ngay cả tín điều, ý-thức-hệ của chính tôn giáo mình».

Linh mục Nguyễn-văn-Vàng nối lời thượng tọa Thích minh Châu. Ông xin «cho thông qua» điểm : Tôn giáo giải thoát Việt Nam vì hoàn cảnh chính trị xù sỏ chưa cho phép. Và ông đặt câu hỏi : Đại gia đình nhân loại cầu mong được giải thoát những gì ? Rồi ông xét đến nạn đói, chiến tranh, sự chán nản, sự chết cùng tội ác. Đề kết luận «chỉ có Tôn giáo giúp người đời đưa mắt nhìn lên nơi cao thâm, giúp thế nhơn tiếp đón những sứ giả của thượng thiên, mới vạch ra một con đường sáng, an ủi, và dẫn bước thế giới an toàn trong hạnh phúc». Phần cuối bài thuyết trình dành cho sự chứng minh một cách sơ lược Thiên chúa giáo đã góp phần vào việc giải thoát nhân loại vốn khổ đau vì tội ác của thủy tổ loài người.

Ông Dorohiem nhắc qua vài tập tục của người Hồi-giáo, lối xử thế hằng ngày của tín đồ Hồi giáo vốn sẵn sàng tha thứ cho nhau, cuộc sống rất giản dị của giáo tổ Muhammad, lòng tốt về sự độ lượng của Ngài. Ông nói : «Chính để giải thoát cho nhân loại khỏi những nguyên-nhân chính nô lệ hóa con người mà Ngài đã

(1) Chủ nhật 29-1-1967, 19 tháng chạp Bính Ngọ lúc 16 giờ tại hội trường Thống-nhất, Sài-gòn

thanh lọc cho họ khỏi những giới hạn như bần, ích kỉ và kiêu căng, là những căn bệnh trầm kha, những tệ đoan đè nặng trên cuộc sống của nhân loại».

Ông cho biết Hồi giáo luật nhìn vào khía cạnh khơi sâu tiềm thức con người trở về với giá trị cao đẹp, thiêng liêng, làm sống động những đức tính tốt đẹp và lấn át những tánh xấu xa. Và khi mà tự tâm con người đã thanh thản thì lòng thương và sự kính trọng lẫn nhau dễ nảy nở một cách chân thành. Lúc bấy giờ mọi sự cảm dỗ chỉ là cơn gió nhẹ bên ngoài, nhân loại sẽ bớt khổ đau và chiến tranh sẽ bớt hăm dọa kiếp sống con người».

Ông Nguyễn-văn-Lợi cho rằng «Tôn giáo là động cơ duy nhất có thể đem lại thức ăn đầy đủ cho nhân loại từ giai đoạn ấu thơ đến giai đoạn trưởng thành hiện nay, tuy nhiên trước khi tôn giáo hi vọng nhân loại tin nhận lời công bố của Tôn giáo rằng nó có thể đem lại một thức ăn đầy đủ và hoàn hảo nhất cho nhân loại trưởng thành, nó phải chứng minh trước công luận không phải bằng í tưởng có vẻ cao siêu hay bằng những kế hoạch mơ hồ, mà bằng những hình ảnh cụ thể tỏ rõ các chương trình của nó đã thành công trong một cộng đồng thế giới sinh động và hăng say tượng trưng cho một khối người cùng làm việc trong sự hòa hợp hoàn toàn, thống nhất trong lương tri và thống nhất trong việc biến trái đất thành một tiểu quốc gia và biến nhân loại thành một gia đình duy nhất. Và sau khi xét qua sự phân hóa trầm trọng của các tôn giáo lớn trên hoàn cầu, vấn đề Việt-Nam, một ung nhọt đang được mổ xẻ rướm máu, việc cần phát triển lương tri Thế giới, ông đi đến kết luận «Vấn đề giải thoát cho thế giới, quốc gia nhỏ bé đầy đau khổ này là vấn đề hợp tác quốc tế, vấn đề Thế-giới Hòa-bình. Không còn giải pháp nào khác hơn là tạo sự thống nhất trên căn bản thế giới bằng sự Thống nhất lương tri thế giới».

Sau phần thuyết trình, các vị khách danh dự được mời phát biểu cảm tưởng. Ông Phan-khắc-Sửu rất tán thành cái đích hòa bình của các tôn giáo, vì có Hòa-bình, loài người mới có hạnh phúc, mà Hạnh phúc là mục tiêu chánh của con người ; các tôn giáo phải hòa hiệp với nhau để cùng lãnh đạo phong trào Hòa bình, Hòa bình xây dựng trên căn bản công bằng và bình đẳng. Linh mục Vũ-đức-Khâm, đại diện đức Tổng giám mục, nghĩ rằng nếu người Việt miền Nam ta ai cũng theo một tôn giáo, thành tâm theo và dám chết vì tôn giáo mình, thì không còn vấn đề cộng - sản Việt, và nếu người của Thế giới Tự do ai cũng theo một tôn giáo, thành tâm theo và dám chết vì tôn giáo mình, thì không còn vấn đề cộng sản thế giới. Ông Mai-Thọ-Truyền nhận xét rằng Tôn giáo nào cũng tốt, cũng cho mình có một sứ mạng cao cả, thiêng liêng. Cái chánh của các Tôn giáo là hành, nhưng tiếc thay, người theo đạo thì đông mà người sống đạo thì ít. Ông Lê-Minh-Trọng lại nói qua vai trò Cao đài giáo.

Người chủ tọa kết thúc ngày Tôn giáo hoàn cầu năm 1967 bằng một bài đức kết ngắn. Chúng tôi xin trích một đoạn ở phần đầu và đoạn kết.

«Bao nhiêu cố gắng để hiểu vũ trụ, để chinh phục thiên nhiên, càng làm cho con người kiêu hãnh đối với vật giới, thì lại càng làm cho phát sanh những khắc khoải, ưu tư trong cõi lòng. Bao nhiêu hành động, mưu mô để nắm dây cương của xã hội lại đốt ngòi trong nội tâm của mình và của thiên hạ bao nhiêu ngọn lửa thiêu đốt tâm tư. Loài người càng chật chứa bao nhiêu phương tiện vật chất, hữu hình, thì loài người lại càng băn khoăn tự hỏi những phương tiện này để đạt mục đích gì ? Loài người càng có những cách để tiến thật nhanh, càng bị thúc giục phải tiến nhanh, thì loài người lại càng khắc khoải tự hỏi : tiến mau như vậy để đi về đâu ? Loài người càng có tài siết lại các tương quan gom về một mối, thì loài người càng ý thức rằng tay mình siết chặt thêm, thì chính mình lại bị trói buộc thêm,

... « Ngày nay, dân tộc Việt, đau khổ trong hơn hai mươi lăm năm binh lửa, ngày nay nhân loại khiếp sợ trước hiểm họa của chiến tranh nguyên tử, hóa học, vi trùng, lí tưởng, ý thức hệ .. của chiến tranh toàn diện thì Đông phương cũng như Tây phương đương cần dùng các đạo, mà vị Cứu Thế Mới sẽ mang lại cho loài người

« Đề kết luận phần đúc kết ngày Tôn giáo hoàn cầu năm 1967 này, tôi xin nhắc lại rằng Tây-phương đã mượn lời của nhà tư tưởng lỗi lạc nhất của mình đề yêu cầu đối thoại với Đông-phương. Thì, khi mà đảng-Cứu Thế chưa ra đời, chúng ta hội họp nhau hôm nay tại đây, chúng ta xin thành khẩn mà thay lời cho NGƯỜI hầu đáp lại cho Tây-phương rằng :

« Con đường giải thoát cho Việt-Nam và thế-giới là tôn giáo của ngày mai, mà gọi tốt là ĐẠO »

Chúng tôi lại xin ghi lại ba biểu ngữ điểm tô hội trường :

- Tôn giáo của Thượng đế nhằm vào mục đích yêu thương và liên kết, đừng làm thành nguyên nhân các sự thù hiềm và xung đột.
- Thượng đế tạo nên Nhân loại bằng một thứ cát bụi duy nhất hầu cho không ai tưởng rằng mình cao sang hơn kẻ kia.
- Chỉ có một Thượng đế và Nhân loại là các con người, thương yêu nhân loại là một tôn giáo duy nhất mà các đảng giáo tồ đều giảng dạy.

CHÂN DUNG TÌNH YÊU

Đề tài đầy đủ cuộc nói chuyện đầu xuân năm Mùi 67 do hội Bút-Việt tổ chức (1)

Vốn như sau : « Chân dung tình yêu qua tác phẩm của : Tuý-Hồng, Nhã-ca, Viên-linh, Võ Phiến, Dương-Nghiêm-Mậu, Doãn-Quốc - Sỹ. Nguyễn-Đình-Toàn, Thanh-Tâm Tuyền và Nhật-Tiến. »

Thính đường chật ních người nghe — mà số đông là bạn trẻ. Nguyên do hẳn là vì đề tài câu chuyện, nhưng thành tích của diễn giả (một trong ba nhà thơ được giải thưởng Văn chương toàn quốc năm rồi) cùng thái độ « nam nhi » của tác giả « Không bờ bến » trong bài cảm tưởng phát biểu trong buổi trao giải nói trên chắc cũng có dự phần (các cuộc nói chuyện năm rồi của hội Bút Việt tổ chức ít khi thu hút được nhiều thính giả).

Giới thiệu diễn giả, vị chủ tịch của Bút-Việt, ông Vũ-Hoàng-Chương, nhấn mạnh ở điểm: thi sĩ Tuệ Mai Trần-Thị-Gia-Minh là người « tham bán cổ kim » nội dung và hình thức những sáng tác của cô, trước kia chịu ảnh hưởng của Lí-Bạch, Đỗ-Phủ, Thanh-Quan, Bá-Quát...

Đề rồi sau này, phóng túng, tự do...

Diễn giả không có tham vọng trình bày một chân dung mẫu mực và chỉ lược qua một số tác phẩm biền tại đề tìm hiểu xem một số nhà văn hôm nay đã viết thế nào về Tình Yêu. Thì giờ buổi nói chuyện không cho phép diễn giả nói đến nhiều tác giả, nhiều tác phẩm giá trị khác.

Xã hội chúng ta bị chiến tranh dai dẳng đảo lộn cả đời sống tinh thần và vật chất, thì chân dung tình yêu cũng « bị » các nhà văn nhìn theo những khía cạnh khác nhau, cho nên diễn giả cho rằng ta không thể cho rằng chân dung này phản ánh được nhiều thực tại hơn chân dung kia, và cô xin tạm chia ra làm năm khuôn mặt tình yêu qua một số tác phẩm của chín nhà văn đã kể :

1.— Tình yêu được coi là độ gần của hạnh phúc và thiêng liêng.

2.— Tình yêu được coi như phương tiện khám phá đời sống.

(1) Tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn, 10 giờ sáng chủ nhật 19-2 1967.

3.— Tình yêu được coi như một vốn liếng làm người.

4.— Tình yêu được coi như một vết hằn trên khuôn mặt tuổi trẻ.

5.— Tình yêu được coi như một khát thèm khôn nguôi.

oOo

Cho tình yêu là độ gần của hạnh phúc và thiêng liêng, đó là quan niệm của Doãn-quốc-Sỹ và Nhật-Tiến.

Với họ Doãn, thì "tình yêu được gọi đây, ngỏ bày như một cần thiết cộng chung hi sinh. Vị trí tình yêu trong hầu hết tác phẩm của ông là vị trí của một thứ cứ điểm, một chính trục cho đời sống xoay quanh.". Và diễn giả giới thiệu tình yêu của Thiệu và Suzanne, của Thiệu và Yến trong *Dòng sông định mệnh*". Rồi cô nhắc lại mối tình của Tân với Thúy, một nữ sinh trung học thơ ngây, và sau đó, với Cúc, một gái làng chơi lì lợm trong *Vách đá cheo leo*, để kết luận rằng qua tác phẩm của nhà văn họ Bùi, thế giới tình yêu là "một thế giới của bao dung độ lượng, thế giới của một tình yêu nhân loại, giữa những Con Người (viết hoa), nó biểu trưng một tinh thần nhân bản, lòng bác ái, tương lân rất Đông-phương, rất cao thực."

Sang qua Võ-Phiến, thì tình yêu không có vai trò quan yếu, mà chỉ được "sử dụng như một phương tiện để khai quật, bóc tráp đời sống nội tâm, hầu làm bật lên những khía cạnh bi đát của con người". Bạch trong *Thương hoài ngàn năm* và Lê trong *Đàn ông* được đưa ra làm tỉ dụ để chứng minh rằng tình yêu dưới ngòi bút của họ Võ "quả nhiên chỉ là một duyên cớ để tác giả móc nứ vào đó biết bao khía cạnh phong phú và sâu kín của tâm hồn."

Chân dung thứ ba, do hai văn sĩ kiêm thi sĩ tài hoa, một nữ, một nam vẽ nên: đó là Nhã-Ca và Viên Linh, mà diễn giả phân tích vài nhân vật tiêu biểu qua hai tác phẩm *Đêm nghe tiếng đại bác* và *Thị trấn miền Đông*.

Trong *Đêm nghe tiếng đại bác*, Nhã-Ca cho ta thấy tình yêu là một thứ sóng ngầm, triền miên mãnh liệt, lần

xuống đáy sâu là (...) một sự cần thiết (...)

Cùng tạo chân dung tình yêu như một vốn liếng hơn người, Viên Linh cho tình yêu là "một thứ kỷ niệm, đúng hơn một lẽ sống khởi từ dĩ vãng làm sức đẩy người nhào tới tương lai".

Dương Nghiễn Mậu xem tình yêu như một giải trí tình cờ trong phần nhiều tác phẩm của mình. Qua *Tuổi nước độc* ta thấy "chỉ thói quen và nỗi cô đơn" và "tình yêu ở đây không kết được vòng dây ràng buộc huyền diệu nào". Những người yêu nhau, ở đây "họ gần nhau, xa nhau, còn nhau, mất nhau như một dừng đưa đẩy, như một tình cờ oan nghiệt". Nguyễn đình Toàn cùng một khuynh hướng này, song nhân vật của hai nhà văn này rất khác nhau, họ chỉ gặp nhau trong cái không khí chán nản bi quan yếm thế, mất tin tưởng của phần đông thanh niên thời hậu chiến; vài nhân vật trong tác phẩm *Chị em Hải*, được đặc biệt nhắc đến.

Sau chân dung vết hằn trên khuôn mặt tuổi trẻ, diễn giả giới thiệu chân dung chót: một khát thèm khôn nguôi cho những tâm hồn khao khát. Túy Hồng và Thanh Tân Truyền đã tô điểm cho chân dung này, qua *Thở dài* và *Khuôn mặt, Bếp lửa*. Với các nhân vật Túy Hồng, ta thấy một khát thèm đến cay chua chất đắng trong tâm hồn, còn Thanh Tân Truyền đưa ra một khuôn mặt tình yêu "bị xâu xé bởi nhiều mặc cảm, bị chi phối bởi nhiều vấn đề trong cuộc sống" của lớp người lớn lên trong cảnh xáo trộn đau thương của đất nước.

oOo

... "tình yêu là vấn đề muôn thuở. Muôn mặt tình yêu có muôn vẻ muôn màu. Mỗi thời, mỗi người nhận nghĩ về tình yêu một cách khác nhau, có thể là ai cũng đúng, có thể là ai cũng sai, cho nên câu chuyện chúng tôi vừa thưa với quý vị cũng chỉ là trong vòng loay hoay quanh đó mà thôi. Nhưng có lẽ có một điều đúng nhất là chỉ khi quý vị nghe chính con tim của mình nói về tình yêu của mình" đoạn kết này đã làm cho "quý vị" thính giả cười vui và tạm quên những tiếng đại bác thỉnh thoảng chấm câu câu chuyện...